

## LỜI MỞ ĐẦU

Đối với mỗi doanh nghiệp, dù kinh doanh trong lĩnh vực nào, lợi nhuận cao luôn là mục tiêu mà các doanh nghiệp hướng tới. Tuy nhiên, để đạt được mục tiêu này đòi hỏi phải có sự phối hợp nhịp nhàng, chặt chẽ giữa các khâu trong tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Có như vậy các nhà quản lý mới nắm rõ được tình hình tiêu thụ, các chi phí bỏ ra và kết quả kinh doanh thu được trong doanh nghiệp của mình, từ đó mới có thể đề ra các chiến lược kinh doanh phù hợp.

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai, em đã có dịp tìm hiểu thực tế và biết rõ hơn về công tác kế toán cũng như tầm quan trọng của nó, đặc biệt là công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, em đã mạnh dạn chọn đề tài: ***“Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai”*** cho bài khóa luận của mình.

Ngoài lời mở đầu và Kết luận, bài khóa luận của em gồm 3 chương:

**Chương 1:** Lý luận chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

**Chương 2:** Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.

**Chương 3:** Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai.

Vì thời gian và kiến thức có hạn nên bài viết của em chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô và các bạn để bài viết được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

**Sinh viên:**

***Nguyễn Hằng Nga***

## CHƯƠNG 1

### **LÝ LUẬN CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.**

#### **1.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP**

##### **1.1.1 Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn quan tâm là làm thế nào để hoạt động kinh doanh có hiệu quả nhất. Do đó, doanh nghiệp cần phải kiểm soát chặt chẽ doanh thu, chi phí để biết được kinh doanh mặt hàng nào, lĩnh vực nào đem lại hiệu quả cao; đồng thời xem xét, phân tích những mặt hàng nào còn hạn chế. Từ đó doanh nghiệp có thể đưa ra những giải pháp, chiến lược kinh doanh đúng đắn nhất. Để có thể tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh thật hợp lý và phù hợp, doanh nghiệp cần phải hiểu rõ vai trò của doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Doanh thu của doanh nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp. Trước hết, doanh thu là nguồn tài chính quan trọng để đảm bảo trang trải các khoản chi phí hoạt động kinh doanh, đảm bảo cho doanh nghiệp có thể tái sản xuất giản đơn cũng như tái sản xuất mở rộng, là nguồn để các doanh nghiệp có thể thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, tham gia liên doanh, liên kết với các đơn vị khác,...

Đồng thời các doanh nghiệp cũng luôn quan tâm đến việc quản lý chi phí, bởi nếu chi phí không hợp lý, không đúng với thực chất của nó, đều gây ra những khó khăn trong quản lý và có thể làm giảm lợi nhuận của doanh nghiệp. Vì vậy, vấn đề quan trọng đặt ra cho các nhà quản lý là phải kiểm soát được chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Dựa trên doanh thu đạt được và chi phí bỏ ra doanh nghiệp phải xác định đúng đắn kết quả kinh doanh. Có như vậy thì doanh nghiệp mới biết được thực chất tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ của mình, biết được xu hướng

phát triển của doanh nghiệp. Mặt khác, việc xác định này còn là cơ sở để tiến hành hoạt động phân phối cho từng bộ phận của doanh nghiệp.

Như vậy, việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa quan trọng trong việc thu thập, ghi chép các số liệu về tình hình hoạt động của doanh nghiệp; qua đó xử lý và cung cấp các thông tin giúp cho chủ doanh nghiệp và giám đốc điều hành có thể phân tích, đánh giá và lựa chọn phương án kinh doanh, phương án đầu tư có hiệu quả cao nhất; đồng thời giúp cho các cơ quan chủ quản, cơ quan quản lý tài chính, cơ quan thuế,...giám sát việc chấp hành các chính sách, chế độ kinh tế, tài chính, chính sách thuế của doanh nghiệp.

## **1.1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.**

Để đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh, kế toán cần thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, chính xác, kịp thời tình hình hiện có và sự biến động của từng loại sản phẩm, hàng hóa theo chỉ tiêu số lượng, chất lượng, chủng loại và giá trị.
- Phản ánh và ghi chép đầy đủ, kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động trong doanh nghiệp. Đồng thời theo dõi, đôn đốc, thu hồi các khoản nợ phía thu của khách hàng.
- Phản ánh, tính toán chính xác kết quả của từng hoạt động, giám sát tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước và tình hình phân phối kết quả các hoạt động.
- Cung cấp thông tin kế toán cần thiết phục vụ cho việc lập báo cáo tài chính và định kỳ phân tích hoạt động kinh tế liên quan đến quá trình bán hàng, xác định và phân phối kết quả.

## **1.1.3 Các khái niệm cơ bản:**

### **1.1.3.1 Doanh thu.**

Doanh thu là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

## *Các loại doanh thu:*

### ❖ **Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được liên quan đến việc bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp các lao vụ, dịch vụ.

📖 Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Doanh nghiệp xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

📖 Thời điểm ghi nhận Doanh thu bán hàng theo các phương thức bán hàng:

- Tiêu thụ theo phương thức trực tiếp: Theo tiêu thức này, người bán giao hàng cho người mua tại kho, tại quầy hay tại phân xưởng sản xuất. Khi người mua đã nhận đủ hàng và ký vào hóa đơn thì hàng chính thức được coi là tiêu thụ, người bán có quyền ghi nhận doanh thu.
- Tiêu thụ theo phương thức ký gửi đại lý: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi nhận báo cáo bán hàng do đại lý ký gửi.
- Tiêu thụ theo phương thức chuyển hàng: Thời điểm ghi nhận doanh thu là khi bên bán đã chuyển hàng đến địa điểm của bên mua và bên bán đã thu được tiền hàng hoặc đã thu được bên mua nhận nợ.
- Tiêu thụ theo phương thức trả chậm, trả góp: Theo tiêu thức này, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá trả một lần ngay từ đầu không bao gồm tiền lãi về trả chậm, trả góp.



📖 Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn đồng thời 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

### ❖ **Doanh thu bán hàng nội bộ.**

Doanh thu bán hàng nội bộ là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, Tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

### ❖ **Các khoản giảm trừ doanh thu.**

✓ *Chiết khấu thương mại(CKTM):* là số tiền người mua được hưởng do mua hàng với số lượng lớn theo thỏa thuận (đã ghi trên hợp đồng kinh tế mua bán hoặc cam kết mua, bán hàng).

✓ *Giảm giá hàng bán (GGHB):* là số tiền người bán giảm trừ cho người mua trong trường hợp đặc biệt vì lý do hàng kém phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách, kích cỡ.

✓ *Hàng bán bị trả lại (HBBTL):* là giá trị của số sản phẩm, hàng hóa bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng.

✓ *Thuế giá trị gia tăng phải nộp (theo phương pháp trực tiếp):* thuế GTGT là một loại thuế gián thu, tính trên phần tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ. Đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp thì thuế GTGT sẽ được xác định bằng tỷ lệ phần trăm GTGT tính trên doanh thu.

✓ *Thuế tiêu thụ đặc biệt:* là loại thuế gián thu, thu ở một số sản phẩm, hàng hóa dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt.

✓ *Thuế xuất khẩu:* là loại thuế gián thu, đánh vào các mặt hàng được phép xuất khẩu.

## ❖ **Doanh thu thuần.**

Doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

## ❖ **Doanh thu hoạt động tài chính.**

Doanh thu hoạt động tài chính là giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính. Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm các khoản thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

## ❖ **Thu nhập khác.**

Theo chuẩn mực kế toán số 14, Thu nhập khác là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu.

### **1.1.3.2 Chi phí.**

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến là giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

#### **Các loại chi phí:**

❖ **Giá vốn hàng bán:** là giá trị thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hóa (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính và giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

❖ **Chi phí bán hàng:** là toàn bộ các chi phí phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

❖ **Chi phí quản lý doanh nghiệp:** là các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung của doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, dịch vụ mua ngoài,...

❖ **Chi phí hoạt động tài chính:** là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp, gồm chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, lỗ tỷ giá hối đoái,...

❖ **Chi phí khác:** là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

❖ **Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Là loại thuế thực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm:

✓ *Chi phí thuế TNDN hiện hành:* là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.

✓ *Chi phí thuế TNDN hoãn lại:* là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai, phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

### 1.1.3.3 Xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm:

➤ *Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh:* Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và chi phí QLDN.

|                               |   |                  |   |                                    |   |      |   |               |
|-------------------------------|---|------------------|---|------------------------------------|---|------|---|---------------|
| Lợi nhuận thuần<br>từ HĐ SXKD | = | DT BH<br>và CCDV | - | Các khoản<br>giảm trừ<br>doanh thu | - | GVHB | - | CPBH,<br>QLDN |
|-------------------------------|---|------------------|---|------------------------------------|---|------|---|---------------|

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

➤ *Kết quả hoạt động tài chính:* Là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

|                     |   |                               |   |                   |
|---------------------|---|-------------------------------|---|-------------------|
| Lợi nhuận tài chính | = | Doanh thu hoạt động tài chính | – | Chi phí tài chính |
|---------------------|---|-------------------------------|---|-------------------|

➤ *Kết quả hoạt động khác:* Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

|                |   |                |   |              |
|----------------|---|----------------|---|--------------|
| Lợi nhuận khác | = | Doanh thu khác | – | Chi phí khác |
|----------------|---|----------------|---|--------------|

➤ *Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế:* là tổng số của Lợi nhuận từ hoạt động SXKD, Lợi nhuận tài chính và lợi nhuận khác.

|                                   |   |                            |   |                     |   |                |
|-----------------------------------|---|----------------------------|---|---------------------|---|----------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | = | Lợi nhuận thuần từ HĐ SXKD | + | Lợi nhuận tài chính | + | Lợi nhuận khác |
|-----------------------------------|---|----------------------------|---|---------------------|---|----------------|

➤ *Lợi nhuận sau thuế TNDN:* là số lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế TNDN.

|                         |   |                                   |   |                   |
|-------------------------|---|-----------------------------------|---|-------------------|
| Lợi nhuận sau thuế TNDN | = | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | – | Chi phí thuế TNDN |
|-------------------------|---|-----------------------------------|---|-------------------|

### 1.2 NỘI DUNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

#### 1.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.

##### 1.2.1.1 Chứng từ sử dụng.

- ✓ Thẻ quầy hàng, Báo cáo bán hàng.
- ✓ Hóa đơn GTGT (được lập làm 3 liên).
- ✓ Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, Giấy báo có.
- ✓ Báo cáo chi tiết hàng ủy thác nhập, giao bán thẳng, nhận hàng.
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

##### 1.2.1.2 Tài khoản sử dụng.

###### ❖ *Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ*

☞ Các tài khoản cấp 2:

- TK5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK5112: Doanh thu bán các thành phẩm

- TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK5114: Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK5117: Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư
- TK5118: Doanh thu khác

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và được xác định là đã bán trong kỳ kế toán;
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
- Doanh thu bán hàng bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán, khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ;
- Kết chuyển doanh thu thuần và TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Bên Có:*

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

*Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.*

### ❖ **Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ.**

☞ Các tài khoản cấp 2:

- TK5121: Doanh thu bán hàng hóa.
- TK5122: Doanh thu bán các thành phẩm.
- TK5123: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán;
- Số thuế tiêu thụ đặc biệt, số thuế GTGT phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ;

- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Bên Có:*

Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

*Tài khoản 512 không có số dư cuối kỳ.*

❖ ***Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại.***

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

*Bên Có:*

Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

*Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.*

❖ ***Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại.***

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

*Bên Có:*

Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ” để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

*Tài khoản 531 không có số dư cuối kỳ.*

❖ ***Tài khoản 532 – Giảm giá hàng bán.***

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng bán kém, mất phẩm chất hoặc sai quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

*Bên Có:*

Kết chuyển toàn bộ số tiền giảm giá hàng bán sang Tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”, hoặc Tài khoản 512 “Doanh thu bán hàng nội bộ”.

*Tài khoản 532 không có số dư cuối kỳ.*

❖ ***Tài khoản 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước.***

☞ Các tài khoản cấp 2 dùng để hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:

- TK3331: Thuế GTGT phải nộp
- TK3332: Thuế tiêu thụ đặc biệt
- TK3333: Thuế xuất, nhập khẩu.

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

- Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào Ngân sách Nhà nước;
- Số thuế được giảm trừ vào số thuế phải nộp;
- Số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

*Bên Có:*

- Số thuế GTGT đầu ra và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp;
- Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào Ngân sách Nhà nước.

*Tài khoản 333 có số dư bên Có hoặc bên Nợ (nếu có).*

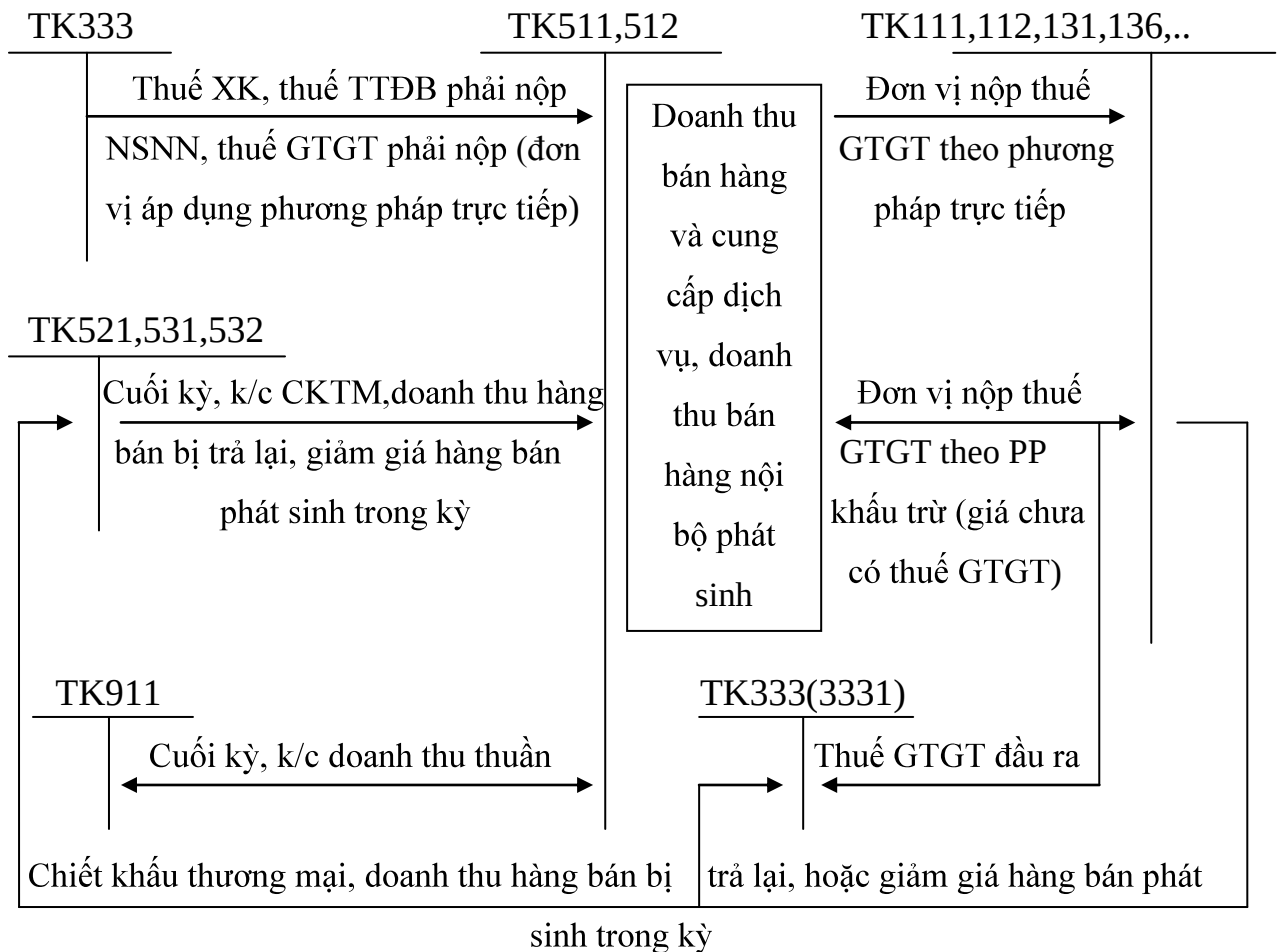
### **1.2.1.3 Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua sơ đồ 1.1.



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ 1.1: Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ và các khoản giảm trừ doanh thu.



### 1.2.2 Kế toán giá vốn hàng bán.

#### 1.2.2.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

Căn cứ vào chuẩn mực kế toán số 02 – “Hàng tồn kho”, có 4 phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho là:

✓ *Phương pháp bình quân gia quyền*: giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương từ đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của doanh nghiệp.

✓ *Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO)*: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời

điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

✓ *Phương pháp nhập sau, xuất trước (LIFO)*: áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sau hoặc sản xuất sau thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị của hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

✓ *Phương pháp tính theo giá đích danh*: được áp dụng đối với doanh nghiệp có ít mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

### **1.2.2.2 Chứng từ sử dụng.**

- ✓ Phiếu xuất kho.
- ✓ Thẻ quầy hàng, Báo cáo bán hàng.
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

### **1.2.2.3 Tài khoản sử dụng.**

☞ *Tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán.*

☞ *Kết cấu:*

☞ ***Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.***

*Bên Nợ:*

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công, chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm gây ra;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

---

- Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT; Số khấu hao BĐSĐT trích trong kỳ;
- Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động, bán, thanh lý BĐSĐT trong kỳ; Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ.

*Bên Có:*

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”;
- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;
- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính;
- Trị giá bán bị trả lại nhập kho.

*Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.*

**➤ Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.**

*Bên Nợ:*

- Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;
- Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Trị giá vốn của hàng hoá đã xuất bán trong kỳ;
- Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho, dịch vụ đã hoàn thành.

*Bên Có:*

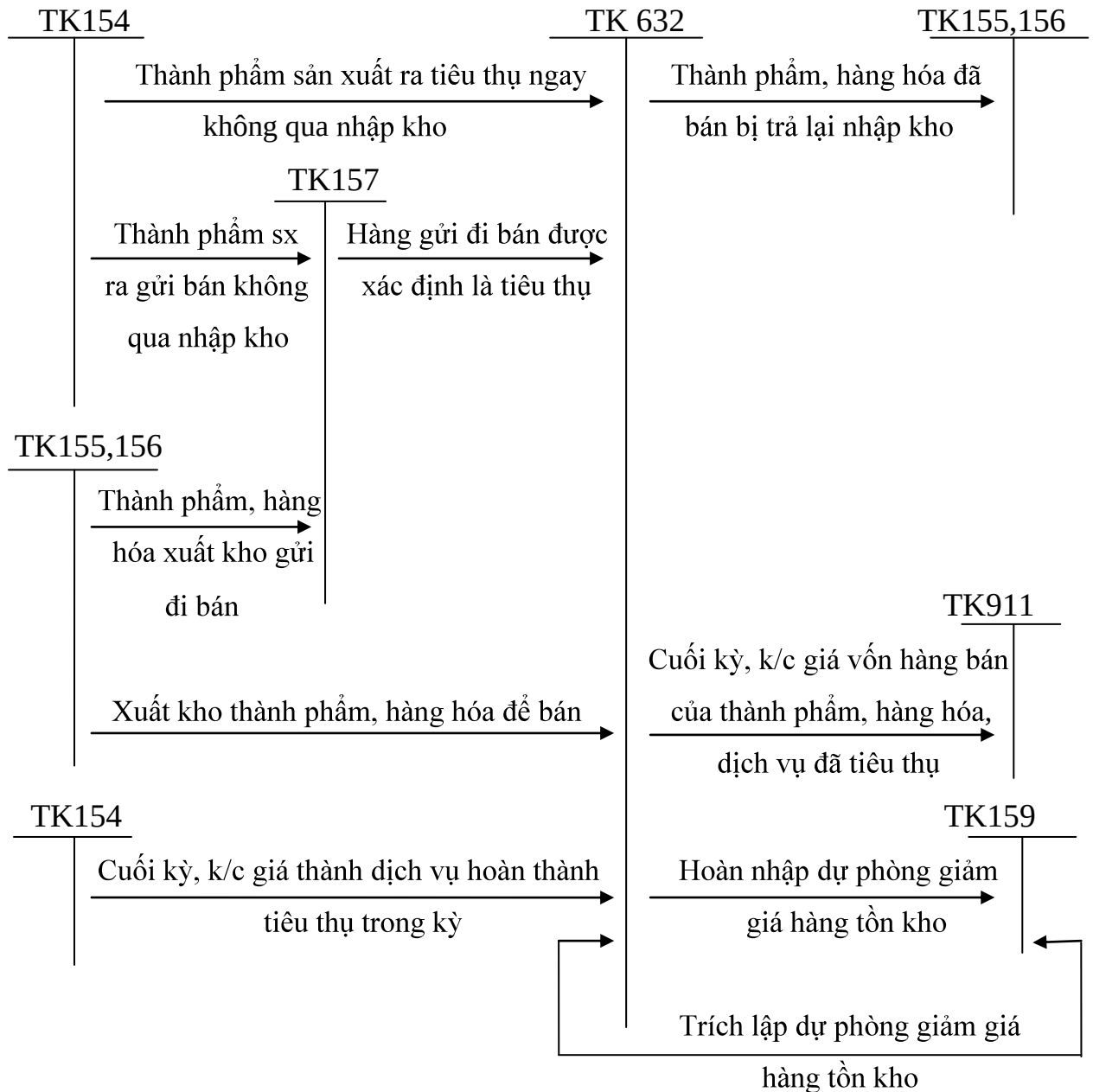
- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính
- Kết chuyển giá vốn của hàng hoá đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ;
- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.*

## 1.2.2.4 Phương pháp hạch toán.

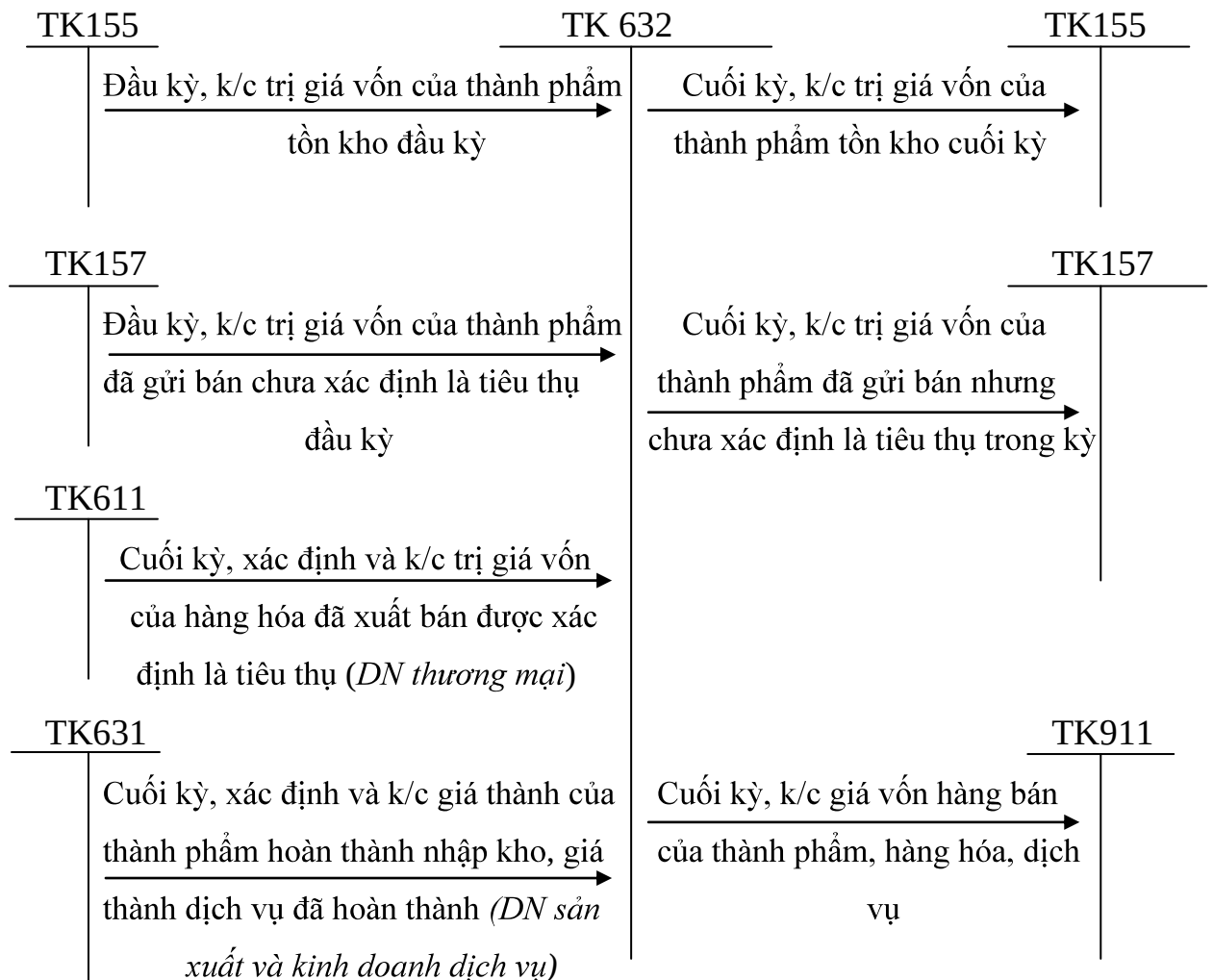
Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo 2 phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ được khái quát qua 2 sơ đồ 1.2 và 1.3.

### Sơ đồ 1.2: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên.



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Sơ đồ 1.3: Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



### 1.2.3 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

#### 1.2.3.1 Chứng từ sử dụng.

- ✓ Giấy đề nghị thu nợ, phiếu hạch toán giao dịch khách hàng.
- ✓ Bảng sao kê tài khoản khách hàng
- ✓ Bảng kê tiền vay và trả nợ vay.
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

#### 1.2.3.2 Tài khoản sử dụng.

##### ❖ Tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

☞ Kết cấu:

Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911.

*Bên Có:*

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia; lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng; lãi tỷ giá hối đoái;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào hoạt động doanh thu tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

*Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.*

### ❖ **Tài khoản 635 – Chi phí tài chính.**

☞ **Kết cấu:**

*Bên Nợ:*

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ; Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái; Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

*Bên Có:*

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

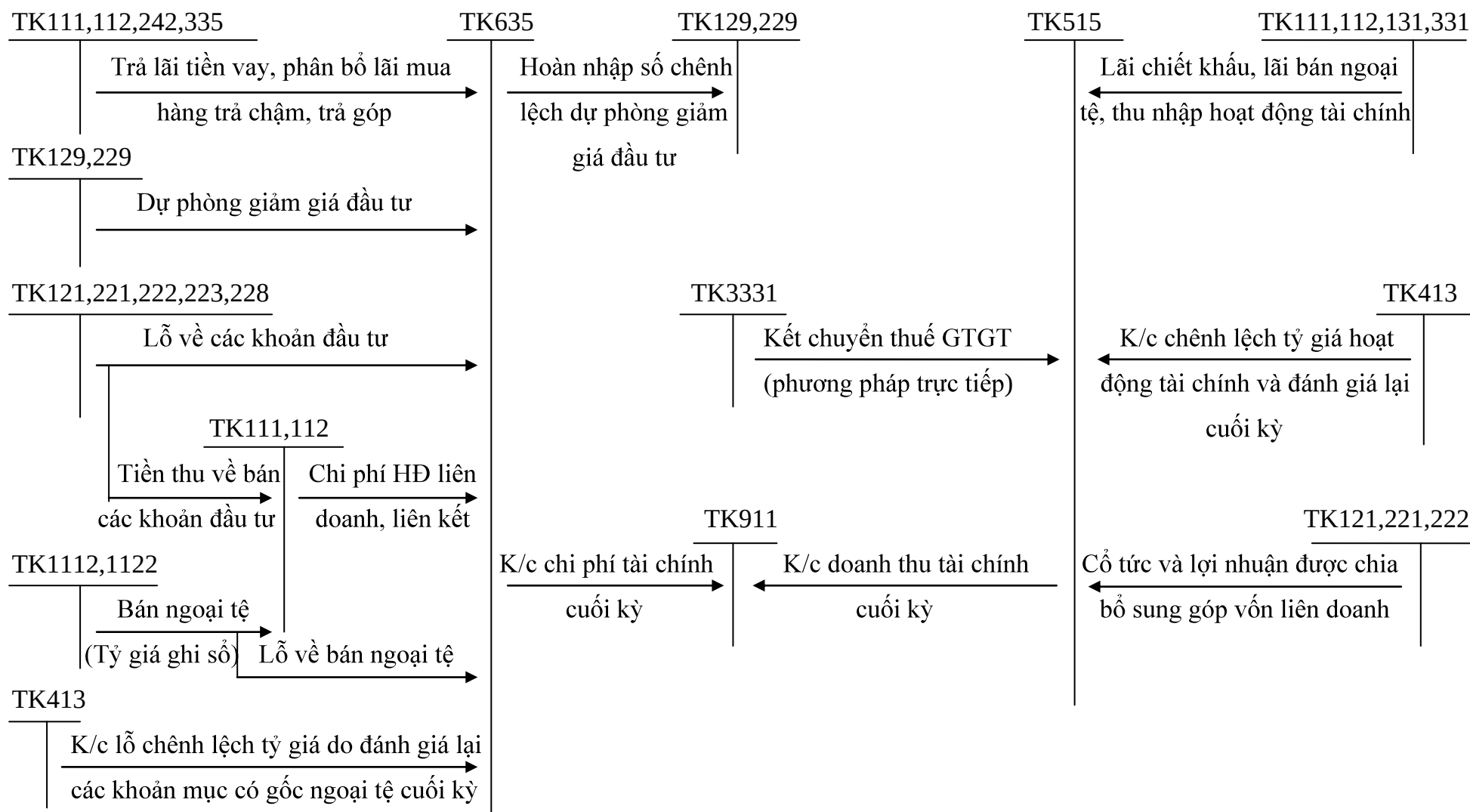
*Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.*

### **1.2.3.3 Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua sơ đồ 1.4.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Sơ đồ 1.4: Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.**





## 1.2.4 Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

### 1.2.4.1 Chứng từ sử dụng.

- ✓ Hóa đơn GTGT, phiếu chi, giấy báo Nợ.
- ✓ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ
- ✓ Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

### 1.2.4.2 Tài khoản sử dụng.

#### ❖ Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

☞ Các tài khoản cấp 2:

- TK6411: Chi phí nhân viên
- TK6412: Chi phí vật liệu, bao bì
- TK6413: Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- TK6414: Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK6415: Chi phí bảo hành
- TK6417: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6418: Chi phí bằng tiền khác

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

*Bên Có:*

Kết chuyển chi phí bán hàng vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

*Tài khoản 641 không có số dư cuối kỳ.*

#### ❖ Tài khoản 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp.

☞ Các tài khoản cấp 2:

- TK6421: Chi phí nhân viên quản lý
- TK6422: Chi phí vật liệu quản lý
- TK6423: Chi phí đồ dùng văn phòng
- TK6424: Chi phí khấu hao TSCĐ

- TK6425: Thuế, phí, lệ phí
- TK6426: Chi phí dự phòng
- TK6427: Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK6428: Chi phí bằng tiền khác

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Dự phòng trợ cấp mất việc làm

*Bên Có:*

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào Tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

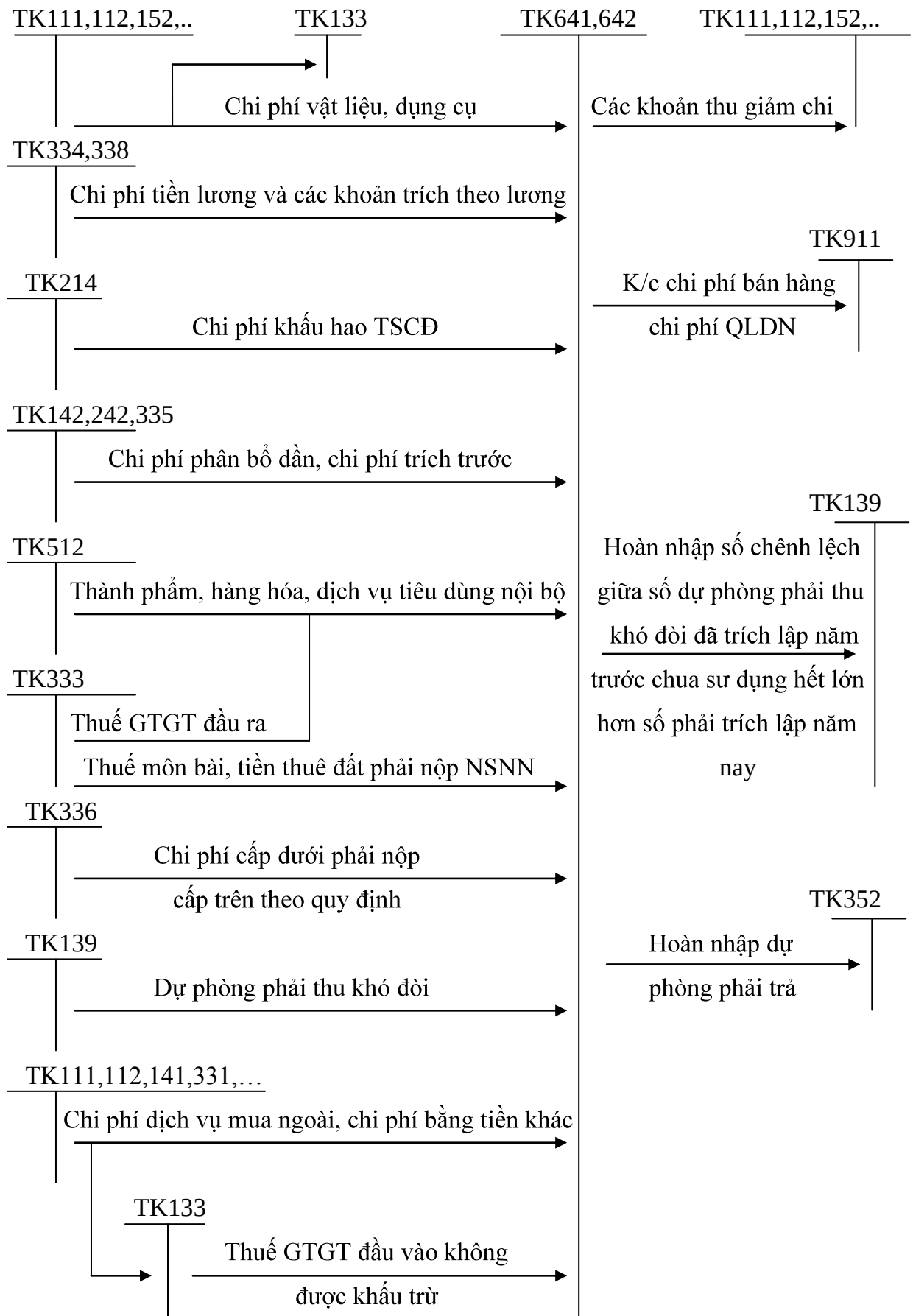
*Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.*

### **1.2.4.3 Phương pháp hạch toán.**

Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát qua sơ đồ 1.5.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Sơ đồ 1.5: Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.**



## 1.2.5 Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.

### 1.2.5.1 Chứng từ sử dụng.

- ✓ Biên bản đánh giá lại tài sản
- ✓ Biên bản thanh lý nhượng bán TSCĐ
- ✓ Phiếu thu, phiếu chi
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan

### 1.2.5.2 Tài khoản sử dụng.

#### ❖ Tài khoản 711 – Thu nhập khác

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các tài khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp;
- Cuối kỳ, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.

*Bên Có:*

Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

*Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.*

#### ❖ Tài khoản 811 – Chi phí khác

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

Các khoản chi phí khác phát sinh.

*Bên Có:*

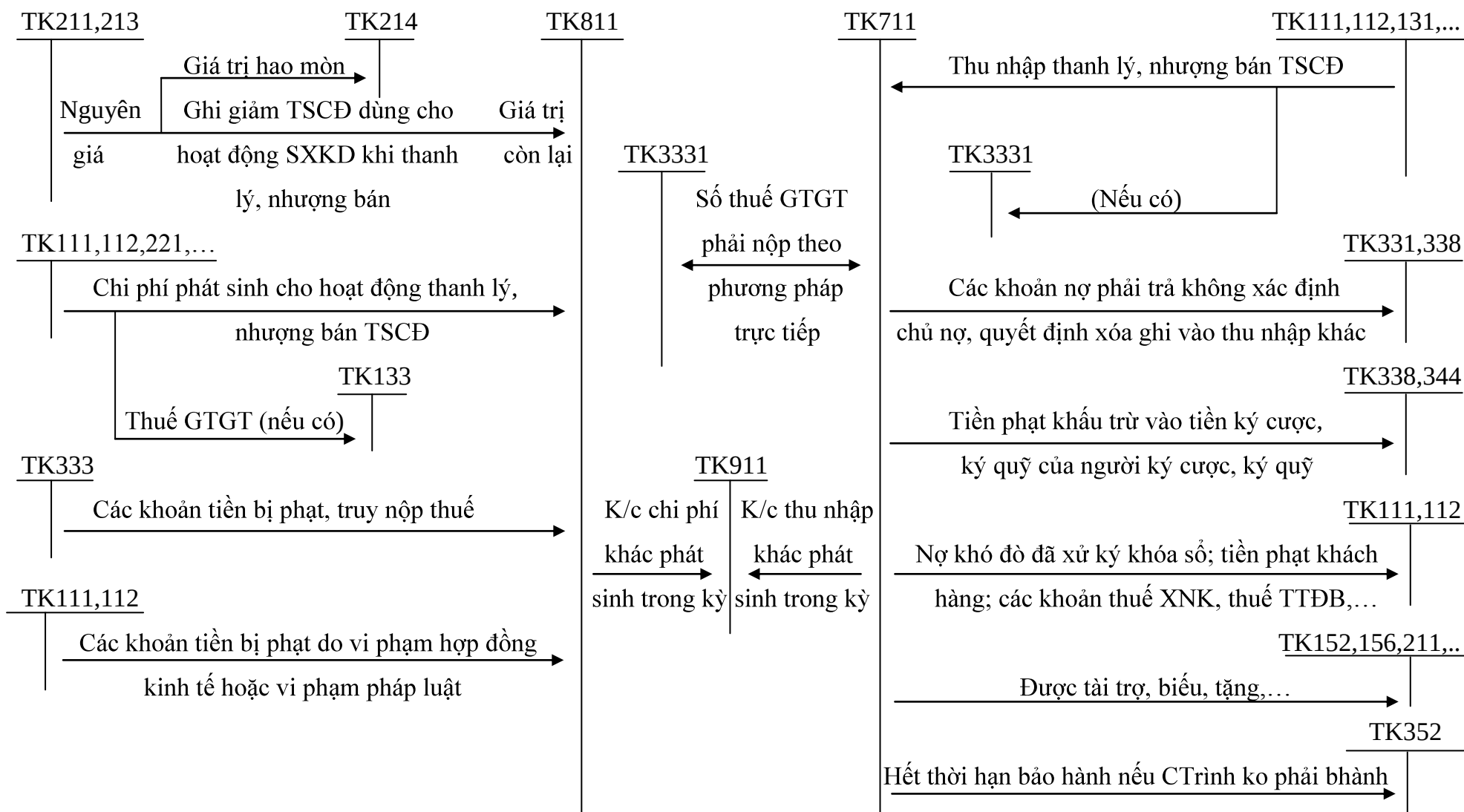
Cuối kỳ, kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.

*Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.*

### 1.2.5.3 Phương pháp hạch toán.

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua sơ đồ 1.6.

**Sơ đồ 1.6: Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác**



## 1.2.6 Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

### 1.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- ✓ Phiếu kế toán.
- ✓ Quyết định xử lý lỗ các năm trước.
- ✓ Quyết định trích lập các quỹ trong doanh nghiệp.
- ✓ Các biên bản, hợp đồng về việc chia lợi nhuận,...
- ✓ Các chứng từ khác có liên quan.

### 1.2.6.2 Tài khoản sử dụng

#### ❖ Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;
- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;
- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Kết chuyển lãi.

*Bên Có:*

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;
- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Kết chuyển lỗ.

*Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.*

#### ❖ Tài khoản 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

☞ Kết cấu:

*Bên Nợ:*

- Thuế TNDN phải nộp tính vào chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm;

- Thuế TNDN hiện hành của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại.

*Bên Có:*

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm;

- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm;
- Kết chuyển chi phí thuế TNDN vào bên Nợ Tài khoản 911.

*Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ.*

### ❖ ***Tài khoản 421 – Lợi nhuận chưa phân phối***

☞ **Kết cấu:**

*Bên Nợ:*

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp; Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh; Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

*Bên Có:*

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên bù;
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

*Tài khoản 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có*

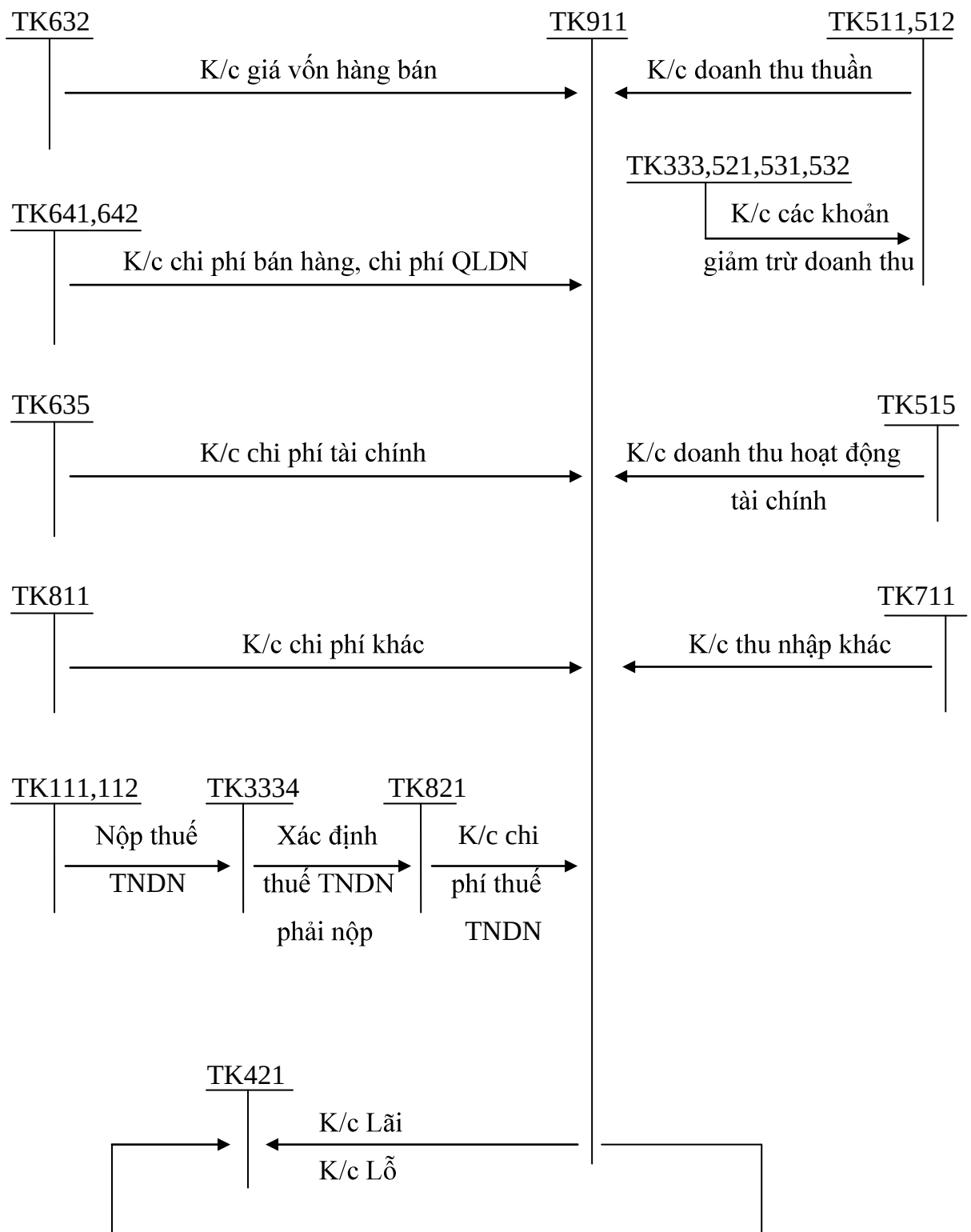
- *Số dư bên Nợ:* Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
- *Số dư bên Có:* Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

### **1.2.6.3 Phương pháp hạch toán**

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được khái quát qua sơ đồ 1.7.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Sơ đồ 1.7: Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh.**





## 1.3 TỔ CHỨC VẬN DỤNG HỆ THỐNG SỔ SÁCH VÀO CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KQKD TRONG DN.

Để ghi chép, hệ thống hóa các thông tin kế toán doanh nghiệp phải sử dụng một hình thức kế toán nhất định, phù hợp với đặc điểm, quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp và trình độ của đội ngũ cán bộ kế toán hiện có.

Hiện nay, các hình thức kế toán các doanh nghiệp áp dụng bao gồm: Hình thức kế toán Nhật ký chung, hình thức Nhật ký - Sổ cái, hình thức Chứng từ ghi sổ, hình thức KT Nhật ký – Chứng từ, hình thức KT trên máy vi tính.

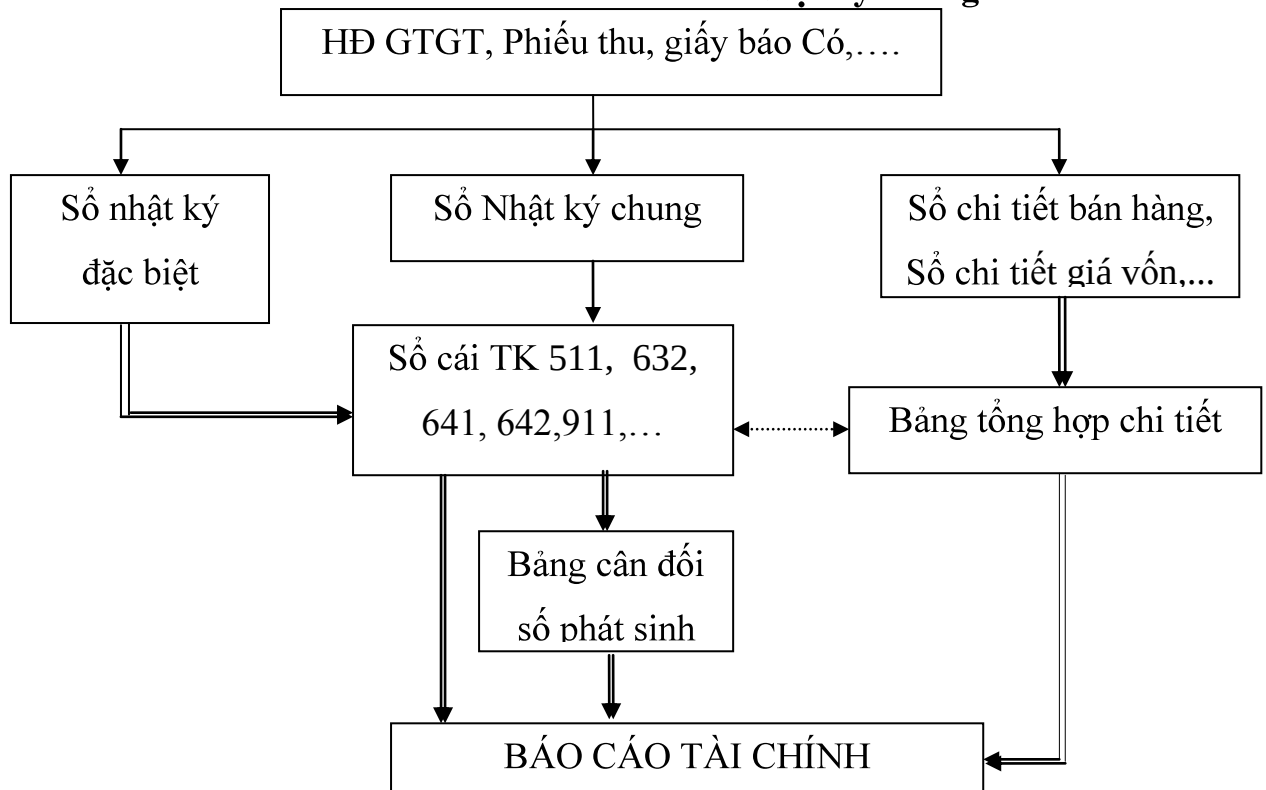
### 1.3.1 Hình thức kế toán Nhật ký chung

- **Đặc điểm:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi theo thứ tự thời gian, theo quan hệ đối ứng của các tài khoản vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ vào sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.

- **Ưu điểm:** Mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, thuận tiện cho phân công công việc.

- **Nhược điểm:** Việc ghi chép bị trùng lặp nhiều.

**Sơ đồ 1.8: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký chung**



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày →  
Ghi vào cuối tháng ==>  
Đối chiếu, kiểm tra <-.....->

## 1.3.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

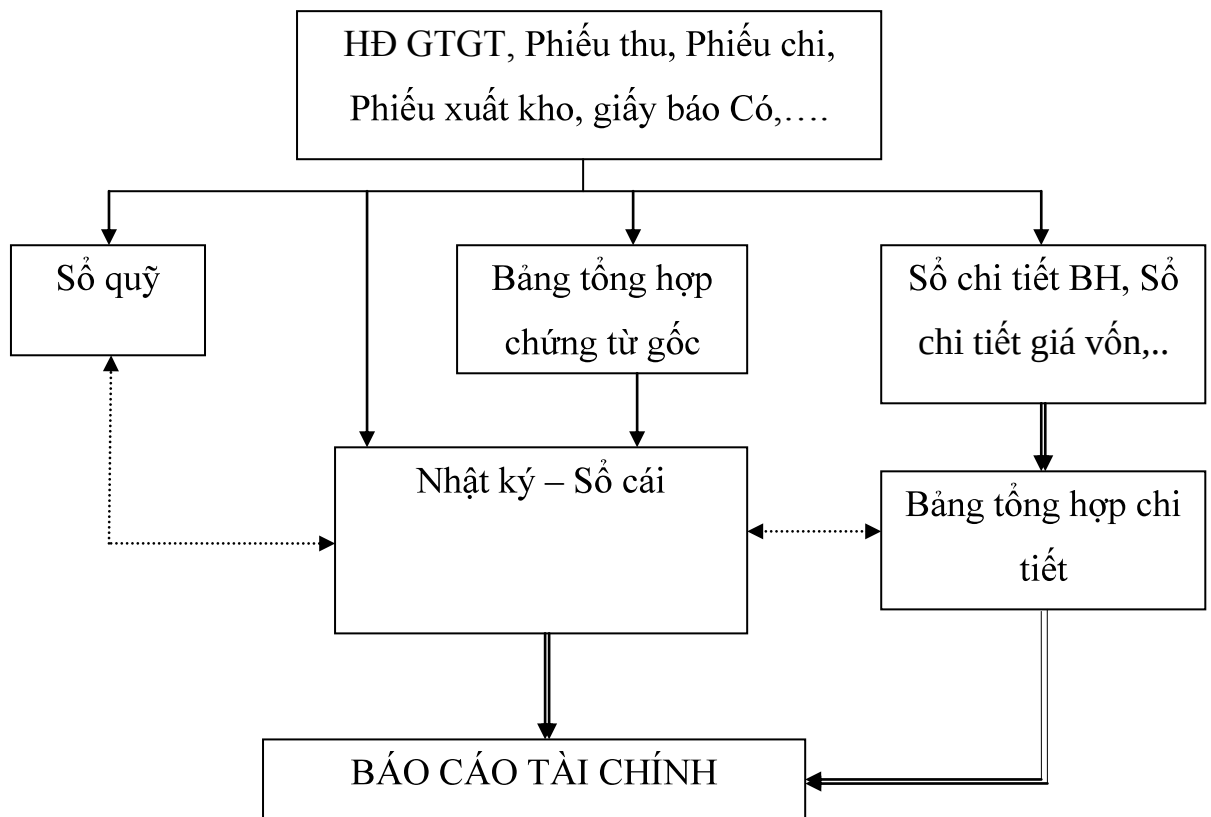
▪ **Đặc điểm:** Sử dụng Sổ nhật ký sổ cái làm sổ tổng hợp để ghi chép tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo thứ tự thời gian và theo theo hệ thống trên cùng một trang sổ.

▪ **Ưu điểm:** Sử dụng các loại sổ có kết cấu đơn giản, dễ kiểm tra đối chiếu.

▪ **Nhược điểm:** Khó phân công công việc.

Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái được khái quát qua sơ đồ 1.9.

**Sơ đồ 1.9: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái**



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày →  
Ghi vào cuối tháng ==>  
Đối chiếu, kiểm tra <-.....->

## 1.3.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

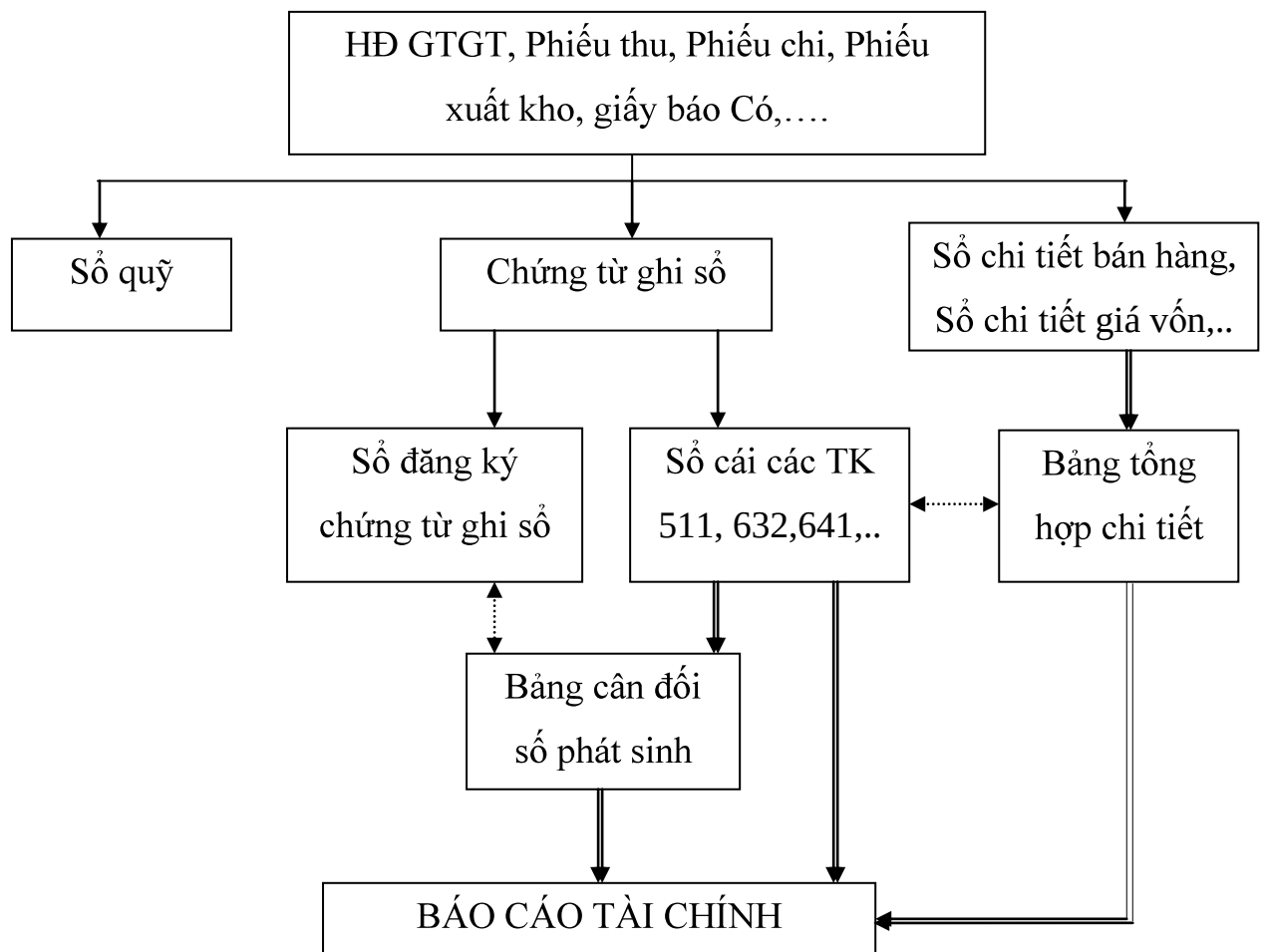
▪ **Đặc điểm:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại, tổng hợp để lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ ghi vào sổ cái các tài khoản có liên quan.

▪ **Ưu điểm:** Kết cấu mẫu sổ đơn giản, dễ ghi chép, dễ đối chiếu số liệu.

▪ **Nhược điểm:** Ghi chép còn trùng lặp, khối lượng ghi chép nhiều.

Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được khái quát qua sơ đồ 1.10.

**Sơ đồ 1.10: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ**



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày →

Ghi vào cuối tháng ==>

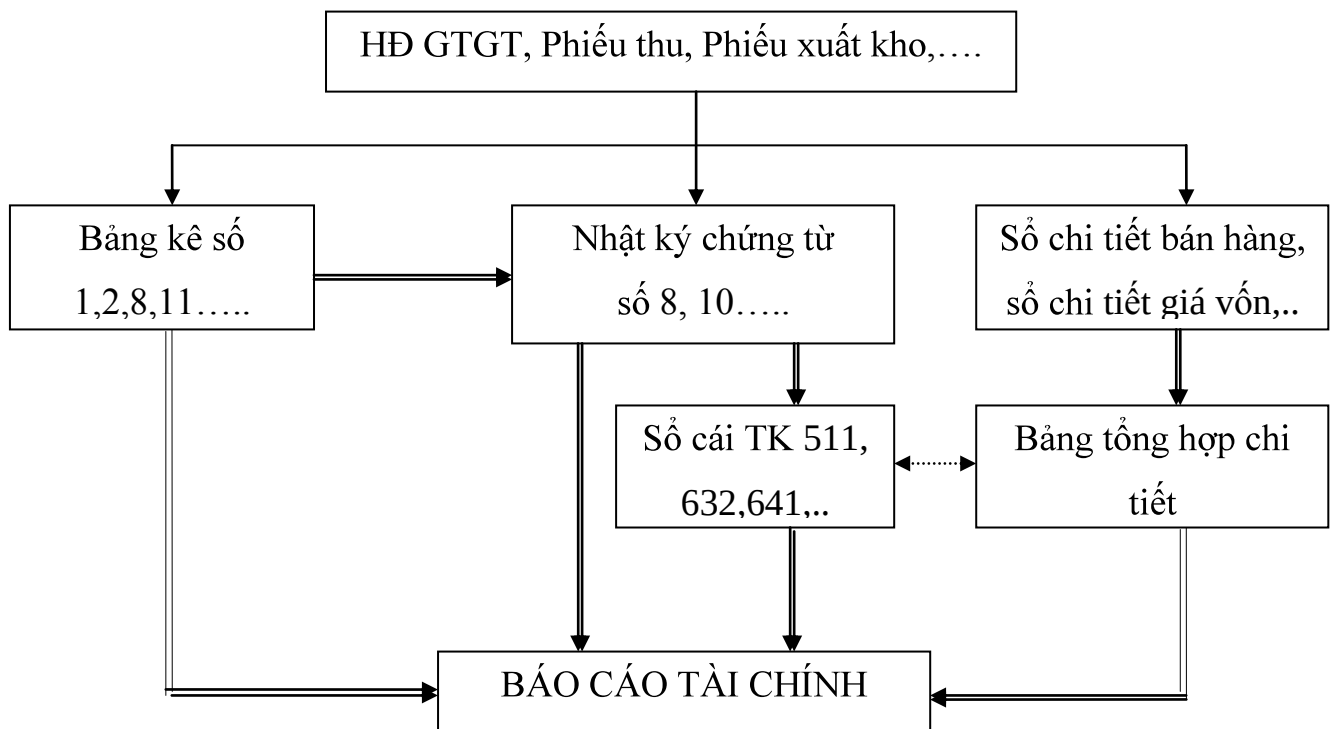
Đối chiếu, kiểm tra <-.-.-.->

## 1.3.4 Hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ

- **Đặc điểm:** Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được phân loại và ghi vào Bảng kê và Nhật ký chứng từ. Cuối tháng, tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ để ghi vào Sổ cái các tài khoản có liên quan.
- **Ưu điểm:** Tập hợp số liệu vào các chứng từ, sổ theo quan hệ đối ứng của các tài khoản nên giảm nhẹ thao tác ghi chép, dễ đối chiếu, kiểm tra.
- **Nhược điểm:** Mẫu sổ phức tạp, đòi hỏi nhân viên kế toán phải có chuyên môn vững vàng.

Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ được khái quát qua sơ đồ 1.11.

**Sơ đồ 1.11: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ**



**Ghi chú:**

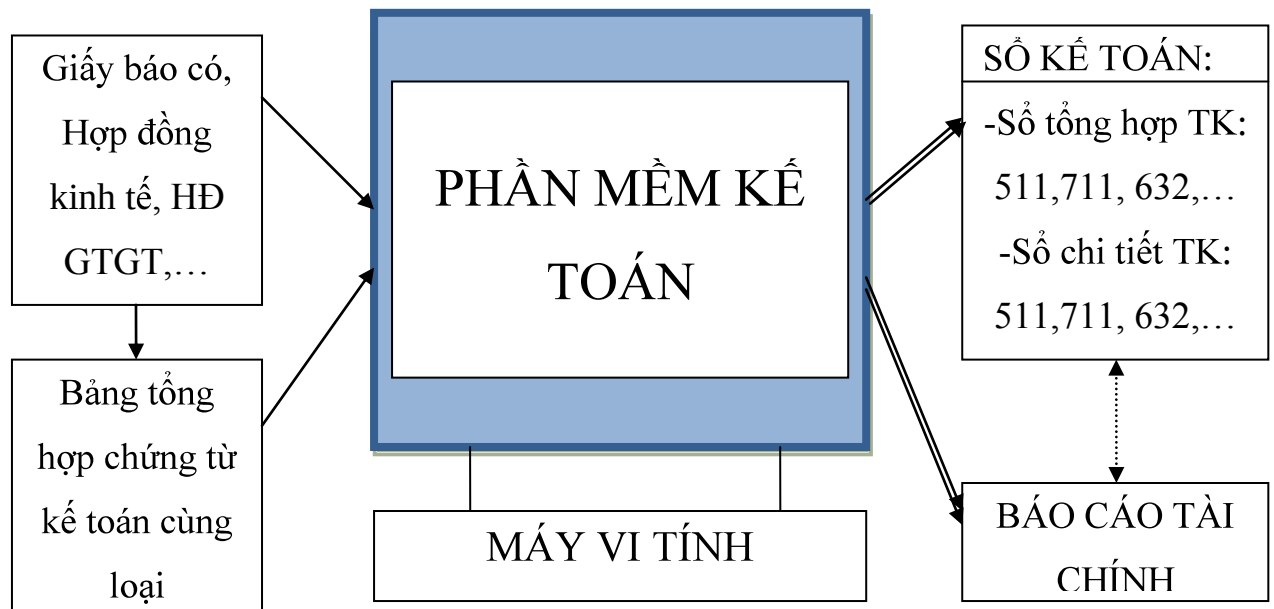
- Ghi hàng ngày                       $\longrightarrow$
- Ghi vào cuối tháng                 $\Longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra                $\longleftrightarrow$

## 1.3.5 Hình thức kế toán trên máy vi tính

Đặc trưng cơ bản của kế toán trên máy vi tính là công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán trên máy vi tính được thiết kế theo nguyên tắc của 1 trong 4 hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán. Nhưng phải được in đầy đủ sổ kế toán và các Báo cáo tài chính theo quy định.

Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán trên máy vi tính được khái quát qua sơ đồ 1.12.

**Sơ đồ 1.12: Trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức kế toán trên máy vi tính**



### Ghi chú:

- Nhập số liệu hàng ngày
- ====> In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối quý, cuối năm
- ◄-----> Đối chiếu, kiểm tra

## **CHƯƠNG 2**

### **THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI**

#### **2.1 KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI.**

##### **2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần thương mại Minh khai.**

- Tên công ty : Công Ty Cổ Phần Thương Mại Minh Khai
- Tên viết tắt : Minh Khai J.S.C
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 23 Minh Khai – Hồng Bàng –Hải Phòng
- Chủ tịch HĐQT - Tổng giám đốc : Nguyễn Bích Hòa
- Số điện thoại : 031.3842346/3822802      Fax : 031.3842438
- Mã số thuế : 0200585677
- Số tài khoản: 102010000201669 tại ngân hàng Công thương Hải Phòng  
32110000141254 tại ngân hàng Đầu tư & Phát triển HP  
160314851005299 tại Ngân hàng Eximbank
- Email : [mktraco@hn.vnn.vn](mailto:mktraco@hn.vnn.vn)
- Website : [www.minhkhaitraco.com](http://www.minhkhaitraco.com)

Công ty cổ phần thương mại Minh Khai tiền thân là Bách hoá tổng hợp Minh Khai được thành lập vào năm 1977 theo quyết định số 350/QĐ- UB của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng đúng nhân dịp kỉ niệm 32 năm ngày quốc khánh nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Trải qua hơn 30 năm hoạt động, công ty đã có một số lần thay đổi về tổ chức với những tên gọi: Bách hoá tổng hợp Minh Khai, Công ty thương nghiệp tổng hợp Minh Khai, công ty Thương Mại Minh Khai. Đến ngày 4/3/2004 theo quyết định số 561/QĐ-VB của UBND thành phố Hải Phòng, Bách hoá tổng hợp Minh Khai đã được chính thức đổi tên thành công ty cổ phần thương mại Minh Khai với vốn điều lệ 22.726.000.000 đ vốn điều lệ. Qua các thời kỳ hoạt

động với không ít những khó khăn và thách thức nhưng Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai luôn là một doanh nghiệp làm ăn có hiệu quả. Trong thời gian đầu khi nước ta mới bước vào nền kinh tế thị trường, không ít những doanh nghiệp đã thất bại nhưng Bách hoá tổng hợp Minh Khai mà giờ đây là công ty Cổ phần thương mại Minh Khai vẫn đứng vững và ngày càng khẳng định vị thế của mình. Từ ngày bước vào quá trình cổ phần hoá, công ty làm ăn có hiệu quả càng cao hơn và đã đạt được một số những thành tựu nhất định, liên tục nhận được những bằng khen, giấy khen của UBND thành phố Hải Phòng cũng như Nhà nước trao tặng :

- Năm 2007 Nhà nước tặng huân chương lao động hạng Nhì.
- Năm 2008 được bình chọn là 1 trong 10 DN tiêu biểu thành phố Hải Phòng.

➔ ***Công ty hoạt động kinh doanh trên lĩnh vực Thương mại và dịch vụ với các ngành nghề kinh doanh sau:***

- Kinh doanh hàng công nghệ phẩm, hàng điện máy, điện tử, thực phẩm công nghệ, các mặt hàng công cụ sản xuất nhỏ, các dịch vụ gia công chế biến vật tư, nguyên liệu, thiết bị nội thất, hàng nông sản thực phẩm tươi sống, cà phê hạt, gỗ xây dựng, hóa chất thông thường, hàng tiêu dùng, xăng dầu, gas hóa lỏng, nước giải khát, rượu, thuốc lá điều sản xuất trong nước...

- Kinh doanh chế biến lương thực, kinh doanh và cho thuê phương tiện vận tải, kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ tắm hơi, vật lí trị liệu, cho thuê kho ...

- Sản xuất, kinh doanh sản phẩm may công nghiệp
- Kinh doanh vàng, bạc, đá quý, kinh doanh, chế biến lâm - thủy - hải sản
- Dịch vụ quảng cáo...

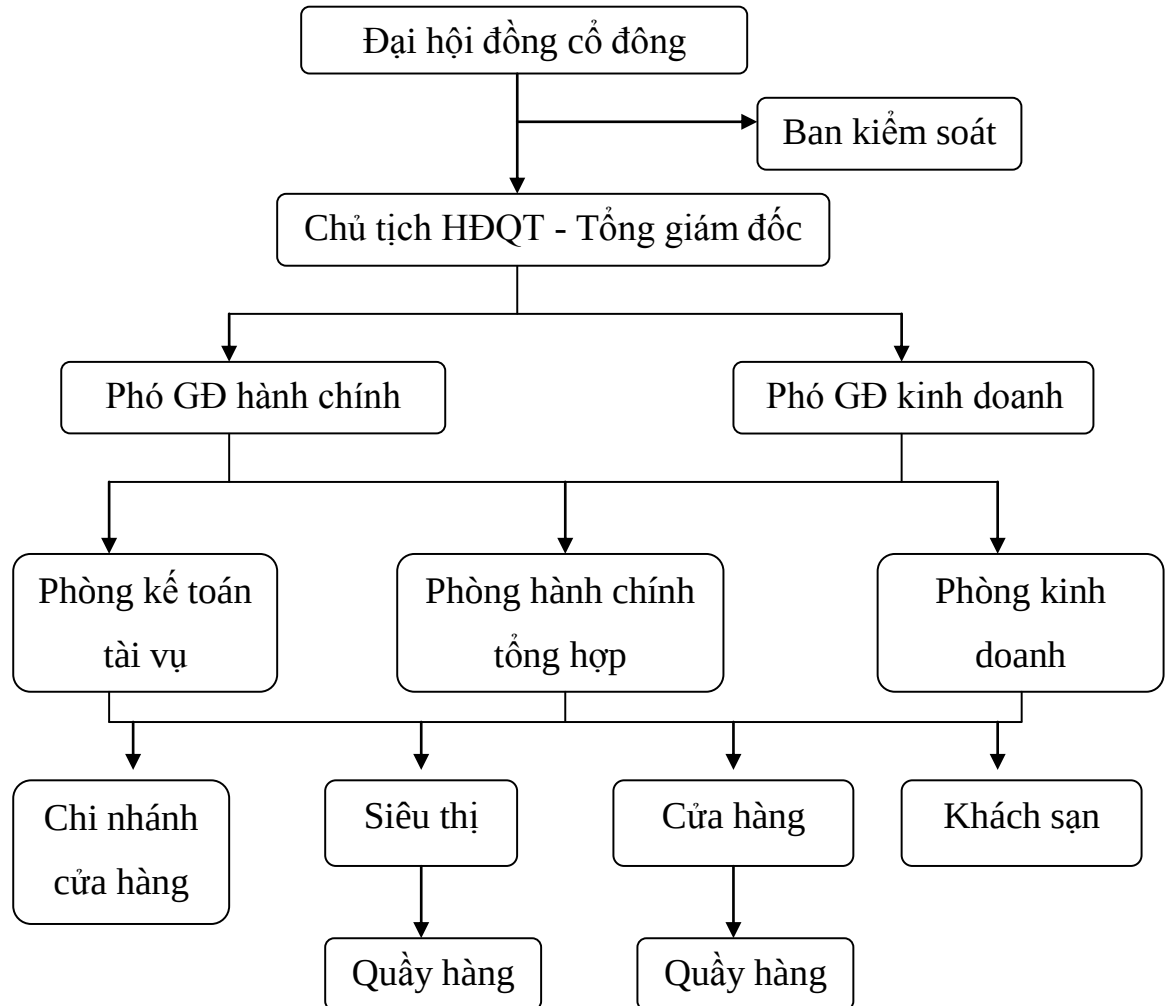
➔ ***Cơ sở vật chất của Công ty hiện nay bao gồm:***

- Toà nhà trụ sở chính của công ty số 23 – Minh Khai
- Tòa nhà Trung tâm thương mại Tiên Lãng
- Tổng kho An Hồng
- Các máy móc thiết bị phục vụ cho bán hàng và quản lý doanh nghiệp: máy vi tính, máy in, máy photocopy, điều hoà nhiệt độ...

- Các tài sản khác phục vụ cho hoạt động của công ty...

## 2.1.2 Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty.

### Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty



- ➔ Chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận, phòng ban:

#### **Chủ tịch hội đồng quản trị kiêm tổng giám đốc:**

Có nhiệm vụ là người nắm quyền hành cao nhất trong công ty, ra quyết định tổ chức, chỉ đạo công tác kinh doanh.

#### **Hai phó giám đốc:**

Có chức năng nhiệm vụ là người chịu trách nhiệm trực tiếp trước giám đốc công ty về phần việc được phân công phụ trách và giúp giám đốc trong việc quản lý điều hành các hoạt động kinh doanh.



## **Phòng kế toán tài vụ:**

Chịu trách nhiệm giúp và tham mưu cho giám đốc mọi mặt kế quả kinh doanh của công ty. Theo dõi khả năng tài chính bảo toàn vốn của doanh nghiệp, theo dõi chặt chẽ các khoản chi phí, tính toán các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước. Tổ chức hệ thống kế toán và phương pháp hạch toán theo chế độ quy định.

## **Phòng kinh doanh:**

Có nhiệm vụ lập kế hoạch, mua hàng, nhận đại lý kế hoạch cung cấp cho các cửa hàng trực thuộc, theo dõi sự biến động của giá cả, thông báo kết quả tình hình và tiến độ kế hoạch, nghiên cứu nhu cầu thị trường, xác lập hình thức tổ chức kinh doanh và danh mục mặt hàng, xác lập cơ cấu vĩ mô mặt hàng và dự báo yêu cầu mua dự trữ.

## **Phòng tổ chức hành chính:**

Quản lý nhân sự, chăm lo đời sống vật chất, tinh thần và chế độ BHXH cho cán bộ công nhân viên, bảo vệ toàn bộ vật tư, tài sản, hàng hoá của doanh nghiệp.

## **Cửa hàng trực thuộc là hệ thống siêu thị và các cửa hàng chi nhánh:**

- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh, thành phố Đà Nẵng
- Chi nhánh trung tâm huyện Tiên Lãng
- Cửa hàng, siêu thị Minh Khai
- Cửa hàng Trần Quang Khải

### **2.1.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty**

#### **2.1.3.1 Tổ chức bộ máy kế toán**

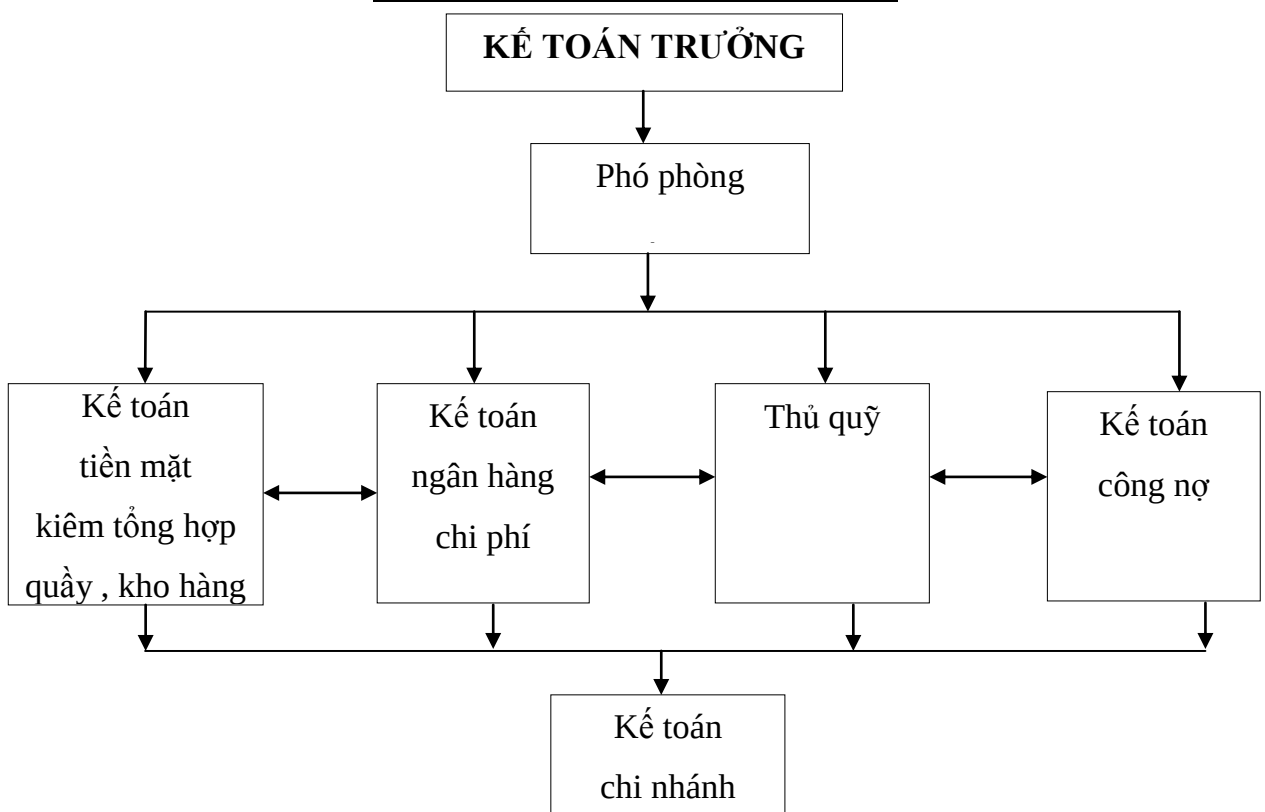
Phòng kế toán tài vụ có chức năng giúp cho giám đốc công ty quản lý và quyết toán tài chính, quyết toán đầu tư các dự án hoàn thành của công ty theo đúng chính sách chế độ nhà nước. Chức năng này được thể hiện qua các công việc tại phòng ban, bao gồm:

- Quản lý các khoản thu chi theo đúng chính sách chế độ Nhà nước
- Đảm bảo nguồn vốn phục vụ hoạt động kinh doanh và đầu tư các dự án
- Theo dõi, ghi chép và quản lý các tài sản, vật tư, hàng hóa và tiền vốn

- Tổ chức công tác kế toán theo đúng quy định
- Tổ chức hạch toán kế toán công tác kinh doanh theo đúng chính sách và các chuẩn mực kế toán
- Cung cấp các thông tin, báo cáo quản trị, tình hình tài chính, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty
- Lập báo cáo tài chính về tình hình sản xuất kinh doanh của công ty.

➡ Công ty cổ phần thương mại Minh Khai là một đơn vị hạch toán độc lập, hoạt động kinh doanh trên địa bàn rộng, song mọi hoạt động của công ty đều sự điều hành của ban giám đốc nên bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình kế toán tập trung. Bộ máy kế toán của công ty tổ chức tại phòng kế toán tài vụ gồm 6 nhân viên, do kế toán trưởng là trưởng phòng, được khái quát qua sơ đồ sau:

### Sơ đồ bộ máy kế toán của Công ty



▪ **Kế toán trưởng:** Là người trực tiếp quản lý và chỉ đạo chung mọi mặt của công tác Tài chính-Kế toán cho toàn công ty. Giám sát hoạt động của công tác kế toán, kiểm tra việc thực hiện công tác kế toán, lập báo cáo tài chính,...

- **Kế toán phó:** là người trực tiếp nhận các báo cáo về quỹ tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, báo cáo công nợ, báo cáo về tình hình kinh doanh của các chi nhánh để lên báo cáo tài chính tổng hợp, báo cáo thuế cho toàn công ty.
- **Kế toán vốn bằng tiền kiêm tổng hợp quỹ và kho hàng:** có nhiệm vụ phản ánh kịp thời, chính xác số hiện có và tình hình biến động của quỹ tiền mặt. Kiểm kê hàng hóa, nhập, xuất, tồn cuối tháng lên bảng cân đối hàng tồn kho. Kiểm kê quỹ hàng cùng mẫu dịch viên để lên báo cáo quỹ quỹ.
- **Kế toán ngân hàng và chi phí:** theo dõi các khoản phải thu, phải trả cho khách hàng qua ngân hàng, đồng thời phải tính toán các khoản chi phí bỏ ra, chi phí quản lý và chi phí tiêu thụ.
- **Thủ quỹ:** có chức năng chính là nhận tiền và xuất tiền theo phiếu thu và phiếu chi.
- **Kế toán công nợ:** là người giúp kế toán trưởng tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về:
  - *Kế toán công nợ bán:* Có nhiệm vụ thu thập các chứng từ có liên quan tới tiêu thụ để vào thẻ quỹ, sổ chi tiết công nợ, xác định doanh thu tiêu thụ.
  - *Kế toán công nợ mua:* căn cứ trị giá hàng mua vào trong kỳ để vào sổ chi tiết công nợ mua.
- **Kế toán chi nhánh:** hàng tháng gửi bản cân đối kế toán, báo cáo tài chính về công ty để lên bảng tổng hợp và cân đối toàn công ty.

### ***2.1.3.2 Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại Công ty.***

- Tại Công ty CP TM Minh Khai, niên độ kế toán áp dụng là năm dương lịch, kỳ kế toán là theo quý.
- Công ty áp dụng kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên để theo dõi tình hình nhập xuất tồn của hàng hoá.
- Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.
- Giá hàng xuất kho và tồn kho tính theo phương pháp thực tế đích danh.

- Phương pháp khấu hao áp dụng là phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của TSCĐ phù hợp với các quy định của thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ tài chính.

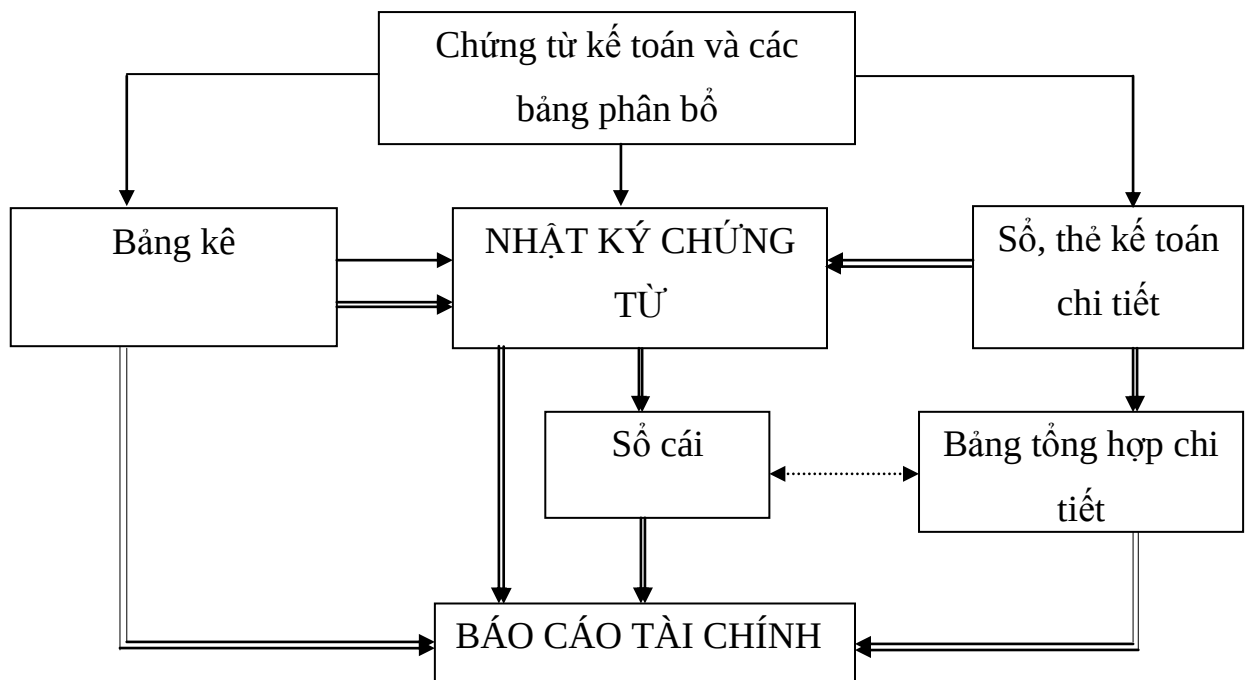
### 2.1.3.3 Tổ chức hệ thống chứng từ, tài khoản kế toán.

Công ty tổ chức vận dụng hệ thống chứng từ và tài khoản ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 30/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

### 2.1.3.4 Tổ chức hệ thống sổ kế toán.

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh của Công ty, kế toán tại đây áp dụng hình thức kế toán Nhật ký - Chứng từ để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp.

#### Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ



#### Trong đó:

Ghi hàng ngày  $\longrightarrow$

Ghi cuối tháng  $\Longrightarrow$

Đối chiếu, kiểm tra  $\longleftrightarrow$

#### Trình tự ghi sổ kế toán:

1) Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã được kiểm tra lấy số liệu ghi trực tiếp vào các Nhật ký – Chứng từ hoặc Bảng kê, sổ chi tiết có liên quan.

Đối với các loại chi phí sản xuất, kinh doanh phát sinh nhiều lần hoặc mang tính chất phân bổ, các chứng từ gốc trước hết được tập hợp và phân loại trong các bảng phân bổ, sau đó lấy số liệu kết quả của các bảng phân bổ ghi vào các bảng kê và Nhật ký – chứng từ có liên quan.

Đối với các nhật ký chứng từ được ghi căn cứ vào các Bảng kê, sổ chi tiết thì căn cứ vào số liệu tổng cộng của bảng kê, sổ chi tiết, cuối tháng chuyển số liệu vào Nhật ký – chứng từ.

2) Cuối tháng khóa sổ, cộng số liệu trên các nhật ký chứng từ, kiểm tra, đối chiếu các số liệu trên các nhật ký – Chứng từ với các sổ, thẻ kế toán chi tiết, bảng tổng hợp chi tiết có liên quan và lấy số liệu tổng cộng của các Nhật ký - Chứng từ ghi trực tiếp vào sổ cái.

Đối với các chứng từ có liên quan đến các sổ, thẻ kế toán chi tiết thì được ghi trực tiếp vào các sổ thẻ có liên quan. Cuối tháng, cộng các sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết và căn cứ vào sổ hoặc thẻ kế toán chi tiết để lập các bảng tổng hợp chi tiết theo từng tài khoản để đối chiếu với sổ cái.

Số liệu tổng cộng ở sổ cái và một số chỉ tiêu chi tiết trong Nhật ký – Chứng từ, bảng kê và các bảng tổng hợp chi tiết được dùng để lập báo cáo tài chính.

### **2.1.3.5 Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.**

Theo quy định hiện hành, hệ thống báo cáo tài chính của Công ty bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán (B01- DN)
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (B02- DN)
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (B03- DN)
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính (B09- DN).

### 2.2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI.

#### 2.2.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai là doanh nghiệp hoạt động với lĩnh vực kinh doanh chủ yếu là thương mại và dịch vụ. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của Công ty bao gồm: doanh thu bán các loại hàng hóa như hàng công nghệ phẩm, hàng tiêu dùng, hàng điện máy, điện tử, thiết bị nội thất, hóa chất, cao su,...; doanh thu kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ, dịch vụ tắm hơi, vật lý trị liệu,....

Phương thức bán hàng của Công ty là phương thức bán hàng trực tiếp.

##### 2.2.1.1 Chứng từ sử dụng

- Thẻ quầy hàng (Mẫu số 02 - BH)
- Hóa đơn giá trị gia tăng (được lập làm 3 liên gồm có: liên màu tím sử dụng để lưu lại cuống, liên màu đỏ giao cho khách hàng và liên màu xanh để kẹp vào bộ chứng từ gốc).
- Báo cáo bán hàng (Mẫu số 3/B)
- Báo cáo chi tiết hàng ủy thác nhập, giao bán thẳng, nhận hàng.
- Các chứng từ khác có liên quan.

##### 2.2.1.2 Tài khoản sử dụng

TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Tài khoản này được theo dõi cụ thể cho từng đối tượng kinh doanh, cụ thể:

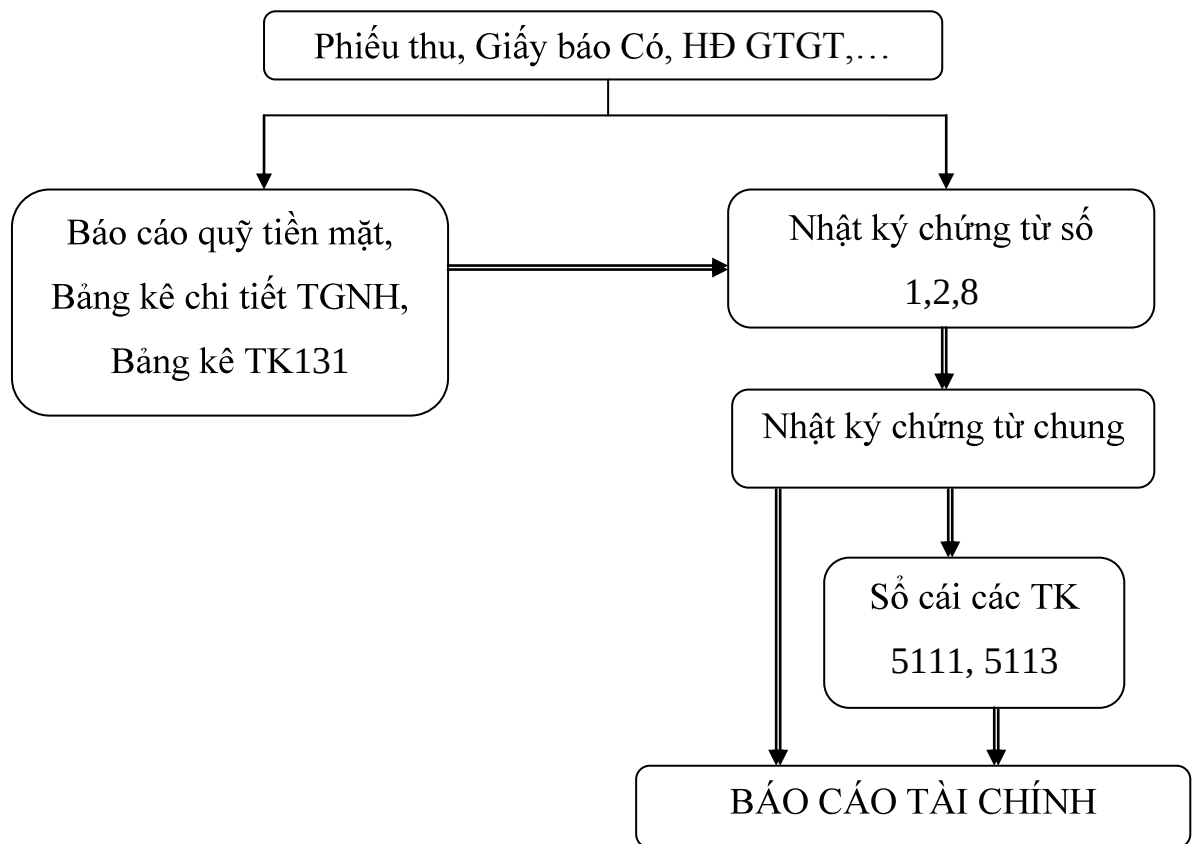
- TK5111: Doanh thu bán hàng hóa
- TK5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

##### 2.2.1.3 Quy trình hạch toán

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

*Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty CP*

*TM Minh Khai*



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày →  
Ghi định kỳ ==>

Hàng ngày căn cứ trên các Phiếu thu, giấy báo Có,...kế toán vào Báo cáo quỹ tiền mặt, bảng kê chi tiết TGNH hoặc bảng kê chi tiết phải thu khách hàng.

Căn cứ trên các sổ sách có liên quan đến doanh thu nói trên, kế toán tiến hành ghi vào NKCT số 1 hoặc 2 hoặc số 8.

Cuối tháng, dựa trên các số liệu đã được tổng hợp từ các NKCT có liên quan, kế toán tiến hành ghi vào NKCT chung (là nhật ký theo dõi cho các TK 5111,5121,5113-DV và TK 515). Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ chung để vào sổ cái TK 511.

Cuối kỳ hạch toán,dựa trên Nhật ký chứng từ chung hoặc Sổ cái đã hạch toán để từ đó lên các báo cáo tài chính.

### 2.2.1.4 Ví dụ minh họa

**VD1:** Ngày 10/11/2012, mẫu dịch viên quầy số 1- Lê Hương nộp tiền bán hàng từ ngày 1/11/2012-10/11/2012 cho thủ quỹ Công ty.

- Căn cứ vào Sổ quầy hàng (là sổ bao gồm các thẻ quầy hàng, mỗi mặt hàng sẽ có tương ứng 1 thẻ quầy hàng. Dưới đây là biểu mẫu của 1 thẻ quầy hàng - Biểu 2.1) mẫu dịch viên vào Báo cáo bán hàng hàng ngày (Biểu 2.2)

*Ngoài các chứng từ Sổ quầy hàng, Báo cáo bán hàng hàng ngày mà mẫu dịch viên đã chuyển cho kế toán kể trên, trường khu vực bán hàng còn có trách nhiệm nộp các hóa đơn bán hàng (Nếu có) cho kế toán. Đối với các mặt hàng đã bán trong tháng nhưng không có Hóa đơn bán hàng (do khách hàng không yêu cầu) thì khi mẫu dịch viên nộp tiền cho công ty, kế toán sẽ căn cứ vào trị giá số lượng hàng đã bán nhưng không có hóa đơn để lập 1 HĐ GTGT kê tổng số tiền thanh toán cho các mặt hàng đã bán cho những khách hàng không lấy hóa đơn (Hóa đơn này cũng được lập làm 3 liên, trong đó liên 1, 2 giữ lại cuống, liên 3 kẹp vào bộ chứng từ liên quan đến thuế GTGT)(biểu 2.3-trường hợp này do trong sổ hàng bán từ ngày 1/11/2012-10/11/2012 không có khách hàng nào yêu cầu hóa đơn GTGT).*

- Khi mẫu dịch viên nộp tiền, kế toán có trách nhiệm lập phiếu thu (Biểu 2.4), sau đó vào báo cáo quỹ tiền mặt (biểu 2.5).
- Dựa trên báo cáo quỹ tiền mặt nói trên, kế toán tiến hành ghi vào Nhật ký chứng từ số 1(Biểu 2.6).
- Cuối tháng,kế toán tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ số 1 để vào Nhật ký chứng từ chung (Biểu 2.7),rồi tiến hành vào sổ cái TK 511(Biểu 2.8).
- Cuối kỳ hạch toán,dựa trên sổ cái đã hạch toán,rồi từ đó lên các báo cáo tài chính.



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.1 – Thẻ quầy hàng**

| Cty:CPTM Minh Khai.     | <b>THẺ QUẦY</b>               |              | Nhóm: <b>Hà Nội.</b> |                     |          |      |              |
|-------------------------|-------------------------------|--------------|----------------------|---------------------|----------|------|--------------|
| Cửa hàng: Quầy tổng hợp | <b>HÀNG</b>                   |              | Giá lẻ điều chỉnh:   |                     |          |      |              |
|                         |                               |              | Ngày điều chỉnh:     |                     |          |      |              |
| Số đăng ký:             | Tên hàng: <b>Voka 300 ml.</b> |              |                      |                     |          |      |              |
| Ngày đăng ký:           | Ký mã hiệu: <b>29°5</b>       |              |                      |                     |          |      |              |
|                         | Đơn vị tính: Chai.            |              |                      |                     |          |      |              |
|                         | Giá đơn vị: 25,545 – 31,000   |              |                      |                     |          |      |              |
| Ngày<br>tháng           | Nhập<br>của kho               | Nhập<br>khác | Tổng<br>cộng<br>nhập | Tồn<br>cuối<br>ngày | Xuất bán |      | Xuất<br>khác |
|                         |                               |              |                      |                     | Lượng    | Tiền |              |
| 1/11                    |                               |              |                      | 36                  |          |      |              |
| 10/11                   |                               |              |                      | 31                  | 5        |      |              |
| 20/11                   | 120                           |              | 151                  |                     |          |      |              |
| 25/11                   |                               |              |                      | 127                 | 24       |      |              |
| 30/11                   |                               |              |                      | 83                  | 19       |      | 25-XHC       |
|                         |                               |              |                      |                     |          |      |              |
|                         |                               |              |                      |                     |          |      |              |

**Người lập**  
(ký, họ và tên)

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.2 – Báo cáo bán hàng hàng ngày

Công ty: CPTM Minh Khai.

### BÁO CÁO

Mẫu số 3/B

Cửa hàng:

### BÁN HÀNG HÀNG NGÀY

QĐ liên bộ TCTK/N số

Tổ quầy: Quầy Tổng Hợp

621/LB ngày 5-9-70.

Từ ngày 1/11/2012-10/11/2012

#### I – HÀNG HÓA.

| ST<br>T | TÊN HÀNG HÓA VÀ<br>QUY CÁCH PHẨM<br>CHẤT | Đơn<br>vị<br>tính | SL | THEO GIÁ BÁN LẺ<br>NƠI BÁN |                   | THEO GIÁ<br>CUNG CẤP |    |
|---------|------------------------------------------|-------------------|----|----------------------------|-------------------|----------------------|----|
|         |                                          |                   |    | Giá đơn<br>vị              | TT                | Giá<br>đơn vị        | TT |
| 1       | Voka 0,3 lít 29 <sup>0</sup> 5           | Chai              | 5  | 31,000                     | 155,000           |                      |    |
| 2       | Voka 0,75 39 <sup>0</sup> 5              | Chai              | 4  | 67,000                     | 268,000           |                      |    |
| 3       | Lúa mới 0,6 có hộp                       | Chai              | 5  | 50,000                     | 250,000           |                      |    |
| 4       | R Hà Nội 1 lít 29 <sup>0</sup> 5         | Chai              | 5  | 40,000                     | 200,000           |                      |    |
| 5       | R Hà Nội pét 29 <sup>0</sup> 5           | Chai              | 5  | 25,000                     | 125,000           |                      |    |
| 6       | R Hà Nội 2 lít 35 <sup>0</sup>           | Can               | 7  | 80,000                     | 560,000           |                      |    |
| 7       | R Hà Nội 4 lít 35 <sup>0</sup>           | Can               | 11 | 146,000                    | 1,606,000         |                      |    |
| 8       | R Hà Nội 4 lít 39 <sup>0</sup> 5         | Can               | 1  | 150,000                    | 150,000           |                      |    |
| 9       | R Hà Nội 4 lít 39 <sup>0</sup> 5         | Can               | 5  | 175,000                    | 875,000           |                      |    |
| 10      | Nếp Mới 2l 29 <sup>0</sup> 5             | Can               | 9  | 70,000                     | 630,000           |                      |    |
| 11      | R Anh Đào 0,75                           | Chai              | 8  | 37,000                     | 296,000           |                      |    |
| 12      | R Hà Nội 2 lít 295                       | Can               | 7  | 71,000                     | 497,000           |                      |    |
| 13      | Nếp Mới 4l 295                           | Can               | 6  | 121,000                    | 726,000           |                      |    |
| 14      | Nếp Mới 0,5                              | Chai              | 10 | 26,000                     | 260,000           |                      |    |
| 15      | Nếp Mới 0,6 ko hộp                       | Chai              | 11 | 44,000                     | 484,000           |                      |    |
|         | .....                                    |                   |    |                            |                   |                      |    |
|         | <b>CỘNG</b>                              |                   |    |                            | <b>42,207,700</b> |                      |    |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.3 – Hóa đơn GTGT số 4337

|                                                                                         |                                                                                                                                                                  |                       |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------|----------------------|-------------------|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|--|
| <b>HÓA ĐƠN</b>                                                                          |                                                                                                                                                                  | Mẫu số: 01GTKT3-3LL   |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>                                                                 |                                                                                                                                                                  | Ký hiệu: AA/11P       |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| Liên 3: Nội bộ                                                                          |                                                                                                                                                                  | Số HĐ: <b>0004337</b> |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| Ngày 10/11/2012                                                                         |                                                                                                                                                                  |                       |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI.</b>                           |                                                                                                                                                                  |                       |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| MST:                                                                                    | <table><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>8</td><td>9</td><td>6</td><td>7</td><td>7</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> | 0                     | 2               | 0                    | 0                 | 5 | 8 | 9 | 6 | 7 | 7 |  |  |  |  |  |
| 0                                                                                       | 2                                                                                                                                                                | 0                     | 0               | 5                    | 8                 | 9 | 6 | 7 | 7 |   |   |  |  |  |  |  |
| Địa chỉ: <b>Số 23 Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng.</b>                                |                                                                                                                                                                  |                       |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| ĐT: 031.3842346                                                                         |                                                                                                                                                                  | Fax: 031.3842438      |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| Họ tên người mua hàng:                                                                  |                                                                                                                                                                  |                       |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| Đơn vị: <b>kê khai hàng bán từ ngày</b>                                                 |                                                                                                                                                                  |                       |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| Địa chỉ: <b>1/11/2012-10/11/2012 quầy Tổng Hợp (bán lẻ).</b>                            |                                                                                                                                                                  |                       |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| Hình thức thanh toán: <b>TM</b>                                                         |                                                                                                                                                                  | MST:                  |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| STT                                                                                     | TÊN HÀNG HÓA                                                                                                                                                     | ĐV<br>TÍNH            | SỐ<br>LƯỢNG     | ĐƠN GIÁ              | THÀNH TIỀN        |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| A                                                                                       | B                                                                                                                                                                | C                     | 1               | 2                    | 3=1x2             |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| 1                                                                                       | <b>Bánh, kẹo, rượu</b>                                                                                                                                           |                       |                 |                      | <b>38,370,636</b> |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
|                                                                                         | <b>bán từ ngày 1/11/12 -</b>                                                                                                                                     |                       |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
|                                                                                         | <b>10/11/12</b>                                                                                                                                                  |                       |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
|                                                                                         |                                                                                                                                                                  |                       |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
|                                                                                         |                                                                                                                                                                  |                       |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
|                                                                                         |                                                                                                                                                                  |                       |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| Cộng tiền hàng:                                                                         |                                                                                                                                                                  |                       |                 |                      | <b>38,370,636</b> |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| Thuế suất GTGT: 10%                                                                     |                                                                                                                                                                  |                       | Tiền thuế GTGT: |                      | <b>3,837,064</b>  |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| Tổng cộng tiền thanh toán:                                                              |                                                                                                                                                                  |                       |                 |                      | <b>42,207,700</b> |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| Số tiền viết bằng chữ: <b>Bốn mươi hai triệu hai trăm linh bảy ngàn bảy trăm đồng./</b> |                                                                                                                                                                  |                       |                 |                      |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| <b>Người mua hàng</b>                                                                   |                                                                                                                                                                  | <b>Người bán hàng</b> |                 | <b>Thủ trưởng ĐV</b> |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |
| (ký, họ tên)                                                                            |                                                                                                                                                                  | (ký, họ tên)          |                 | (ký, họ tên)         |                   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |  |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.4 – Phiếu thu

|                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                  |                                                                                                         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Đơn vị: CÔNG TY CPTM<br>MINH KHAI<br>Địa chỉ: Số 23 - Minh khai                                                                                                                                                                         | <b>PHIẾU THU</b> Số 08/11<br>Ngày 10 tháng 11 năm 2012<br>Nợ 1111<br>Có 511,3331 | <b>Mẫu số 01 – TT</b><br>(Ban hành theo QĐ số<br>15/2006/QĐ-BTC ngày<br>20/3/2006 của Bộ trưởng<br>BTC) |
| Họ và tên người nộp tiền: <b>Đỗ Thị Lê Hương</b><br>Địa chỉ: <b>Quầy số 1</b><br>Lí do: <b>Thu tiền bán hàng.</b><br>Số tiền: <b>42,207,700 đ</b> (Viết bằng chữ) <b>Bốn mươi hai triệu hai trăm linh<br/>bảy ngàn bảy trăm đồng./.</b> |                                                                                  |                                                                                                         |
| Ngày 10 tháng 11 năm 2012                                                                                                                                                                                                               |                                                                                  |                                                                                                         |
| <b>Giám đốc</b><br>(Ký, họ tên,<br>đóng dấu)                                                                                                                                                                                            | <b>Kế toán trưởng</b><br>(Ký, họ tên)                                            | <b>Người nộp tiền</b><br>(Ký, họ tên)                                                                   |
|                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                  | <b>Người lập<br/>phiếu</b> (Ký, họ<br>tên)                                                              |
|                                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                  | <b>Thủ quỹ</b><br>(Ký, họ tên)                                                                          |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

## BÁO CÁO QUỸ TIỀN MẶT

Từ ngày 6/11-10/11/2012

| Chứng từ |      | Diễn giải                | Số tiền            | PHẦN THU: GHI NỢ TK 1111 GHI CÓ CÁC TK KHÁC |                   |                  |                    |                    |                   |
|----------|------|--------------------------|--------------------|---------------------------------------------|-------------------|------------------|--------------------|--------------------|-------------------|
| Số       | Ngày |                          |                    | 136                                         | 3382              | 141              | 5111               | 3331               |                   |
| 7        | 6    | Nộp trả tiền vay         | 362,856,800        | 362,856,800                                 |                   |                  |                    |                    |                   |
| 8        | 10   | Thu tiền bán hàng        | 42,207,700         |                                             |                   |                  | 38,370,636         | 3,837,064          |                   |
| 9        | 10   | Thu tiền bán hàng        | 126,588,800        |                                             |                   |                  | 115,080,724        | 11,508,072         |                   |
|          |      | <b>Cộng thu</b>          | <b>531,653,300</b> | <b>362,856,800</b>                          |                   |                  | <b>153,451,360</b> | <b>15,345,136</b>  |                   |
| Chứng từ |      | Diễn giải                | Số tiền            | PHẦN CHI: GHI CÓ 1111, GHI NỢ CÁC TK KHÁC   |                   |                  |                    |                    |                   |
| Số       | Ngày |                          |                    | 641                                         | 331               | 133              | 642                | 3388               | 141               |
| 18       | 8    | Tạm ứng chi phí giao gao | 10,000,000         |                                             |                   |                  |                    |                    | 10,000,000        |
| 19       | 8    | Chi phí quảng cáo        | 300,000            |                                             |                   |                  | 300,000            |                    |                   |
| 20       | 9    | Chi phí vệ sinh          | 780,000            |                                             |                   |                  | 780,000            |                    |                   |
| 21       | 10   | Chi trả tiền khách gửi   | 100,806,800        |                                             |                   |                  |                    | 100,806,800        |                   |
| ...      | ...  | .....                    | .....              | .....                                       | .....             | .....            | .....              | -                  | -                 |
|          |      | <b>Cộng chi</b>          | <b>217,463,473</b> | <b>7,244,455</b>                            | <b>81,468,423</b> | <b>1,661,795</b> | <b>16,282,000</b>  | <b>100,806,800</b> | <b>10,000,000</b> |

**Biểu số 2.5 – Báo cáo quỹ tiền mặt**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

## NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1

Số dư đầu kỳ: 8,636,887,956

Tháng 11 năm 2012

| BC quỹ | GHI NỢ TK 1111-GHI CÓ CÁC TK |               |             |             |             |             |               |             |     |                |
|--------|------------------------------|---------------|-------------|-------------|-------------|-------------|---------------|-------------|-----|----------------|
|        | 131                          | 136           | 141         | 112         | 3331        | 3382        | 5111          | 344         | ... | Cộng Nợ        |
| BC1-2  |                              | 127,550,000   | 600,000     |             |             |             |               |             |     | 128,150,000    |
| BC3-5  |                              | 192,600,000   | 30,405,000  |             | 4,538,727   | 2,107,000   | 45,387,273    |             |     | 275,038,000    |
| BC6-10 |                              | 362,856,800   |             |             | 15,345,136  |             | 153,451,360   |             |     | 531,653,300    |
| ...    |                              |               |             |             |             |             |               |             |     |                |
| Cộng   | 57,171,979                   | 2,106,592,324 | 95,739,000  | 410,000,000 | 390,249,092 | 2,326,007   | 4,077,597,368 | 0           | ... | 7,175,731,289  |
| BC quỹ | GHI CÓ TK 1111-GHI NỢ CÁC TK |               |             |             |             |             |               |             |     |                |
|        | 1121                         | 133           | 141         | 1562        | 642         | 334         | 331A          | 641         | ... | Cộng Có        |
| BC1-2  | 200,000,000                  | 1,539,781     | 30,000,000  |             | 6,944,637   |             | 17,540,769    | 10,534,545  |     | 266,559,732    |
| BC3-5  | 1,247,500,000                | 114,182       | 12,000,000  |             | 1,494,000   |             |               | 5,861,818   |     | 1,285,203,772  |
| BC6-10 |                              | 1,661,795     | 10,000,000  |             | 16,282,000  |             | 81,468,423    | 7,244,455   |     | 217,463,473    |
| ...    |                              |               |             |             |             |             |               |             |     |                |
| Cộng   | 7,168,624,000                | 18,329,945    | 363,200,000 | 5,949,301   | 89,530,705  | 216,957,874 | 181,296,455   | 210,367,588 | ... | 11,806,843,468 |

Số dư cuối kỳ: 4,005,775,785

Biểu số 2.6 – Nhật ký chứng từ số 1

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

## NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

Tháng 11 năm 2012

| TK đối ứng   |     | TK 5111-Dthu bán hàng |                | TK đối ứng   |     | TK 5121-Dthu nội bộ |           | TK đối ứng   |    | TK 5113DV |    | TK đối ứng |     | TK 515    |           |
|--------------|-----|-----------------------|----------------|--------------|-----|---------------------|-----------|--------------|----|-----------|----|------------|-----|-----------|-----------|
| Nợ           | Có  | Dư đầu kỳ:            |                | Nợ           | Có  | Dư đầu kỳ:          |           | Nợ           | Có | Dư ĐK:    |    | N          | C   | Dư ĐK:    |           |
|              |     | P/S Nợ                | P/S Có         |              |     | P/S Nợ              | P/S Có    |              |    | Nợ        | Có |            |     | Nợ        | có        |
| 1111         |     |                       | 4,077,597,368  | 641          |     |                     | 5,057,933 |              |    |           |    | 1121       |     |           | 1,816,589 |
| 1121         |     |                       | 28,530,909     |              | 911 | 5,057,933           |           | 911          |    | 0         |    | 1122       |     |           | 3,063,239 |
| 131          |     |                       | 20,181,943,155 |              |     |                     |           |              |    |           |    |            | 911 | 4,879,828 |           |
|              | 911 | 24,288,071,432        |                |              |     |                     |           |              |    |           |    |            |     |           |           |
| <b>Cộng:</b> |     | 24,288,071,432        | 24,288,071,432 | <b>Cộng:</b> |     | 5,057,933           | 5,057,933 | <b>Cộng:</b> |    | 0         | 0  |            |     | 4,879,828 | 4,879,828 |

**Biểu số 2.7 – Nhật ký chứng từ chung (Phần ghi cho các TK 511, 512, 515)**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: CÔNG TY CPTM MINH KHAI

Mẫu số S05-DN

Địa chỉ: Số 23 - Minh khai

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ)

Tài khoản: 5111-Doanh thu bán hàng hóa

Năm 2012

| Số dư đầu năm |    |
|---------------|----|
| Nợ            | Có |
|               |    |

| Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này | T1  | ... | T10            | T11            | T12            | Cộng            |
|------------------------------------------|-----|-----|----------------|----------------|----------------|-----------------|
| TK 911                                   | ... |     | 18,514,110,006 | 24,288,071,432 | 21,320,634,782 | 279,816,552,666 |
| Cộng phát sinh Nợ                        | ... |     | 18,514,110,006 | 24,288,071,432 | 21,320,634,782 | 279,816,552,666 |
| Cộng phát sinh Có                        | ... |     | 18,514,110,006 | 24,288,071,432 | 21,320,634,782 | 279,816,552,666 |
| SDCT {                                   | Nợ  |     |                |                |                |                 |
|                                          | Có  |     |                |                |                |                 |

### Biểu số 2.8 – Sổ cái tài khoản 5111



## 2.2.2 Kế toán doanh thu tiêu thụ nội bộ

Tại công ty Cổ phần thương mại Minh Khai, khoản doanh thu nội bộ này thường xuất hiện khi các quầy hàng xuất hành chính(xuất dùng trong công ty) nhằm các mục đích phục vụ tiếp khách, sửa chữa thay thế,....

### 2.2.2.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT

### 2.2.2.2 Tài khoản sử dụng: TK512 – Doanh thu bán hàng nội bộ

### 2.2.2.3 Quy trình hạch toán

Khi xuất hiện nghiệp vụ xuất hàng dùng nội bộ , kế toán ghi:

Nợ TK 641,642

Có TK 512: Giá vốn hàng xuất dùng

Có TK 3331: Thuế giá trị gia tăng của hàng xuất dùng.

Ở công ty Cổ phần thương mại Minh Khai, nếu xuất hiện các nghiệp vụ xuất hành chính trong tháng thì mật dịch viên thường ghi chép vào sổ quầy, sau đó đến cuối tháng mới tổng hợp lại và ghi vào hóa đơn GTGT cho hàng xuất HC trong tháng. Căn cứ vào hóa đơn GTGT (được lập thành 3 liên bao gồm: liên màu tím và liên màu đỏ sử dụng để lưu lại cuống, liên màu xanh sử dụng lưu hành nội bộ), kế toán tiến hành ghi chép vào phần xuất hành chính trong bảng tổng hợp chuyển bán cho quầy có xuất hành chính tương ứng trong tháng. Sau đó, kế toán dựa trên Bảng tổng hợp chuyển bán để vào Nhật ký chứng từ chung, rồi từ đó vào sổ cái TK512. Cuối kỳ hạch toán, kế toán dựa trên Sổ cái hoặc nhật ký chứng từ chung để lên các báo cáo tài chính.

### 2.2.2.4 Ví dụ minh họa

**VD2:** Ngày 30/11/2012, quầy tổng hợp xuất hàng hóa để dùng cho nội bộ.

Căn cứ vào hóa đơn GTGT (biểu 2.9), kế toán tiến hành ghi chép vào Bảng tổng hợp chuyển bán (Biểu 2.10). Sau đó, kế toán dựa trên Bảng tổng hợp chuyển bán để vào NKCT chung (Biểu 2.11), rồi từ đó vào sổ cái TK512 (Biểu 2.12). Cuối kỳ hạch toán, kế toán dựa trên Sổ cái hoặc Nhật ký chứng từ chung để lên các Báo cáo tài chính.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.9 – Hóa đơn GTGT số 4359

|                         |                       |
|-------------------------|-----------------------|
| <b>HÓA ĐƠN</b>          | Mẫu số: 01GTKT3-      |
| <b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b> | 3LL                   |
| Liên 3: Lưu hành nội bộ | Ký hiệu: AA/11P       |
| Ngày 30/11/2012         | Số HĐ: <b>0004359</b> |

---

Đơn vị bán hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI.**

MST: 

|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|
| 0 | 2 | 0 | 0 | 5 | 8 | 9 | 6 | 7 | 7 |  |  |  |  |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|

Địa chỉ: **Số 23 Minh Khai – Hồng Bàng – Hải Phòng.**

ĐT: 031.3842346 Fax: 031.3842438

---

Họ tên người mua hàng: **Ngô Thị Linh**

Đơn vị: **Phòng hành chính - Công ty CPTM Minh Khai**

Địa chỉ:

Hình thức thanh toán: **Thanh toán nội bộ** MST:

| STT                        | Tên hàng hóa     | Đơn vị tính | Số lượng        | Đơn giá | Thành tiền       |
|----------------------------|------------------|-------------|-----------------|---------|------------------|
| 1                          | VoKa 0,3 lít     | Chai        | 25              | 25,545  | 633,625          |
| 2                          | Diêm Thống Nhất  | Kiện        | 03              | 310,000 | 930,000          |
| 3                          | Lương khô        | Kiện        | 05              | 222,727 | 1,113,635        |
| 4                          | Bánh mì ruốc     | Kiện        | 01              | 136,365 | 136,365          |
| 5                          | Chè nhài túi lọc | Kiện        | 02              | 376,476 | 752,933          |
| Cộng tiền hàng:            |                  |             |                 |         | <b>3,839,285</b> |
| Thuế suất GTGT: 10%        |                  |             | Tiền thuế GTGT: |         | <b>383,929</b>   |
| Tổng cộng tiền thanh toán: |                  |             |                 |         | <b>4,223,214</b> |

Số tiền viết bằng chữ: **Bốn triệu sáu trăm bốn mươi năm ngàn năm trăm ba mươi năm đồng./.**

|                       |                       |                      |
|-----------------------|-----------------------|----------------------|
| <b>Người mua hàng</b> | <b>Người bán hàng</b> | <b>Thủ trưởng ĐV</b> |
| (ký, họ tên)          | (ký, họ tên)          | (ký, họ tên)         |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.10 – Bảng tổng hợp chuyển bán

## BẢNG TỔNG HỢP – CHUYỂN BÁN THÁNG 11 NĂM 2012

| STT | Tên quầy     | Dư đầu               | Nhập kho             | CL lãi             | Thuế GTGT          | CL tăng HT | CL XT                | Nhập kho gạo         | Tổng                 |
|-----|--------------|----------------------|----------------------|--------------------|--------------------|------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 1   | Tự chọn      | 117,278,816          | 41,102,063           | 9,297,645          | 5,773,418          |            |                      |                      | 56,173,126           |
| 2   | Tổng hợp     | 291,970,833          | 205,560,534          | 15,192,961         | 17,140,089         |            |                      |                      | 237,893,584          |
| 3   | Nhôm         | 145,136,296          | 789,208,164          | 12,433,100         | 81,621,064         |            |                      |                      | 883,262,328          |
| 4   | Gạo Kết      | 233,797,479          | 38,225,000           | 3,274,616          | 3,926,074          |            |                      |                      | 45,425,690           |
| 5   | Xuân Hòa     | 111,743,507          | 75,162,760           | 6,800,646          | 4,028,545          |            |                      |                      | 85,991,951           |
| ... | .....        | .....                | .....                | .....              | .....              |            |                      | .....                | .....                |
|     | <b>Cộng:</b> | <b>1,310,116,412</b> | <b>4,405,588,235</b> | <b>137,579,807</b> | <b>425,111,436</b> | -          | -                    | <b>87,096,000</b>    | <b>5,055,375,478</b> |
| STT | Tên quầy     | Bán ra               | Kho Cty              | Trả                | X#HC               | CL hạ HT   | Tổng bán ra+X#HC     | Giá vốn              | Dư cuối              |
| 1   | Tự chọn      | 63,507,600           |                      |                    | 834,719            |            | 64,342,319           | 49,271,256           | 109,109,623          |
| 2   | Tổng hợp     | 190,900,500          |                      |                    | <b>4,223,214</b>   |            | <b>195,123,714</b>   | <b>162,790,664</b>   | <b>334,740,703</b>   |
| 3   | Nhôm         | 897,831,700          |                      |                    |                    |            | 897,831,700          | 803,777,536          | 130,566,924          |
| 4   | Gạo Kết      | 43,663,000           |                      |                    |                    |            | 43,663,000           | 36,462,310           | 235,560,169          |
| 5   | Xuân Hòa     | 44,914,000           |                      |                    |                    |            | 44,914,000           | 34,084,809           | 152,821,458          |
| ... | .....        | .....                |                      |                    | .....              |            | .....                |                      | .....                |
|     | <b>Cộng:</b> | <b>4,851,332,240</b> | -                    | -                  | <b>5,057,933</b>   | -          | <b>4,856,390,173</b> | <b>4,293,698,930</b> | <b>1,509,101,807</b> |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

## NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

Tháng 11 năm 2012

| TK đối ứng   |     | TK 5111-Dthu bán hàng |                | TK đối ứng   |     | TK 5121-Dthu nội bộ |           | TK đối ứng   |    | TK 5113DV |    | TK đối ứng |     | TK 515    |           |
|--------------|-----|-----------------------|----------------|--------------|-----|---------------------|-----------|--------------|----|-----------|----|------------|-----|-----------|-----------|
| Nợ           | Có  | Dư đầu kỳ:            |                | Nợ           | Có  | Dư đầu kỳ:          |           | Nợ           | Có | Dư ĐK:    |    | N          | C   | Dư ĐK     |           |
|              |     | P/S Nợ                | P/S Có         |              |     | P/S Nợ              | P/S Có    |              |    | Nợ        | Có |            |     | Nợ        | có        |
| 1111         |     |                       | 4,077,597,368  | 641          |     |                     | 5,057,933 |              |    |           |    | 1121       |     |           | 1,816,589 |
| 1121         |     |                       | 28,530,909     |              | 911 | 5,057,933           |           | 911          |    | 0         |    | 1122       |     |           | 3,063,239 |
| 131          |     |                       | 20,181,943,155 |              |     |                     |           |              |    |           |    |            | 911 | 4,879,828 |           |
|              | 911 | 24,288,071,432        |                |              |     |                     |           |              |    |           |    |            |     |           |           |
| <b>Cộng:</b> |     | 24,288,071,432        | 24,288,071,432 | <b>Cộng:</b> |     | 5,057,933           | 5,057,933 | <b>Cộng:</b> |    | 0         | 0  |            |     | 4,879,828 | 4,879,828 |

***Biểu số 2.11 – Nhật ký chứng từ chung***

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: CÔNG TY CPTM MINH KHAI

Mẫu số S05-DN

Địa chỉ: Số 23 - Minh khai

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ)

Tài khoản: 512-Doanh thu bán hàng nội bộ

Năm 2012

| Số dư đầu năm |    |
|---------------|----|
| Nợ            | Có |
|               |    |

| Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này | T1  | ... | T10       | T11       | T12       | Cộng        |
|------------------------------------------|-----|-----|-----------|-----------|-----------|-------------|
| TK 911                                   | ... |     | 2,009,756 | 5,057,933 | 4,864,776 | 112,031,639 |
| Cộng phát sinh Nợ                        | ... |     | 2,009,756 | 5,057,933 | 4,864,776 | 112,031,639 |
| Cộng phát sinh Có                        | ... |     | 2,009,756 | 5,057,933 | 4,864,776 | 112,031,639 |
| SDCT {<br>Nợ<br>Có                       |     |     |           |           |           |             |
|                                          |     |     |           |           |           |             |

Biểu số 2.12 – Sổ cái tài khoản 512

## 2.2.3 Kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán tại Công ty CP TM Minh Khai là trị giá vốn của Hàng xuất kho đã bán. Trong đó, trị giá vốn của hàng xuất kho đã bán bao gồm: Trị giá mua thực tế của hàng hóa xuất kho đã bán và chi phí mua hàng phân bổ cho số hàng hóa đã bán.

Công ty xác định trị giá mua của hàng đã bán theo phương pháp thực tế đích danh. Theo phương pháp này khi xuất kho lô hàng hóa nào thì tính theo giá thực tế nhập kho đích danh của lô đó.

### 2.2.3.1 Chứng từ sử dụng

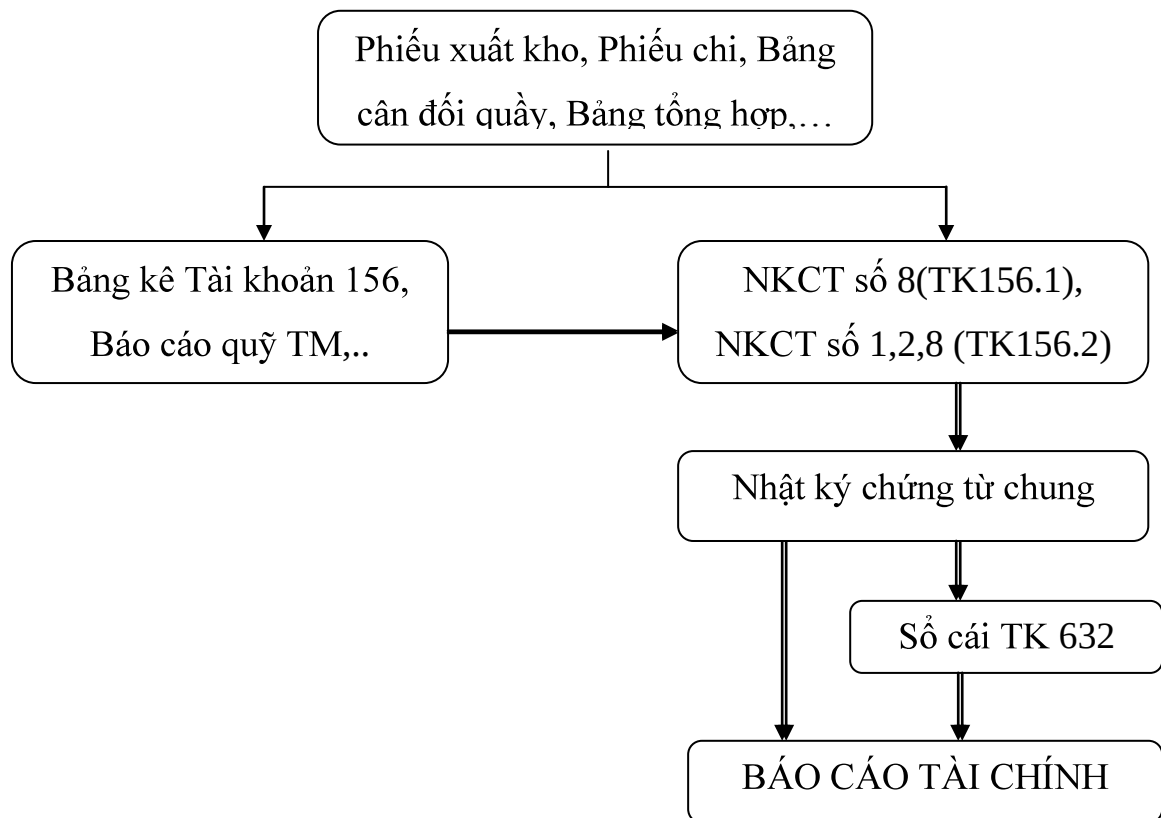
- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

### 2.2.3.2 Tài khoản sử dụng

- TK632: Giá vốn hàng bán

### 2.2.3.3 Quy trình hạch toán

*Sơ đồ quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại Công ty CP TM Minh Khai.*



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày →  
Ghi định kỳ ==>

Cuối tháng, để tính giá vốn hàng bán, kế toán căn cứ trên các Bảng cân đối của từng quầy hàng để lập Bảng tổng hợp cho các quầy (có thống kê lượng nhập xuất trong tháng). Từ số liệu tổng hợp được, kế toán vào Bảng kê TK 156, rồi vào Nhật ký chứng từ số 8. Dựa trên Nhật ký chứng từ số 8 để vào Nhật ký chứng từ chung, sau đó vào Sổ cái. Cuối kỳ kế toán, kế toán dựa trên Sổ cái đã hạch toán hoặc Nhật ký chứng từ chung để lên các báo cáo tài chính.

### **2.2.3.4 Ví dụ minh họa**

**VD 3:** Cuối tháng 11/2012 kế toán tiến hành tính giá vốn hàng bán ra của quầy Tổng Hợp.

- Dựa trên các báo cáo bán hàng, Sổ tổng hợp quầy và các Phiếu xuất kho(Biểu mẫu 2.13) đã chuyển lên trong tháng, kế toán tiến hành thống kê số liệu vào Bảng kê hàng nhập quầy (Biểu 2.14) và Bảng cân đối quầy (Biểu 2.15).

**Lưu ý:** Đối với các quầy hàng, để xác định lượng hàng hóa nhập cho mỗi mặt hàng vào trong quầy, mật dịch viên căn cứ trên nhu cầu thị trường: lượng bán của mặt hàng đó vào tháng trước, lượng hàng bán được trong cùng kỳ năm trước và các mùa trong năm để có kế hoạch nhập hàng về tại quầy (lượng hàng nhập thường không cố định về số lượng). Đối với phạm vi trên toàn Doanh nghiệp, Phòng kinh doanh cũng dựa trên các yếu tố kể trên và lượng hàng còn tồn kho để lập kế hoạch mua thêm hàng hóa trong tháng.

- Căn cứ vào các bảng cân đối quầy hàng, kế toán lên bảng tổng hợp – chuyển bán(Biểu 2.16). Sau đó vào bảng kê TK 156(Biểu 2.17).

- Căn cứ trên bảng kê TK 156 kế toán tiến hành ghi vào NKCT số 8(Biểu 2.18), sau đó vào Nhật ký chứng từ chung(Biểu 2.19), sau đó vào sổ cái TK 632(Biểu 2.20).

- Cuối kỳ kế toán, kế toán dựa trên Sổ cái đã hạch toán hoặc Nhật ký chứng từ chung để lên các báo cáo tài chính.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.13 – Phiếu xuất kho số 33/11**

|                                                                                                 |                                |                        |                      |                      |                   |            |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|------------------------|----------------------|----------------------|-------------------|------------|
| Đơn vị: CTCPTM                                                                                  | <b>PHIẾU XUẤT KHO</b> Số 33/11 | <b>Mẫu số: 02 - VT</b> |                      |                      |                   |            |
| Minh Khai.                                                                                      | Ngày 20 tháng 11 năm 2012      | QĐ 15/2006 BTC         |                      |                      |                   |            |
| Địa chỉ: 23-Minh Khai                                                                           |                                |                        |                      |                      |                   |            |
| Tên đơn vị nhận: <b>Đỗ Thị Lê Hương – Quầy tổng hợp.</b>                                        |                                |                        |                      |                      |                   |            |
| Lý do xuất kho: <b>Chuyển bán (Bán lẻ)</b>                                                      |                                |                        |                      |                      |                   |            |
| Xuất tại kho:                                                                                   |                                |                        |                      |                      |                   |            |
| TT                                                                                              | TÊN HÀNG                       | ĐV<br>tính             | Số<br>lượng          | Giá đơn<br>vị        | Thành tiền        | Ghi<br>chú |
| 1                                                                                               | Voka 0,3 lít 29°5              | Chai                   | 120                  | 25,545               | 3,065,400         |            |
| 2                                                                                               | R HN lít 29 °5                 | Chai                   | 80                   | 31,700               | 2,536,000         |            |
| 3                                                                                               | R HN pét 29 °5                 | Chai                   | 20                   | 18,321               | 366,420           |            |
| 4                                                                                               | R Hà Nội 4 lít 35°             | Can                    | 30                   | 113,275              | 3,398,250         |            |
| 5                                                                                               | R Hà Nội 4 lít 39 °5           | Can                    | 20                   | 135,930              | 2,718,600         |            |
| 6                                                                                               | R Anh Đào 0,75                 | Chai                   | 50                   | 27,700               | 1,385,000         |            |
| 7                                                                                               | R E Agles                      | Chai                   | 10                   | 505,455              | 5,054,550         |            |
| 8                                                                                               | Vang Melot 1,5                 | Chai                   | 5                    | 220,000              | 1,100,000         |            |
| 9                                                                                               | Vang chất 3l                   | Chai                   | 10                   | 268,182              | 2,681,820         |            |
| 10                                                                                              | Nước ép trái cây               | Chai                   | 20                   | 51,000               | 1,020,000         |            |
| 11                                                                                              | Thuốc lá 555                   | Cây                    | 20                   | 15,455               | 309,100           |            |
| 12                                                                                              | John đen không hộp             | Chai                   | 10                   | 395,185              | 3,951,850         |            |
| 13                                                                                              | John đen không ly              | Chai                   | 10                   | 407,550              | 4,075,500         |            |
|                                                                                                 | <b>Cộng</b>                    |                        |                      | <b>2,215,298</b>     | <b>31,662,490</b> |            |
| Cộng thành tiền: <b>Ba mươi một triệu sáu trăm sáu mươi hai ngàn bốn trăm chín mươi đồng./.</b> |                                |                        |                      |                      |                   |            |
| <b>K.T trưởng</b>                                                                               | <b>Thủ kho</b>                 | <b>Người nhận</b>      | <b>P.T cung tiêu</b> | <b>Thủ trưởng ĐV</b> |                   |            |

**Chú thích:** Phiếu xuất kho trên là phiếu xuất kho hàng hóa ra quầy do thủ kho viết. Dựa vào các PXK ra quầy kế toán sẽ thống kê và ghi vào Bảng kê hàng nhập quầy và ghi đơn giá xuất vào cột giá mua của bảng Cân đối quầy.



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.14 – Bảng kê hàng nhập quỹ Tổng hợp tháng 11/2012**

| Ngày      | Số phiếu | Trị giá     | Ngày | Số phiếu | Xuất      |
|-----------|----------|-------------|------|----------|-----------|
| 10/11     | 12/11    | 69,754,655  |      |          |           |
| 15/11     | 21/11    | 58,785,389  |      |          |           |
| 20/11     | 33/11    | 31,662,490  |      |          |           |
| 25/11     | 46/11    | 45,385,000  |      |          |           |
|           |          |             |      |          |           |
|           |          |             |      |          |           |
| Cộng      |          | 205,560,534 | Cộng |          | 0         |
|           |          | Nhập khác   |      |          | Xuất khác |
|           |          |             |      |          |           |
|           |          |             |      |          |           |
|           |          |             |      |          |           |
|           |          |             |      |          |           |
|           |          |             |      |          |           |
| Cộng      |          | 0           | Cộng |          | 0         |
| Tổng cộng |          | 205,560,534 |      |          |           |

Người lập biểu: **Bùi Thị Ngọc**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu 2.15 – Cân đối quỹ Tổng hợp

## CÂN ĐỐI QUỸ TỔNG HỢP

Tháng 11 năm 2012 –MDV Lê Hương.

| Stt | Tên hàng hóa       | Giá đơn vị |                | Số dư đầu tháng |                    | Nhập |                    | Bán |                    | Xuất HC |                  | Giá vốn            | Thuế GTGT         | Chênh lệch lãi    | Số dư cuối tháng |                    |
|-----|--------------------|------------|----------------|-----------------|--------------------|------|--------------------|-----|--------------------|---------|------------------|--------------------|-------------------|-------------------|------------------|--------------------|
|     |                    | Giá mua    | Giá bán có VAT | SL              | Thành tiền         | SL   | Thành tiền         | SL  | Thành tiền         | SL      | Thành tiền       |                    |                   |                   | S L              | Dư cuối kỳ         |
| 1   | Voka 0,3 lít 29°5  | 25,545     | 31,000         | 36              | 919,620            | 120  | 3,065,400          | 48  | 1,488,000          | 25      | 702,488          | 1,864,785          | 199,135           | 126,568           | 83               | 2,120,235          |
| 2   | Voka 0,75 39°5     | 53,360     | 67,000         | 114             | 6,083,040          | -    | -                  | 24  | 1,608,000          | -       | -                | 1,280,640          | 146,182           | 181,178           | 90               | 4,475,040          |
| 3   | Lúa mới 0,6 có hộp | 35,000     | 50,000         | 50              | 1,750,000          | -    | -                  | 20  | 1,000,000          | -       | -                | 700,000            | 90,909            | 209,091           | 30               | 750,000            |
| 4   | R HN lít 29°5      | 31,700     | 40,000         | 35              | 1,109,500          | 80   | 2,536,000          | 30  | 1,200,000          | -       | -                | 951,000            | 109,091           | 139,909           | 65               | 1,811,500          |
| 5   | R HN pét 29°5      | 18,321     | 25,000         | 46              | 842,766            | 20   | 366,420            | 21  | 525,000            | -       | -                | 384,741            | 47,727            | 92,532            | 45               | 684,186            |
| ... | .....              | .....      | .....          | ....            | .....              | ...  | .....              | ... | .....              | ...     | .....            | .....              | ...               |                   |                  | .....              |
|     | <b>Cộng</b>        |            |                |                 | <b>291,970,833</b> |      | <b>205,560,534</b> |     | <b>190,900,500</b> |         | <b>4,223,214</b> | <b>162,790,664</b> | <b>17,140,089</b> | <b>15,192,961</b> |                  | <b>334,740,703</b> |

**Trong đó:**

**Giá vốn** = (SL bán+SL xuất HC) x Giá mua

**Thuế GTGT** =  $\frac{TT \text{ bán} + TT \text{ xuất HC}}{1+t_{VAT}}$  x  $t_{VAT}$

**Chênh lệch lãi** =  $\frac{TT \text{ bán} + TT \text{ xuất HC}}{1+t_{VAT}}$  - Giá vốn

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

***Biểu 2.16 – Bảng tổng hợp chuyển bán***

## **BẢNG TỔNG HỢP – CHUYỂN BÁN THÁNG 11 NĂM 2012**

| STT | Tên quỹ         | Dư đầu               | Nhập kho             | CL lãi             | Thuế GTGT          | CL tăng HT | CL XT                | Nhập kho gạo         | Tổng                 |
|-----|-----------------|----------------------|----------------------|--------------------|--------------------|------------|----------------------|----------------------|----------------------|
| 1   | Tự chọn         | 117,278,816          | 41,102,063           | 9,297,645          | 5,773,418          |            |                      |                      | 56,173,126           |
| 2   | <b>Tổng hợp</b> | <b>291,970,833</b>   | <b>205,560,534</b>   | <b>15,192,961</b>  | <b>17,140,089</b>  |            |                      |                      | <b>237,893,584</b>   |
| 3   | Nhôm            | 145,136,296          | 789,208,164          | 12,433,100         | 81,621,064         |            |                      |                      | 883,262,328          |
| 4   | Gạo Kết         | 233,797,479          | 38,225,000           | 3,274,616          | 3,926,074          |            |                      |                      | 45,425,690           |
| 5   | Xuân Hòa        | 111,743,507          | 75,162,760           | 6,800,646          | 4,028,545          |            |                      |                      | 85,991,951           |
| ... | .....           | .....                | .....                | .....              | .....              |            |                      | .....                | .....                |
|     | <b>Cộng:</b>    | <b>1,310,116,412</b> | <b>4,405,588,235</b> | <b>137,579,807</b> | <b>425,111,436</b> | -          | -                    | <b>87,096,000</b>    | <b>5,055,375,478</b> |
| STT | Tên quỹ         | Bán ra               | Kho Cty              | Trả                | X#HC               | CL hạ HT   | Tổng bán ra+X#HC     | Tổng giá vốn         | Dư cuối              |
| 1   | Tự chọn         | 63,507,600           |                      |                    | 834,719            |            | 64,342,319           | 49,271,256           | 109,109,623          |
| 2   | <b>Tổng hợp</b> | <b>190,900,500</b>   |                      |                    | <b>4,223,214</b>   |            | <b>195,123,714</b>   | <b>162,790,664</b>   | <b>334,740,703</b>   |
| 3   | Nhôm            | 897,831,700          |                      |                    |                    |            | 897,831,700          | 803,777,536          | 130,566,924          |
| 4   | Gạo Kết         | 43,663,000           |                      |                    |                    |            | 43,663,000           | 36,462,310           | 235,560,169          |
| 5   | Xuân Hòa        | 44,914,000           |                      |                    |                    |            | 44,914,000           | 34,084,809           | 152,821,458          |
| ... | .....           | .....                |                      |                    | .....              |            | .....                | .....                | .....                |
|     | <b>Cộng:</b>    | <b>4,851,332,240</b> | -                    | -                  | <b>5,057,933</b>   | -          | <b>4,856,390,173</b> | <b>4,293,698,930</b> | <b>1,509,101,807</b> |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.17 – Bảng kê TK hàng hóa 156.1**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI**

## **BẢNG KÊ TK HÀNG HÓA 156.1**

**Tháng 11 năm 2012**

| Tên đơn vị | Số dư                        | Ghi Nợ TK 156, ghi Có các TK |                   |                   |                      | Cộng Nợ              |
|------------|------------------------------|------------------------------|-------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
|            |                              | 136Cty                       | 136kho gạo        | 711               | 331A                 |                      |
| Các quầy   | 1,130,116,411                | 4,405,588,325                | 87,096,000        |                   |                      | 4,492,684,325        |
| Kho Cty    | 3,487,294,238                |                              |                   | 47,298,382        | 4,402,027,835        | 4,089,326,217        |
| Cộng       | <b>4,797,410,649</b>         | <b>4,405,588,325</b>         | <b>87,096,000</b> | <b>47,298,382</b> | <b>4,402,027,835</b> | <b>8,582,010,542</b> |
| Tên đơn vị | Ghi Có TK 156, ghi Nợ các TK |                              |                   |                   | Cộng có              | Dư cuối kỳ           |
|            | 136Cty                       | 632                          | 331               | 641               |                      |                      |
| Các quầy   |                              | <b>4,293,698,930</b>         |                   |                   | 4,293,698,930        | 1,509,101,806        |
| Kho Cty    | 4,405,588,325                |                              |                   |                   | 4,405,588,325        | 3,171,032,130        |
| Cộng       | <b>4,405,588,325</b>         | <b>4,293,698,930</b>         | <b>0</b>          | <b>0</b>          | <b>8,699,287,255</b> | <b>4,680,133,936</b> |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.18 – Nhật ký chứng từ số 8**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI**

## NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8

**Tháng 11 năm 2012**

| ND                   | Dư đầu kỳ             | Ghi nợ TK 1561 ghi có các TK |                   |                       | Cộng nợ               | Ghi có TK 1561 ghi nợ các TK |                       | Cộng có               | Dư cuối kỳ            |
|----------------------|-----------------------|------------------------------|-------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|                      |                       | 136gạo                       | 711               | 331                   |                       | 136<br>Quầy                  | 632                   |                       |                       |
| Gạo                  | 17,483,618,080        |                              |                   | 22,793,085,000        | 22,793,085,000        | 87,096,000                   | 16,985,343,580        | 17,072,439,580        | 23,204,263,500        |
| Chuyên bán           | 4,797,410,649         | 87,096,000                   | 47,298,382        | 4,402,027,835         | 4,176,422,217         |                              | <b>4,293,698,930</b>  | 4,293,698,930         | 4,680,133,936         |
| CH<br>1+CH 2         | 0                     |                              |                   | 107,147,000           | 107,147,000           |                              | 107,147,000           | 107,147,000           | 0                     |
| CH<br>Trần<br>Q.Khai | 0                     |                              |                   | 9,071,064             | 9,071,064             |                              | 9,071,064             | 9,071,064             | 0                     |
| <b>Cộng</b>          | <b>22,281,028,729</b> | <b>87,096,000</b>            | <b>47,298,382</b> | <b>26,951,330,889</b> | <b>27,085,725,281</b> | <b>87,096,000</b>            | <b>21,395,260,574</b> | <b>21,482,356,574</b> | <b>27,884,397,436</b> |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.19 – Nhật ký chứng từ chung (Phần ghi cho các TK 632,641,642)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI**

## NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

**Tháng 11 năm 2012**

| TK đối ứng   |      | TK 632                |                       | TK đối ứng   |      | TK 641             |                    | TK đối ứng   |      | TK 642             |                    |
|--------------|------|-----------------------|-----------------------|--------------|------|--------------------|--------------------|--------------|------|--------------------|--------------------|
| Nợ           | Có   | Dư đầu kỳ:            |                       | Nợ           | Có   | Dư đầu kỳ:         |                    | Nợ           | Có   | Dư đầu kỳ:         |                    |
|              |      | P/S Nợ                | P/S Có                |              |      | P/S Nợ             | P/S Có             |              |      | P/S Nợ             | P/S Có             |
|              | 1561 | 21,395,260,574        |                       |              | 1111 | 210,367,588        |                    |              | 1111 | 89,530,705         |                    |
|              | 1562 | 521,733,356           |                       |              | 1121 | 147,934,509        |                    |              | 2141 | 50,000,000         |                    |
|              | 1111 |                       |                       |              | 1122 | 104,140            |                    |              | 334  | 72,319,291         |                    |
|              | 154  |                       |                       |              | 1388 | 78,000,000         |                    |              | 3383 | 6,509,300          |                    |
| 911          |      |                       | 21,916,993,930        |              | 2141 | 70,000,000         |                    |              | 3384 | 1,148,700          |                    |
|              |      |                       |                       |              | ...  | .....              |                    |              | 3389 | 382,900            |                    |
|              |      |                       |                       | 1111         |      |                    | 282,600            |              | ...  | .....              |                    |
|              |      |                       |                       | 911          |      |                    | 698,338,728        | 911          |      |                    | 268,368,282        |
| <b>Cộng:</b> |      | <b>21,916,993,930</b> | <b>21,916,993,930</b> | <b>Cộng:</b> |      | <b>698,621,328</b> | <b>698,621,328</b> | <b>Cộng:</b> |      | <b>268,368,282</b> | <b>268,368,282</b> |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Đơn vị:** CÔNG TY CPTM MINH KHAI

**Mẫu số** S05-DN

**Địa chỉ:** Số 23 - Minh khai

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

## **SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức Nhật ký- Chứng từ)

**Tài khoản: 632-Giá vốn hàng bán.**

**Năm 2012**

| Số dư đầu năm |    |
|---------------|----|
| Nợ            | Có |
|               |    |

| Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này | T1    | ... | T10                   | T11                   | T12                   | Cộng                   |
|------------------------------------------|-------|-----|-----------------------|-----------------------|-----------------------|------------------------|
| TK 1561                                  | ..... |     | 16,082,194,062        | 21,395,260,574        | 19,041,685,377        | 248,538,080,205        |
| TK 1562                                  | ..... |     | 593,058,450           | 521,733,356           | 694,781,243           | 6,998,745,200          |
| <b>Cộng phát sinh Nợ</b>                 | ..... |     | <b>16,675,252,512</b> | <b>21,916,993,930</b> | <b>19,736,466,620</b> | <b>255,536,825,428</b> |
| <b>Cộng phát sinh Có</b>                 | ..... |     | <b>16,675,252,512</b> | <b>21,916,993,930</b> | <b>19,736,466,620</b> | <b>255,536,825,428</b> |

**Biểu 2.20 – Sổ cái tài khoản 632**

## 2.2.4 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính.

Tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai, doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi Ngân hàng, tiền cho vay, lãi đầu tư ngắn hạn, dài hạn, Cổ tức lợi nhuận được chia, lãi chênh lệch tỷ giá,...; chi phí tài chính bao gồm tiền lãi vay Ngân hàng, lỗ chênh lệch tỷ giá,...

### 2.2.4.1 Chứng từ sử dụng

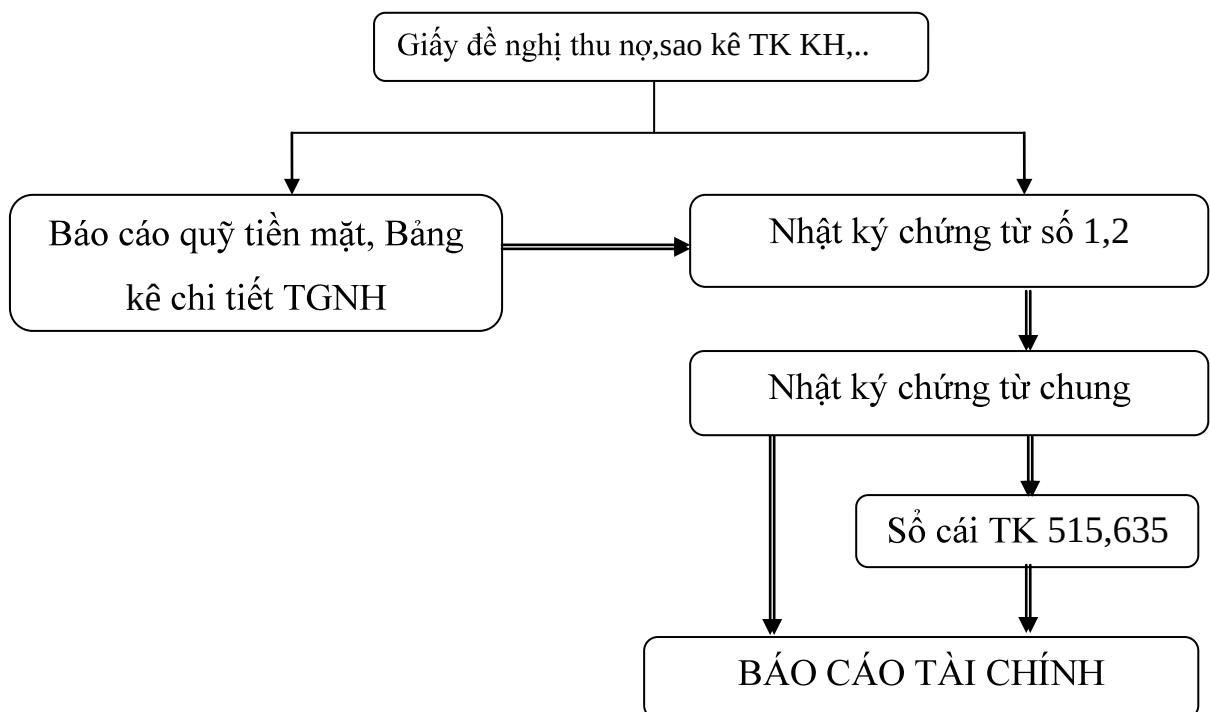
- Giấy đề nghị thu nợ, phiếu hạch toán giao dịch khách hàng.
- Bảng sao kê tài khoản khách hàng
- Các chứng từ khác có liên quan.

### 2.2.4.2 Tài khoản sử dụng

- TK515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK635: Chi phí tài chính

### 2.2.4.3 Quy trình hạch toán

**Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính tại Công ty CP TM Minh Khai**



**Ghi chú:** Ghi hàng ngày →  
Ghi định kỳ ==>



Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ liên quan đến khoản chi phí tài chính và doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong doanh nghiệp, kế toán vào Bảng kê chi tiết TGNH hoặc báo cáo quỹ tiền mặt.

Cuối tháng, căn cứ trên các sổ sách có liên quan đến doanh thu HĐTC và chi phí tài chính nói trên, kế toán tiến hành ghi vào NKCT số 1 hoặc 2. Sau đó, dựa trên các số liệu đã được tổng hợp từ các NKCT có liên quan, kế toán tiến hành ghi vào NKCT chung, rồi tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ chung để vào sổ cái TK 515, TK 635.

Cuối kỳ hạch toán, dựa trên sổ cái hoặc NKCT chung đã hạch toán, kế toán tiến hành lên các báo cáo tài chính.

#### **2.2.4.4 Ví dụ minh họa**

**VD 4:** Ngày 19/11/2012 công ty trả nợ và lãi vay cho Ngân hàng Đầu tư & phát triển Hải Phòng.

- Căn cứ vào Phiếu hạch toán giao dịch khách hàng (Biểu 2.21 ) và giấy đề nghị thu nợ do ngân hàng chuyển đến (Biểu 2.22), công ty tiến hành trả tiền và hạch toán vào Bảng kê chi tiết tiền gửi ngân hàng (mở cho Ngân hàng Đầu tư HP) (Biểu 2.23)
- Đến cuối tháng, kế toán tổng hợp số liệu từ các bảng kê chi tiết để vào Nhật ký chứng từ số 2 (Biểu 2.24). Sau đó, trên cơ sở số liệu trên để vào nhật ký chứng từ chung (Biểu 2.25) (phần ghi cho các TK 632, 635, 641, 642).
- Từ nhật ký chứng từ chung đó, kế toán tiến hành vào sổ cái TK 635 (Biểu 2.26).
- Cuối kỳ hạch toán, dựa trên sổ cái hoặc Nhật ký chứng từ chung kể trên để lên các Báo cáo tài chính.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.21 – Giấy đề nghị thu nợ

| PHÒNG QTTD                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | Hải Phòng, ngày 19/11/2012 |                       |                        |                        |         |                   |               |            |               |                   |                  |                      |                   |                      |  |  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------|-----------------------|------------------------|------------------------|---------|-------------------|---------------|------------|---------------|-------------------|------------------|----------------------|-------------------|----------------------|--|--|
| <b>GIẤY ĐỀ NGHỊ THU NỢ</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                            |                       |                        |                        |         |                   |               |            |               |                   |                  |                      |                   |                      |  |  |
| <b>Kính gửi: phòng giao dịch khách hàng doanh nghiệp.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |                            |                       |                        |                        |         |                   |               |            |               |                   |                  |                      |                   |                      |  |  |
| Đề nghị MDV thu nợ sau:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                            |                       |                        |                        |         |                   |               |            |               |                   |                  |                      |                   |                      |  |  |
| Khách hàng: Công ty Cổ phần Thương mại Minh Khai.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                            |                       |                        |                        |         |                   |               |            |               |                   |                  |                      |                   |                      |  |  |
| Chi tiết trả nợ gốc, lãi vay như sau:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |                            |                       |                        |                        |         |                   |               |            |               |                   |                  |                      |                   |                      |  |  |
| <table><thead><tr><th>TK tiền vay</th><th>Số tiền thu<br/>nợ gốc</th><th>Số tiền<br/>thu lãi</th><th>Tổng số tiền<br/>thu nợ</th><th>Ghi chú</th></tr></thead><tbody><tr><td>321.82.000.159423</td><td>1,100,000,000</td><td>19,466,666</td><td>1,119,466,666</td><td>321.10.000.141254</td></tr><tr><td><b>Tổng cộng</b></td><td><b>1,100,000,000</b></td><td><b>19,466,666</b></td><td><b>1,119,466,666</b></td><td></td></tr></tbody></table> | TK tiền vay                | Số tiền thu<br>nợ gốc | Số tiền<br>thu lãi     | Tổng số tiền<br>thu nợ | Ghi chú | 321.82.000.159423 | 1,100,000,000 | 19,466,666 | 1,119,466,666 | 321.10.000.141254 | <b>Tổng cộng</b> | <b>1,100,000,000</b> | <b>19,466,666</b> | <b>1,119,466,666</b> |  |  |
| TK tiền vay                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Số tiền thu<br>nợ gốc      | Số tiền<br>thu lãi    | Tổng số tiền<br>thu nợ | Ghi chú                |         |                   |               |            |               |                   |                  |                      |                   |                      |  |  |
| 321.82.000.159423                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 1,100,000,000              | 19,466,666            | 1,119,466,666          | 321.10.000.141254      |         |                   |               |            |               |                   |                  |                      |                   |                      |  |  |
| <b>Tổng cộng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>1,100,000,000</b>       | <b>19,466,666</b>     | <b>1,119,466,666</b>   |                        |         |                   |               |            |               |                   |                  |                      |                   |                      |  |  |
| <i>Hải Phòng, ngày 19 tháng 11 năm</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                            |                       |                        |                        |         |                   |               |            |               |                   |                  |                      |                   |                      |  |  |
| 2012                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                            |                       |                        |                        |         |                   |               |            |               |                   |                  |                      |                   |                      |  |  |
| <b>Cán bộ QTTD</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | <b>Người nhận</b>          | <b>Lãnh đạo phòng</b> |                        |                        |         |                   |               |            |               |                   |                  |                      |                   |                      |  |  |
| <b>QTTD</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |                            |                       |                        |                        |         |                   |               |            |               |                   |                  |                      |                   |                      |  |  |

## Biểu 2.22 – Phiếu hạch toán giao dịch khách hàng

|                                                                             |                                                        |
|-----------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| <b>PHIẾU HẠCH TOÁN GIAO DỊCH KHÁCH HÀNG</b>                                 | Số:0041                                                |
| <b>Transfernote</b>                                                         | Ngày:                                                  |
| MST: 0100150619004                                                          |                                                        |
| Hạch toán theo loại chứng từ:                                               |                                                        |
| <input type="checkbox"/> Ủy nhiệm chi/Payment Order                         | <input type="checkbox"/> Ủy nhiệm thu/Collection Order |
| <input type="checkbox"/> Thu nợ vay/Loan Payment                            | <input type="checkbox"/> Hóa đơn bán hàng/Receipt      |
| <input type="checkbox"/> Loại khác/Other: .....                             |                                                        |
| 321 NOTT20 HAPTT 50 321-10-00-014125-4 VND CTY CPTM MINH KHAI               |                                                        |
| 19/11/2012 15:31:08 4101 4121 TRF 321-82-00-015912-3 VND CTY CPTM MINH KHAI |                                                        |
| DR 1,119,466,666.00 VND 1.0000000 CR 1,119,466,666.00 VND 1.0000000         |                                                        |
| PHI: 0 VND VAT 0 VND 1.0000000 MST: 0200585677                              |                                                        |
| TTOAN PHI: 0 VND 1.000000 THU NO                                            |                                                        |
| SO TIEN GOC: 1,100,000,000.00 LAI: 19,466,666.00 LAI TRA CHAM:0.00          |                                                        |
| <b>GIAO DỊCH VIÊN/RECEIVED BY</b>                                           | <b>KIỂM SOÁT/VERIFIED BY</b>                           |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.23 – Bảng kê chi tiết Tài khoản tiền gửi Ngân hàng (NH đầu tư&phát triển HP) số 1**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI**

## BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI KHOẢN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG 112.1

Tháng 11 năm 2012

Ngân hàng Đầu tư& Phát triển Hải Phòng

**D1                      122,004,403**

**SỐ 1**

| Ngày | Diễn Giải                                       | Ghi Nợ TK 112 ghi có các TK |                      |                   |  |  |  |     | Cộng Nợ              |
|------|-------------------------------------------------|-----------------------------|----------------------|-------------------|--|--|--|-----|----------------------|
|      |                                                 | 111                         | 131                  | 338.8             |  |  |  | ... |                      |
| 1    | Công ty CP bia rượu NG KHN thanh toán tiền hàng |                             | 3,357,728,640        |                   |  |  |  |     | 3,357,728,640        |
| 2    | Nộp tiền vào NH                                 | 240,000,000                 |                      |                   |  |  |  |     | 240,000,000          |
| 5    | Nộp tiền vào NH                                 | 662,500,000                 |                      |                   |  |  |  |     | 662,500,000          |
| ...  | .....                                           | .....                       | .....                | .....             |  |  |  |     | .....                |
|      | <b>Cộng</b>                                     | <b>2,516,024,000</b>        | <b>3,997,573,264</b> | <b>93,897,900</b> |  |  |  |     | <b>6,607,495,164</b> |

| Ngày | Diễn Giải                      | Ghi Có TK 112 ghi Nợ các TK |                      |                      |                |                    |                  |     | Cộng Có              |
|------|--------------------------------|-----------------------------|----------------------|----------------------|----------------|--------------------|------------------|-----|----------------------|
|      |                                | 331A                        | 113                  | 311                  | 133            | 635                | 641              | ... |                      |
| 1    | TT tiền hàng cho Phú Minh Hưng | 210,000,000                 |                      |                      |                |                    |                  |     | 210,000,000          |
| 2    | Chuyển tiền sang TK Eximbank   |                             | 2,000,000,000        |                      |                |                    |                  |     | 2,000,000,000        |
| 2    | NH thu phí dịch vụ             |                             |                      |                      | 50,000         |                    | 500,000          |     | 550,000              |
| ...  | .....                          | .....                       | .....                | .....                | .....          | .....              | .....            |     | .....                |
| 19   | Trả nợ+lãi vay NH              |                             |                      | 1,100,000,000        |                | 19,466,666         |                  |     | 1,119,466,666        |
| 22   | Trả lãi vay NH                 |                             |                      |                      |                | 72,000,000         |                  |     | 72,000,000           |
|      | <b>Cộng</b>                    | <b>1,076,068,280</b>        | <b>3,400,000,000</b> | <b>2,000,000,000</b> | <b>153,172</b> | <b>146,266,666</b> | <b>1,531,719</b> |     | <b>6,714,500,737</b> |

**D2                      14,998,830**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.24 – Nhật ký chứng từ số 2**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI**

## NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2

**Tài khoản 112.1 – tiền gửi ngân hàng tháng 11/2012**

**Dư đầu tháng                      856,252,270**

| Ngân hàng   | Cộng Nợ               | Ghi Nợ TK 112 Ghi Có các TK khác |                       |                    |                    |                       |                   |              |                    |
|-------------|-----------------------|----------------------------------|-----------------------|--------------------|--------------------|-----------------------|-------------------|--------------|--------------------|
|             |                       | 111                              | 131                   | 338.8              | 515                | 112.2                 | 511.1             | .....        | 331a               |
| Đầu tư(1)   | 6,607,495,164         | 2,516,024,000                    | 3,997,573,264         | 93,897,900         |                    |                       |                   |              |                    |
| Đầu tư(2)   | 5,088,049,368         | 200,000,000                      | 3,487,112,370         |                    | 936,998            |                       |                   |              |                    |
| Đầu tư(3)   | 734,875,695           | 585,000,000                      | 136,638,695           | 13,237,000         |                    |                       |                   |              |                    |
| CT HP(1)    | 3,660,035,474         |                                  | 806,670,474           |                    |                    | 1,437,270,000         | 12,209,091        |              | 2,665,000          |
| ....        | .....                 | .....                            | .....                 | .....              | .....              | .....                 | .....             |              | .....              |
| <b>Cộng</b> | <b>38,415,317,610</b> | <b>7,169,224,000</b>             | <b>10,859,376,971</b> | <b>225,764,050</b> | <b>1,816,589</b>   | <b>12,168,730,000</b> | <b>28,530,909</b> | <b>.....</b> | <b>6,437,000</b>   |
| Ngân hàng   | Cộng Có               | Ghi Có TK 112-Ghi Nợ các TK khác |                       |                    |                    |                       |                   |              |                    |
|             |                       | 311                              | 331A                  | 136                | 156.2              | 331B                  | 133               | .....        | 635                |
| Đầu tư(1)   | 6,714,500,737         | 2,000,000,000                    | 1,076,068,280         | 90,480,900         |                    |                       | 153,172           |              | <b>146,266,666</b> |
| Đầu tư(2)   | 4,997,997,229         | 3,400,000,000                    | 1,215,163,750         |                    | 256,796,318        |                       | 34,621,980        |              | -                  |
| Đầu tư(3)   | 820,175,435           |                                  | 775,481,130           |                    |                    |                       | 56,500            |              |                    |
| CT HP(1)    | 3,468,800,243         | 2,800,000,000                    | 118,829,874           |                    |                    | 548,952,369           | 13,000            |              | 875,000            |
| ....        | .....                 | .....                            | .....                 | .....              | .....              | .....                 | .....             |              | .....              |
| <b>Cộng</b> | <b>39,130,173,507</b> | <b>22,477,788,062</b>            | <b>5,607,229,646</b>  | <b>482,480,900</b> | <b>508,218,318</b> | <b>1,035,841,327</b>  | <b>64,711,887</b> | <b>.....</b> | <b>463,386,773</b> |

**Dư cuối tháng:                      141,396,373**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.25 – Nhật ký chứng từ chung (Phân ghi cho các TK635, 641, 642)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI**

## NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

**Tháng 11 năm 2012**

| TK đối ứng   |      | TK 635             |                    | TK đối ứng   |      | TK 641             |                    | TK đối ứng   |      | TK 642             |                    |
|--------------|------|--------------------|--------------------|--------------|------|--------------------|--------------------|--------------|------|--------------------|--------------------|
| Nợ           | Có   | Dư đầu kỳ:         |                    | Nợ           | Có   | Dư đầu kỳ:         |                    | Nợ           | Có   | Dư đầu kỳ:         |                    |
|              |      | P/S Nợ             | P/S Có             |              |      | P/S Nợ             | P/S Có             |              |      | P/S Nợ             | P/S Có             |
|              | 1121 | <b>463,386,773</b> |                    | 1111         |      |                    | 282,600            |              | 1111 | 89,530,705         |                    |
|              | 1122 | 24,889,767         |                    |              | 1111 | 210,367,588        |                    |              | 2141 | 50,000,000         |                    |
|              | 335  | 7,000,000          |                    |              | 1121 | 147,934,509        |                    |              | 334  | 72,319,291         |                    |
| 136          |      |                    | 9,979,082          |              | 1122 | 104,140            |                    |              | 3383 | 6,509,300          |                    |
| 911          |      |                    | 485,297,458        |              | 1388 | 78,000,000         |                    |              | 3384 | 1,148,700          |                    |
|              |      |                    |                    |              | 2141 | 70,000,000         |                    |              | 3389 | 382,900            |                    |
|              |      |                    |                    |              | ...  |                    |                    |              | ...  |                    |                    |
|              |      |                    |                    | 911          |      |                    | 698,338,728        | 911          |      |                    | 268,368,282        |
| <b>Cộng:</b> |      | <b>495,276,540</b> | <b>495,276,540</b> | <b>Cộng:</b> |      | <b>698,621,328</b> | <b>698,621,328</b> | <b>Cộng:</b> |      | <b>268,368,282</b> | <b>268,368,282</b> |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu số 2.26 – Sổ cái tài khoản 635

Đơn vị: CÔNG TY CPTM MINH KHAI

Mẫu số S05-DN

Địa chỉ: Số 23 - Minh khai

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### SỔ CÁI (Dùng cho hình thức Nhật ký- Chứng từ)

Tài khoản: 635-Chi phí hoạt động tài chính.

Năm 2012

| Số dư đầu năm |    |
|---------------|----|
| Nợ            | Có |
|               |    |

| Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này | T1    | ... | T10         | T11                | T12         | Cộng                 |
|------------------------------------------|-------|-----|-------------|--------------------|-------------|----------------------|
| TK 1121                                  | ..... |     | 395,891,010 | <b>463,386,773</b> | 563,109,500 | 2,508,058,456        |
| TK 1122                                  | ..... |     | 7,000,000   | 7,000,000          | 24,565,278  | 1,278,165,278        |
| TK 335                                   | ..... |     | 31,614,733  | 24,889,767         | 34,635,488  | 330,250,031          |
| .....                                    | ..... |     | .....       | .....              | .....       | .....                |
| Cộng phát sinh Nợ                        | ..... |     | 434,505,743 | <b>495,276,540</b> | 662,520,025 | <b>4,502,095,684</b> |
| Cộng phát sinh Có                        | ..... |     | 434,505,743 | <b>495,276,540</b> | 662,520,025 | <b>4,502,095,684</b> |

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**VD 5:** Ngày 25/11/2012, Ngân hàng đầu tư và phát triển hải phòng trả lãi tiền gửi cho doanh nghiệp.

- Căn cứ vào bảng sao kê tài khoản khách hàng (Biểu 2.27) và chứng từ về lãi suất (DD Interest Voucher) (Biểu 2.28) do ngân hàng gửi đến, kế toán sẽ ghi chép nghiệp vụ vào bảng kê chi tiết tiền gửi ngân hàng( mở cho NH đầu tư và phát triển Hải phòng) (Biểu 2.29).

- Đến cuối tháng, kế toán tổng hợp số liệu từ các bảng kê chi tiết để vào Nhật ký chứng từ số 2(Biểu 2.30). Sau đó, trên cơ sở số liệu trên để vào nhật ký chứng từ chung (Biểu 2.31)(phần ghi cho các TK 5111,5113,5121,515).

- Từ nhật ký chứng từ chung đó, kế toán tiến hành vào sổ cái TK 515 (Biểu 2.32)

- Cuối kỳ hạch toán (năm),dựa trên sổ cái hoặc Nhật ký chứng từ chung kê trên để lên các Báo cáo tài chính.

### **Biểu 2.27 – DD Interest Voucher (chứng từ lãi suất)**

|                                                                       |                       |                |
|-----------------------------------------------------------------------|-----------------------|----------------|
| NGÂN HÀNG ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN VIỆT NAM                               |                       |                |
| Chi nhánh 321 CN Ngân hàng Đầu tư & Phát triển Hải Phòng              |                       |                |
| <b>DD INTEREST VOUCHER</b>                                            |                       |                |
| Ngày 26/11/2012                                                       |                       |                |
| Tên khách hàng: Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai                  |                       | Loại tiền: VND |
| Tài khoản số: 321-10-00-014125-4                                      |                       |                |
| Ngày giao dịch: 25/11/2012.                                           |                       |                |
| Số dư tài khoản                                                       | Lãi suất              |                |
| 3,650,122,469.00                                                      | 2.0000000             | 936,998.00     |
| <b>: 936,998.00</b>                                                   |                       |                |
| <b>: Chín trăm ba mươi sáu ngàn chín trăm chín mươi tám VND chẵn.</b> |                       |                |
| <b>Teller</b>                                                         | <b>Kiểm soát viên</b> |                |

## Biểu 2.28 – Sao kê tài khoản khách hàng

|                                                                                                                                                                                                  |                |                        |                               |              |                  |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|------------------------|-------------------------------|--------------|------------------|
| <b>Ngân hàng TMCP ĐT&amp;PT Việt Nam</b>                                                                                                                                                         | <b>DDB402P</b> | <b>Trang 1</b>         |                               |              |                  |
| <b>Chi nhánh: 321 NH TMCP ĐT&amp;PT Hải Phòng</b>                                                                                                                                                |                | <b>Ngày 26/11/2012</b> |                               |              |                  |
|                                                                                                                                                                                                  |                | <b>Giờ: 8:17:20</b>    |                               |              |                  |
| <br><b>SAO KÊ TÀI KHOẢN KHÁCH HÀNG</b><br><b>Tài Khoản số: 32110000141254</b><br><b>Tên khách hàng: Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai</b><br><b>Từ ngày 25/11/2012 đến 26/11/2012</b><br><br> |                |                        |                               |              |                  |
| <b>Ngày</b>                                                                                                                                                                                      | <b>Mã GD</b>   | <b>Số Sec</b>          | <b>PS Nợ</b>                  | <b>PS Có</b> | <b>Số dư</b>     |
|                                                                                                                                                                                                  | Số dư đầu      |                        |                               |              | 3,649,185,471.00 |
| 25/11/2012                                                                                                                                                                                       |                |                        |                               | 936,998.00   | 3,650,122,469.00 |
|                                                                                                                                                                                                  | Tổng           |                        | 0.00                          | 936,998.00   |                  |
|                                                                                                                                                                                                  | Số dư cuối     |                        |                               |              | 3,650,122,469.00 |
| <b>Lập bảng</b>                                                                                                                                                                                  |                |                        | <b>Xác nhận của Ngân hàng</b> |              |                  |



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.29 – Bảng kê chi tiết Tài khoản tiền gửi Ngân hàng (NH đầu tư&phát triển HP) số 2**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI**

## BẢNG KÊ CHI TIẾT TÀI KHOẢN TIỀN GỬI NGÂN HÀNG 112.1

Tháng 11 năm 2012

Ngân hàng Đầu tư&phát triển Hải phòng

**D1: 14,998,830**

**SỐ 2**

| Ngày | Diễn giải                                   | Ghi nợ tk 112 ghi có các tk |                      |                      |                   |                   |  |                      |
|------|---------------------------------------------|-----------------------------|----------------------|----------------------|-------------------|-------------------|--|----------------------|
|      |                                             | 111                         | 131                  | 113                  | 515               |                   |  | Cộng Nợ              |
| 23   | Nhận tiền từ TK Eximbank HP                 |                             |                      | 1,400,000,000        |                   |                   |  | 1,400,000,000        |
| 23   | Cty CP bia rượu NGK NH thanh toán tiền hàng |                             | 3,487,112,370        |                      |                   |                   |  | 3,487,112,370        |
| 23   | Nộp tiền vào tài khoản                      | 100,000,000                 |                      |                      |                   |                   |  | 100,000,000          |
| 25   | Ngân hàng trả lãi tiền gửi                  |                             |                      |                      | 936,998           |                   |  | 936,998              |
| 27   | Nộp tiền vào tài khoản                      | 100,000,000                 |                      |                      |                   |                   |  | 100,000,000          |
|      | <b>CỘNG</b>                                 | <b>200,000,000</b>          | <b>3,487,112,370</b> | <b>1,400,000,000</b> | <b>936,998</b>    |                   |  | <b>5,088,049,368</b> |
| Ngày | Diễn Giải                                   | Ghi Có TK 112 ghi Nợ các TK |                      |                      |                   |                   |  |                      |
|      |                                             | 311                         | 331A                 | 1562                 | 641               | 133               |  | Cộng Có              |
| 23   | TT vận chuyển cho Cty CPXD Đường biển       |                             |                      | 220,214,318          |                   | 22,021,432        |  | 242,235,750          |
| 23   | Ngân hàng thu phí dịch vụ                   |                             |                      |                      | 145,341           | 14,534            |  | 159,875              |
| ..   | .....                                       | .....                       | .....                | .....                | .....             | .....             |  | .....                |
|      | <b>CỘNG</b>                                 | <b>3,400,000,000</b>        | <b>1,215,163,750</b> | <b>256,796,318</b>   | <b>91,415,181</b> | <b>34,621,980</b> |  | <b>4,997,997,229</b> |

**D2 105,050,969**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.30 – Nhật ký chứng từ số 2**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI**

## **NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 2**

**Dư đầu tháng 856,252,270**

| Ngân hàng   | Cộng Nợ               | Ghi Nợ TK 112 Ghi Có các TK khác |                       |                    |                    |                       |                   |              |                    |
|-------------|-----------------------|----------------------------------|-----------------------|--------------------|--------------------|-----------------------|-------------------|--------------|--------------------|
|             |                       | 111                              | 131                   | 338.8              | 515                | 112.2                 | 511.1             | .....        | 331a               |
| Đầu tư(1)   | 6,607,495,164         | 2,516,024,000                    | 3,997,573,264         | 93,897,900         |                    |                       |                   |              |                    |
| Đầu tư(2)   | 5,088,049,368         | 200,000,000                      | 3,487,112,370         |                    | <b>936,998</b>     |                       |                   |              |                    |
| Đầu tư(3)   | 734,875,695           | 585,000,000                      | 136,638,695           | 13,237,000         |                    |                       |                   |              |                    |
| CT HP(1)    | 3,660,035,474         |                                  | 806,670,474           |                    |                    | 1,437,270,000         | 12,209,091        |              | 2,665,000          |
| ....        | .....                 | .....                            | .....                 | .....              | .....              | .....                 | .....             |              | .....              |
| <b>Cộng</b> | <b>38,415,317,610</b> | <b>7,169,224,000</b>             | <b>10,859,376,971</b> | <b>225,764,050</b> | <b>1,816,589</b>   | <b>12,168,730,000</b> | <b>28,530,909</b> | <b>.....</b> | <b>6,437,000</b>   |
| Ngân hàng   | Cộng Có               | Ghi Có TK 112-Ghi Nợ các TK khác |                       |                    |                    |                       |                   |              |                    |
|             |                       | 311                              | 331A                  | 136                | 156.2              | 331B                  | 133               | .....        | 635                |
| Đầu tư(1)   | 6,714,500,737         | 2,000,000,000                    | 1,076,068,280         | 90,480,900         |                    |                       | 153,172           |              | 146,266,666        |
| Đầu tư(2)   | 4,997,997,229         | 3,400,000,000                    | 1,215,163,750         |                    | 256,796,318        |                       | 34,621,980        |              | -                  |
| Đầu tư(3)   | 820,175,435           |                                  | 775,481,130           |                    |                    |                       | 56,500            |              |                    |
| CT HP(1)    | 3,468,800,243         | 2,800,000,000                    | 118,829,874           |                    |                    | 548,952,369           | 13,000            |              | 875,000            |
| ....        | .....                 | .....                            | .....                 | .....              | .....              | .....                 | .....             |              | .....              |
| <b>Cộng</b> | <b>39,130,173,507</b> | <b>22,477,788,062</b>            | <b>5,607,229,646</b>  | <b>482,480,900</b> | <b>508,218,318</b> | <b>1,035,841,327</b>  | <b>64,711,887</b> | <b>.....</b> | <b>463,386,773</b> |

**Dư cuối tháng: 141,396,373**

**Tài khoản 112.1 – tiền gửi ngân hàng tháng 11/2012**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.31 – Nhật ký chứng từ chung (Phần ghi cho các TK 511, 5121, 515)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI**

## NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

**Tháng 11 năm 2012**

| TK đối ứng   |     | TK 5111-Dthu bán hàng |                | TK đối ứng   |     | TK 5121-Dthu nội bộ |           | TK đối ứng   |    | TK 5113DV |    | TK đối ứng |     | TK 515    |           |
|--------------|-----|-----------------------|----------------|--------------|-----|---------------------|-----------|--------------|----|-----------|----|------------|-----|-----------|-----------|
| Nợ           | Có  | Dư đầu kỳ:            |                | Nợ           | Có  | Dư đầu kỳ:          |           | Nợ           | Có | Dư ĐK:    |    | Nợ         | Có  | Dư ĐK:    |           |
|              |     | P/S Nợ                | P/S Có         |              |     | P/S Nợ              | P/S Có    |              |    | Nợ        | Có |            |     | Nợ        | có        |
| 1111         |     |                       | 4,077,597,368  | 641          |     |                     | 5,057,933 |              |    |           |    | 1121       |     |           | 1,816,589 |
| 1121         |     |                       | 28,530,909     |              |     |                     |           | 911          |    | 0         |    | 1122       |     |           | 3,063,239 |
| 131          |     |                       | 20,181,943,155 |              |     |                     |           |              |    |           |    |            | 911 | 4,879,828 |           |
|              | 911 | 24,288,071,432        |                |              | 911 | 5,057,933           |           |              |    |           |    |            |     |           |           |
| <b>Cộng:</b> |     | 24,288,071,432        | 24,288,071,432 | <b>Cộng:</b> |     | 5,057,933           | 5,057,933 | <b>Cộng:</b> |    | 0         | 0  |            |     | 4,879,828 | 4,879,828 |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.32 – Sổ cái TK 515

**Đơn vị:**CÔNG TY CPTM MINH KHAI

**Mẫu số** S05-DN

**Địa chỉ:** Số 23 - Minh khai

*(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)*

### **SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán Nhật ký- chứng từ)**

**Tài khoản: 515-Doanh thu hoạt động tài chính**

**Năm 2012**

| Số dư đầu năm |    |
|---------------|----|
| Nợ            | Có |
|               |    |

| Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này | T1  | ... | T10              | T11              | T12               | Cộng               |
|------------------------------------------|-----|-----|------------------|------------------|-------------------|--------------------|
| TK 911                                   | ... |     | 6,798,106        | 4,879,828        | 52,788,998        | 227,705,591        |
| <b>Cộng phát sinh Nợ</b>                 | ... |     | <b>6,798,106</b> | <b>4,879,828</b> | <b>52,788,998</b> | <b>227,705,591</b> |
| <b>Cộng phát sinh Có</b>                 | ... |     | <b>6,798,106</b> | <b>4,879,828</b> | <b>52,788,998</b> | <b>227,705,591</b> |
| <b>SDCT</b> {<br>Nợ<br>Có                |     |     |                  |                  |                   |                    |
|                                          |     |     |                  |                  |                   |                    |

### 2.2.5 Kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí bán hàng tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai bao gồm các chi phí về tiền lương nhân viên bán hàng, chi phí giao nhận hàng, chi phí bốc vác hàng hóa, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng,...

Chi phí quản lý doanh nghiệp tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai bao gồm các chi phí về tiền lương nhân viên bộ phận QLDN, chi phí đồ dùng văn phòng, chi công tác, chi tiếp khách, chi phí dịch vụ mua ngoài (tiền điện, nước,...),...

#### 2.2.5.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01GTKT-3LL), Phiếu chi (Mẫu số 02-TT), giấy báo Nợ, Giấy đề nghị tạm ứng (Mẫu số 03- TT), giấy đề nghị thanh toán.
- Bảng tính khấu hao TSCĐ.
- Bảng danh sách lương đóng bảo hiểm.
- Các chứng từ khác có liên quan.

#### 2.2.5.2 Tài khoản sử dụng

- TK641: Chi phí bán hàng
- TK642: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Công ty không mở tài khoản cấp 2 để theo dõi cho từng đối tượng cụ thể trong chi phí bán hàng và chi phí QLDN.

#### 2.2.5.3 Quy trình hạch toán

Hàng ngày căn cứ vào chứng từ gốc để vào báo cáo quỹ tiền mặt hoặc bảng kê chi tiết tiền gửi ngân hàng, các bảng kê chi tiết có liên quan.

Cuối tháng, dựa trên các bảng kê có liên quan kể trên, kế toán tiến hành ghi vào các Nhật ký chứng từ tương ứng với các bảng kê đó, rồi từ đó vào Nhật ký chứng từ chung (theo dõi chung cho các tài khoản 632, 635, 641, 642) (cần tiến hành kết chuyển sang TK 911 sau khi đã xác định hết các khoản chi phí của từng khoản chi phí kể trên).

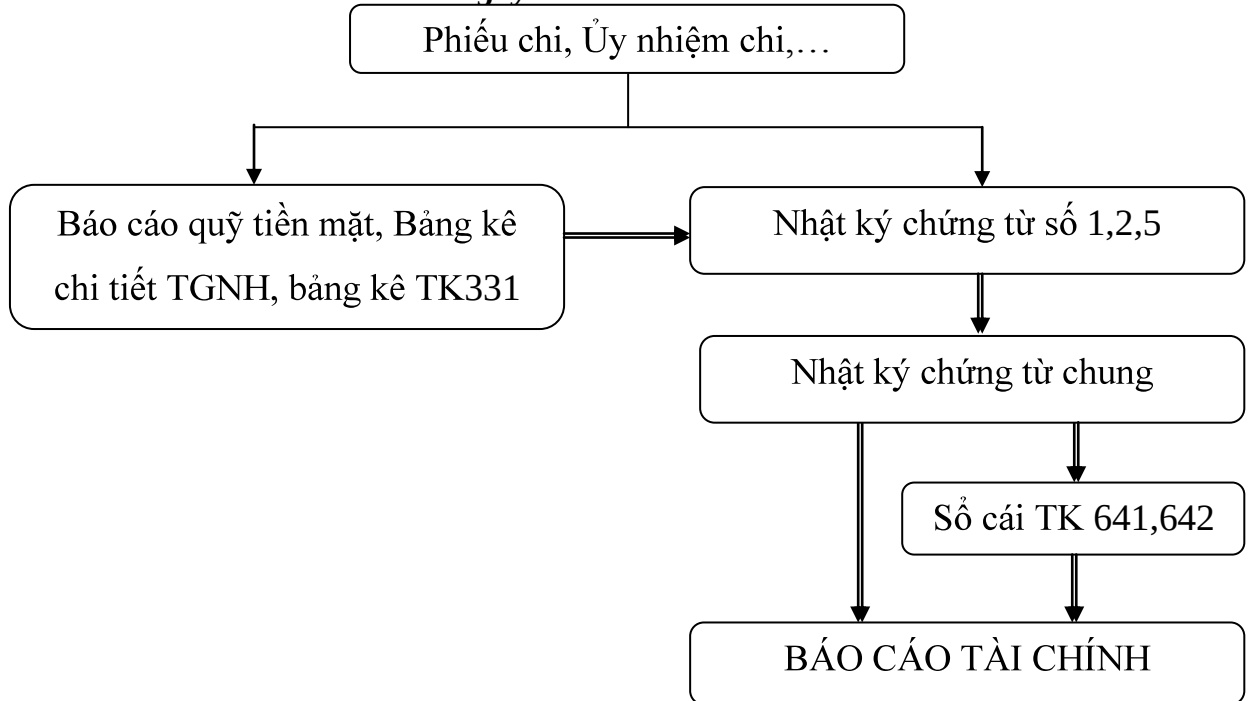
Sau đó, kế toán tổng hợp số liệu từ Nhật ký chứng từ chung để vào sổ cái.

Cuối kỳ hạch toán, căn cứ vào sổ cái hoặc Nhật ký chứng từ chung, kế toán lên các báo cáo tài chính.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

*Sơ đồ quy trình hạch toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tại*

**Công ty CP TM Minh Khai.**



**Ghi chú:**

————→ Ghi hàng ngày

====> Ghi định kỳ

## 2.2.5.4 Ví dụ minh họa

**VD 6:** Ngày 2/11/2012 chi tiền tiếp khách.

- Căn cứ vào hóa đơn giá trị gia tăng(liên 2) (Biểu 2.33) mà người chi tiền đưa cho kế toán viết phiếu chi (Biểu 2.35).
- Dựa trên phiếu chi, kế toán tiến hành ghi chép vào báo cáo quỹ tiền mặt(biểu 2.37 )

**VD 7:** Ngày 2/11/2012 chi tiền giao nhận gạo.

- Căn cứ vào giấy đề nghị thanh toán (Biểu 2.34) đã được ký duyệt, kế toán tiến hành viết phiếu chi (Biểu 2.36), sau đó ghi vào báo cáo quỹ tiền mặt(Biểu 2.37 Đã minh họa ở trên).

➡ Cuối tháng, căn cứ vào các báo cáo quỹ tiền mặt trong tháng để vào NKCT số 1 (Biểu 2.38). Sau đó, trên số liệu đã được tổng hợp ở NKCT số 1,kế toán tiến hành ghi vào Nhật ký chứng từ chung (Biểu 2.39). Từ Nhật ký chứng từ chung,kế toán vào sổ cái TK 641(Biểu 2.40), TK642 (Biểu 2.41).Cuối kỳ hạch toán , dựa trên sổ cái đã hạch toán,rồi từ đó lên các báo cáo tài chính.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.33 – Hóa đơn GTGT số 4133

| HÓA ĐƠN                                                                                                                                                                                 |                 | Mẫu số:01GTKT3/001                    |          |                                      |            |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------|----------|--------------------------------------|------------|---|---|---|---|---|---|---|---|--|--|--|--|
| GIÁ TRỊ GIA TĂNG                                                                                                                                                                        |                 | Ký hiệu :AA/11P                       |          |                                      |            |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Liên 2: Giao cho khách hàng                                                                                                                                                             |                 | Số HĐ: 0004133                        |          |                                      |            |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Ngày 02/11/2012                                                                                                                                                                         |                 |                                       |          |                                      |            |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN VŨ LẬP.</b>                                                                                                                                         |                 |                                       |          |                                      |            |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Mã số thuế: <table border="1"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>7</td><td>5</td><td>1</td><td>2</td><td>3</td><td>6</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> |                 |                                       |          | 0                                    | 2          | 0 | 0 | 7 | 5 | 1 | 2 | 3 | 6 |  |  |  |  |
| 0                                                                                                                                                                                       | 2               | 0                                     | 0        | 7                                    | 5          | 1 | 2 | 3 | 6 |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Địa chỉ: <b>Số 15/7 đường Ngô Quyền, phường Máy Chai, quận Ngô Quyền,TP Hải Phòng.</b>                                                                                                  |                 |                                       |          |                                      |            |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| ĐT: <b>0313.758812</b>                                                                                                                                                                  |                 |                                       |          |                                      |            |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Số tài khoản: <b>10201 0000 779339- Ngân hàng Công Thương Ngô Quyền - HP</b>                                                                                                            |                 |                                       |          |                                      |            |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Họ tên người mua hàng:                                                                                                                                                                  |                 |                                       |          |                                      |            |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Đơn vị: <b>CTY CP TM MINH KHAI</b>                                                                                                                                                      |                 |                                       |          |                                      |            |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Mã số thuế: <table border="1"><tr><td>0</td><td>2</td><td>0</td><td>0</td><td>5</td><td>8</td><td>9</td><td>6</td><td>7</td><td>7</td><td></td><td></td><td></td><td></td></tr></table> |                 |                                       |          | 0                                    | 2          | 0 | 0 | 5 | 8 | 9 | 6 | 7 | 7 |  |  |  |  |
| 0                                                                                                                                                                                       | 2               | 0                                     | 0        | 5                                    | 8          | 9 | 6 | 7 | 7 |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Địa chỉ: <b>số 23 đường Minh Khai, quận Hồng Bàng,TP Hải Phòng.</b>                                                                                                                     |                 |                                       |          |                                      |            |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Hình thức thanh toán: <b>Tiền mặt</b>                                                                                                                                                   |                 |                                       |          |                                      |            |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| STT                                                                                                                                                                                     | TÊN HH, DỊCH VỤ | ĐV TÍNH                               | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ                              | THÀNH TIỀN |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| A                                                                                                                                                                                       | B               | C                                     | 1        | 2                                    | 3=1x2      |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| 1                                                                                                                                                                                       | Tiếp khách      |                                       |          |                                      | 2,959,000  |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
|                                                                                                                                                                                         |                 |                                       |          |                                      |            |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
|                                                                                                                                                                                         |                 |                                       |          |                                      |            |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Cộng tiền hàng:                                                                                                                                                                         |                 |                                       |          |                                      | 2,959,000  |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Thuế suất GTGT: 10%                                                                                                                                                                     |                 |                                       |          | Tiền thuế GTGT:                      | 295,900    |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Tổng cộng tiền thanh toán:                                                                                                                                                              |                 |                                       |          |                                      | 3,254,900  |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| Số tiền viết bằng chữ: Ba triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn chín trăm đồng./.                                                                                                            |                 |                                       |          |                                      |            |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |
| <b>Người mua hàng</b><br>(ký, họ tên)                                                                                                                                                   |                 | <b>Người bán hàng</b><br>(ký, họ tên) |          | <b>Thủ trưởng ĐV</b><br>(ký, họ tên) |            |   |   |   |   |   |   |   |   |  |  |  |  |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.34– Giấy đề nghị thanh toán

**CÔNG TY CPTM MINH KHAI**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Đơn vị:**      **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc.**

### **GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN**

Tên tôi là: **Nguyễn Thị Hòa.**

Bộ phận công tác: **Phòng Kinh Doanh.**

Công việc: **Giao gạo dự trữ kho Thanh Oai.**

|                                         |                |
|-----------------------------------------|----------------|
| 1. Ngày 29/10/2012                      |                |
| - Ô tô Hải Phòng- Hà Nội.               | 70,000         |
| - Xe ôm bến xe Lương Yên- Kho Thanh Oai | 50,000         |
| - Công tác phí.                         | 60,000         |
| 2. Ngày 30/10/2012                      |                |
| - Công tác phí                          | 60,000         |
| - Áp tải xe qua đêm                     | 60,000         |
| 3. Ngày 31/10/2012                      |                |
| - Công tác phí                          | 60,000         |
| - Xe ôm Mê Linh-Bến xe Lương Yên.       | 120,000        |
| - Ô tô Hà Nội- Hải Phòng.               | 70,000         |
| 4. Ngày 1/11/2012                       |                |
| - Công tác phí                          | 60,000         |
| - Xe ô tô Hải Phòng- Hà Nội.            | 70,000         |
| - Xe ôm Bến xe Lương Yên- Mê Linh.      | 120,000        |
| <b>Tổng số tiền:</b>                    | <b>800,000</b> |

Bằng chữ: **Tám trăm ngàn đồng chẵn./.**

Đề nghị lãnh đạo công ty duyệt cho thanh tiền toán số tiền trên.

**Giám đốc duyệt**

**Kế toán trưởng**

**Lãnh đạo phòng**

**Người đề nghị**



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.35 – Phiếu chi số 02/11

|                                                                                                 |                           |                              |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------|
| Đơn vị: CÔNG TY CPTM                                                                            | <b>PHIẾU CHI</b> Số 02/11 | Mẫu số 02 – TT               |
| MINH KHAI                                                                                       | Ngày 2 tháng 11 năm 2012  | (Ban hành theo QĐ số         |
| Địa chỉ: Số 23 - Minh khai                                                                      | Nợ 642                    | 15/2006/QĐ-BTC ngày          |
|                                                                                                 | Nợ 133                    | 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC) |
|                                                                                                 | Có 1111                   |                              |
| Họ và tên người nhận tiền: <b>Nguyễn Văn Hòa.</b>                                               |                           |                              |
| Địa chỉ: <b>Phòng hành chính</b>                                                                |                           |                              |
| Lí do chi: <b>Chi phí tiếp khách</b>                                                            |                           |                              |
| Số tiền: 3,254,900 (viết bằng chữ) <b>Ba triệu hai trăm năm mươi bốn ngàn chín trăm đồng./.</b> |                           |                              |
| Kèm theo <b>01</b> chứng từ gốc.                                                                |                           |                              |
| Đã nhận đủ tiền <b>3,254,900</b>                                                                |                           |                              |
| Ngày 2 tháng 11 năm 2012                                                                        |                           |                              |
| Thủ trưởng đơn vị                                                                               | Kế toán trưởng            | Người lập phiếu              |
| Thủ quỹ                                                                                         | Người nhận tiền           |                              |

## Biểu 2.36 – Phiếu chi số 03/11

|                                                                           |                           |                              |
|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------|------------------------------|
| Đơn vị: CÔNG TY CPTM                                                      | <b>PHIẾU CHI</b> Số 03/11 | Mẫu số 02 – TT               |
| MINH KHAI                                                                 | Ngày 2 tháng 11 năm 2012  | (Ban hành theo QĐ số         |
| Địa chỉ: Số 23 - Minh khai                                                | Nợ 641                    | 15/2006/QĐ-BTC ngày          |
|                                                                           | Có 1111                   | 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC) |
| Họ và tên người nhận tiền: <b>Nguyễn Thị Hòa</b>                          |                           |                              |
| Địa chỉ: <b>Phòng Kinh Doanh.</b>                                         |                           |                              |
| Lí do chi: <b>Chi phí giao nhận gạo.</b>                                  |                           |                              |
| Số tiền: <b>800,000</b> (viết bằng chữ) <b>Tám trăm ngàn đồng chẵn./.</b> |                           |                              |
| Kèm theo <b>01</b> chứng từ gốc.                                          |                           |                              |
| Đã nhận đủ tiền <b>800,000 đ .</b>                                        |                           |                              |
| Ngày 2 tháng 11 năm 2012                                                  |                           |                              |
| Thủ trưởng đơn vị                                                         | Kế toán trưởng            | Người lập phiếu              |
| Thủ quỹ                                                                   | Người nhận tiền           |                              |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

*Biểu 2.37 – Báo cáo quỹ tiền mặt*

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

## BÁO CÁO QUỸ TIỀN MẶT

Từ ngày 1/11- 2/11/2012

| Chứng từ |      | Diễn giải             | Số tiền            | PHẦN THU: GHI NỢ TK 1111 GHI CÓ CÁC TK KHÁC |                   |                  |                  |                    |                   |
|----------|------|-----------------------|--------------------|---------------------------------------------|-------------------|------------------|------------------|--------------------|-------------------|
| Số       | Ngày |                       |                    | 136                                         | 3382              | 141              | 5111             | 3331               |                   |
| 1/11     | 2    | Nộp trả tiền vay      | 127,550,000        | 127,550,000                                 |                   |                  |                  |                    |                   |
| 2/11     | 2    | Nộp hoàn ứng          | 600,000            |                                             |                   | 600,000          |                  |                    |                   |
|          |      |                       |                    |                                             |                   |                  |                  |                    |                   |
|          |      | <b>Cộng thu</b>       | <b>128,150,000</b> | <b>127,550,000</b>                          |                   | <b>600,000</b>   |                  |                    |                   |
| Chứng từ |      | Diễn giải             | Số tiền            | PHẦN CHI: GHI CÓ 1111, GHI NỢ CÁC TK KHÁC   |                   |                  |                  |                    |                   |
| Số       | Ngày |                       |                    | 641                                         | 331               | 133              | 642              | 112                | 141               |
| 1/11     | 1    | Nộp tiền ngân hàng    | 200,000,000        |                                             |                   |                  |                  | 200,000,000        |                   |
| 2/11     | 2    | Chi tiếp khách        | 3,254,900          |                                             |                   | 295,900          | 2,959,000        |                    |                   |
| 3/11     | 2    | Chi phí giao nhận gạo | 800,000            | 800,000                                     |                   |                  |                  |                    |                   |
| 4/11     | 2    | T/ứng đặt cọc dự thầu | 30,000,000         |                                             |                   |                  |                  |                    | 30,000,000        |
| 5/11     | 2    | Chi phí công tác      | 3,289,000          |                                             |                   | 279,500          | 3,009,500        |                    |                   |
| 6/11     | 2    | Chi diệt môi          | 6,000,000          | 5,545,545                                   |                   | 545,545          |                  |                    |                   |
| ....     | ..   | .....                 | .....              | .....                                       | .....             | .....            | .....            | .....              | -                 |
|          |      | <b>Cộng chi</b>       | <b>266,559,732</b> | <b>10,534,545</b>                           | <b>17,540,769</b> | <b>1,539,781</b> | <b>6,944,637</b> | <b>200,000,000</b> | <b>30,000,000</b> |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.38 – Nhật ký chứng từ số 1

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

### NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 1

Tháng 11 năm 2012

Số dư ĐK                      8,636,887,956

| BC quỹ      | GHI NỢ TK 1111-GHI CÓ CÁC TK |                      |                    |                    |                    |                    |                      |                    |            |                       |
|-------------|------------------------------|----------------------|--------------------|--------------------|--------------------|--------------------|----------------------|--------------------|------------|-----------------------|
|             | 131                          | 136                  | 141                | 112                | 3331               | 3382               | 5111                 | 344                | ...        | Cộng Nợ               |
| BCQ từ 1-2  |                              | 127,550,000          | 600,000            |                    |                    |                    |                      |                    |            | 128,150,000           |
| BCQ từ 3-5  |                              | 192,600,000          | 30,405,000         |                    | 4,538,727          | 2,107,000          | 45,387,273           |                    |            | 275,038,000           |
| ...         |                              |                      |                    |                    |                    |                    |                      |                    |            | ....                  |
| <b>Cộng</b> | <b>57,171,979</b>            | <b>2,106,592,324</b> | <b>95,739,000</b>  | <b>410,000,000</b> | <b>390,249,092</b> | <b>2,326,007</b>   | <b>4,077,597,368</b> | <b>0</b>           | <b>...</b> | <b>7,175,731,289</b>  |
| BC quỹ      | GHI CÓ TK 1111-GHI NỢ CÁC TK |                      |                    |                    |                    |                    |                      |                    |            |                       |
|             | 1121                         | 133                  | 141                | 1562               | 642                | 334                | 331A                 | 641                | ...        | Cộng Có               |
| BCQ từ 1-2  | 200,000,000                  | 1,539,781            | 30,000,000         |                    | <b>6,944,637</b>   |                    | 17,540,769           | <b>10,534,545</b>  |            | <b>266,559,732</b>    |
| BCQ từ 3-5  | 1,247,500,000                | 114,182              | 12,000,000         |                    | 1,494,000          |                    |                      | 5,861,818          |            | 1,285,203,772         |
| ...         |                              |                      |                    |                    |                    |                    |                      |                    |            |                       |
| <b>Cộng</b> | <b>7,168,624,000</b>         | <b>18,329,945</b>    | <b>363,200,000</b> | <b>5,949,301</b>   | <b>89,530,705</b>  | <b>216,957,874</b> | <b>181,296,455</b>   | <b>210,367,588</b> | <b>...</b> | <b>11,806,843,468</b> |

Số dư CK                      4,005,775,777

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**Biểu 2.39 – Nhật ký chứng từ chung (Phần ghi cho các TK635, 641, 642)**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI**

## NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

**Tháng 11 năm 2012**

| TK đối ứng |      | TK 635      |             | TK đối ứng |      | TK 641      |             | TK đối ứng |      | TK 642      |             |
|------------|------|-------------|-------------|------------|------|-------------|-------------|------------|------|-------------|-------------|
| Nợ         | Có   | Dư đầu kỳ:  |             | Nợ         | Có   | Dư đầu kỳ:  |             | Nợ         | Có   | Dư đầu kỳ:  |             |
|            |      | P/S Nợ      | P/S Có      |            |      | P/S Nợ      | P/S Có      |            |      | P/S Nợ      | P/S Có      |
|            | 1121 | 463,386,773 |             |            | 1111 | 210,367,588 |             |            | 1111 | 89,530,705  |             |
|            | 1122 | 24,889,767  |             |            | 1121 | 147,934,509 |             |            | 2141 | 50,000,000  |             |
|            | 335  | 7,000,000   |             |            | 1122 | 104,140     |             |            | 334  | 72,319,291  |             |
| 136        |      |             | 9,979,082   |            | 1388 | 78,000,000  |             |            | 3383 | 6,509,300   |             |
| 911        |      |             | 485,297,458 |            | 2141 | 70,000,000  |             |            | 3384 | 1,148,700   |             |
|            |      |             |             |            | ...  |             |             |            | 3389 | 382,900     |             |
|            |      |             |             | 1111       |      |             | 282,600     |            | ...  |             |             |
|            |      |             |             | 911        |      |             | 698,338,728 | 911        |      |             | 268,368,282 |
| Cộng:      |      | 495,276,540 | 495,276,540 | Cộng:      |      | 698,621,328 | 698,621,328 | Cộng:      |      | 268,368,282 | 268,368,282 |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.40 – Sổ cái Tài khoản 642

**Đơn vị:**CÔNG TY CPTM MINH KHAI

**Mẫu số** S05-DN

**Địa chỉ:** Số 23 - Minh khai

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

**SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức Nhật ký- Chứng từ)

**Tài khoản: 642-Chi phí quản lý doanh nghiệp.**

**Năm 2012**

| Số dư đầu năm |    |
|---------------|----|
| Nợ            | Có |
|               |    |

| Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này | T1           | ... | T10                | T11                | T12                | Cộng                 |
|------------------------------------------|--------------|-----|--------------------|--------------------|--------------------|----------------------|
| TK 1111                                  | .....        |     | 131,199,143        | <b>89,530,705</b>  | 138,521,504        | 1,543,230,654        |
| TK 1121                                  | .....        |     | 15,000,000         |                    | 20,000,000         | 277,025,121          |
| TK 2141                                  | .....        |     | 50,000,000         | 50,000,000         | 44,921,665         | 444,921,665          |
| .....                                    | .....        |     | .....              | .....              | .....              | .....                |
| <b>Cộng phát sinh Nợ</b>                 | <b>.....</b> |     | <b>286,051,444</b> | <b>268,368,282</b> | <b>498,618,176</b> | <b>3,680,001,573</b> |
| <b>Cộng phát sinh Có</b>                 | <b>.....</b> |     | <b>286,051,444</b> | <b>268,368,282</b> | <b>498,618,176</b> | <b>3,680,001,573</b> |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.41– Sổ cái Tài khoản 641

Đơn vị: CÔNG TY CPTM MINH KHAI

Mẫu số S05-DN

Địa chỉ: Số 23 - Minh khai

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

### **SỔ CÁI**(Dùng cho hình thức Nhật ký- Chứng từ)

**Tài khoản: 641-Chi phí bán hàng.**

**Năm 2012**

| Số dư đầu năm |    |
|---------------|----|
| Nợ            | Có |
|               |    |

| Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này | T1    | ... | T10                | T11                | T12                  | Cộng                  |
|------------------------------------------|-------|-----|--------------------|--------------------|----------------------|-----------------------|
| TK 1111                                  | ..... |     | 225,619,327        | <b>210,367,588</b> | 300,499,467          | 2,991,951,835         |
| TK 1121                                  | ..... |     | 115,144,589        | 147,934,509        | 386,339,111          | 2,406,096,014         |
| TK 1122                                  | ..... |     | 2,291,080          | 104,140            | 433,223              | 14,752,288            |
| .....                                    | ..... |     | .....              | .....              | .....                | .....                 |
| <b>Cộng phát sinh Nợ</b>                 | ..... |     | <b>586,554,327</b> | <b>698,621,328</b> | <b>1,537,196,310</b> | <b>10,959,875,070</b> |
| <b>Cộng phát sinh Có</b>                 | ..... |     | <b>586,554,327</b> | <b>698,621,328</b> | <b>1,537,196,310</b> | <b>10,959,875,070</b> |

## 2.2.6 Kế toán thu nhập khác

Thu nhập khác tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai bao gồm việc doanh nghiệp được nhà cung cấp cho hưởng khuyến mại bằng sản phẩm, hoặc thu từ tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng mua bán,...

### 2.2.6.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, phiếu nhập kho
- Phiếu thu.
- Các chứng từ khác có liên quan

### 2.2.6.2 Tài khoản sử dụng

- TK711: Thu nhập khác

### 2.2.6.3 Quy trình hạch toán

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ liên quan đến khoản thu nhập khác phát sinh trong doanh nghiệp, kế toán vào bảng kê kho hàng KD hoặc sổ chi tiết TK331. Cuối tháng, kế toán dựa trên các bảng kê, sổ chi tiết nói trên để vào nhật ký chứng từ chung. Cuối kỳ hạch toán, dựa trên sổ cái hoặc NKCT chung đã hạch toán, kế toán tiến hành lên các báo cáo tài chính.

### 2.2.6.4 Ví dụ minh họa

**VD 8:** Ngày 20/11/2012 công ty nhập kho số hàng được công ty cao su INOUE cho hưởng khuyến mãi bằng sản phẩm.

- Căn cứ vào Hóa đơn giá trị gia tăng (Biểu 2.42) và Phiếu nhập kho (Biểu 2.43), kế toán tiến hành ghi chép vào Bảng kê kho hàng (Biểu 2.44).
- Dựa trên Bảng kê kho hàng, kế toán vào Nhật ký chứng từ chung (Biểu 2.45), từ đó vào Sổ cái TK 711 (Biểu 2.46) .
- Cuối kỳ hạch toán, kế toán dựa trên Sổ cái hoặc Nhật ký chứng từ để lên các Báo cáo tài chính.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.42 – Hóa đơn GTGT số 11979

|                                                                                  |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
|----------------------------------------------------------------------------------|--------------------|-------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|-----------------------|-------------------|
| <b>Công ty TNHH cao su INOUE Việt Nam</b>                                        |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>INOUE Rubber Vietnam Co.,LTD.</b>                                             |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>Địa chỉ: Xã Thanh Lâm, Huyện Mê Linh, TP Hà Nội</b>                           |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>ĐT:84-04-381 65140/1/2 Fax:84-04-381 65144</b>                                |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>Mã số thuế: 2500150631</b>                                                    |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>INV0011979</b>                                                                |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>Mẫu số:01GTTK5/001</b>                                                        |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>KH:CT/12P</b>                                                                 |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>Số: 0011979</b>                                                               |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>Ngày 13/11/2012</b>                                                           |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b>                                                  |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>(Liên 2: Giao cho người mua)</b>                                              |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>Khách hàng:Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai Mã số thuế: 0200585677</b>    |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>Địa chỉ: Số 23 Minh Khai, P.Hoàng Văn Thụ,Q.Hồng Bàng, TP Hải Phòng</b>       |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>Giao hàng tại: Số 23 Minh Khai, P.Hoàng Văn Thụ, Q.Hồng Bàng,TP Hải Phòng</b> |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>Mã khách hàng: 131186</b>                                                     |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>Hình thức thanh toán: Không thu tiền</b>                                      |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>ĐT: 031.842 346 Fax: 031.842 438 Hạn thanh toán:</b>                          |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>Người bán: Do Duc Ha</b>                                                      |                    | <b>ĐD hàng số:35333</b> |                                | <b>Phiếu XHàng số:</b>              |                       | <b>Mã</b>         |
|                                                                                  |                    |                         |                                | <b>AA # 013094</b>                  |                       | <b>phòng:80</b>   |
| <b>TT</b>                                                                        | <b>Mã sản phẩm</b> | <b>Tên hàng hóa</b>     | <b>ĐVTính</b>                  | <b>SL</b>                           | <b>Đơn giá</b>        | <b>Thành tiền</b> |
| 1                                                                                | TYM-M1015-REP11    | 250-17 4PR 38L NR30     | PCS                            | 99                                  | -                     | -                 |
| 2                                                                                | TYM-M1043-REP11    | 70/100-17 40P NR69      | PCS                            | 1                                   | -                     | -                 |
| 3                                                                                | TYM-M1044-REP11    | 80/90 -17 50P NR69      | PCS                            | 98                                  | -                     | -                 |
|                                                                                  |                    |                         |                                |                                     |                       |                   |
| <b>Ghi chú:</b><br><b>Hàng khuyến mại tháng 10/2012 không thu tiền</b>           |                    |                         | <b>Cộng tiền hàng:</b>         |                                     |                       | -                 |
|                                                                                  |                    |                         | <b>Số tiền chiết khấu:</b>     |                                     |                       | -                 |
|                                                                                  |                    |                         | <b>Giá trị sau chiết khấu:</b> |                                     |                       | -                 |
|                                                                                  |                    |                         | <b>Thuế suất GTGT (%)</b>      | -                                   | <b>Tiền thuế GTGT</b> | -                 |
| <b>Số tiền bằng chữ:</b>                                                         |                    |                         |                                | <b>Tổng tiền thanh toán</b>         |                       | -                 |
|                                                                                  |                    |                         |                                | <b>→</b>                            |                       |                   |
| <b>Người mua hàng</b>                                                            |                    | <b>Người bán hàng</b>   |                                | <b>Xuất tại kho: kho Thuận Hưng</b> |                       |                   |



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Biểu 2.43 – Phiếu nhập kho

|                                                                                                               |                                    |                                                                       |                     |            |                   |            |               |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------|------------|-------------------|------------|---------------|
| Đơn vị:                                                                                                       | <b>PHIẾU NHẬP KHO</b>              | <b>SỐ 04/11</b>                                                       |                     |            |                   |            |               |
| Bộ                                                                                                            | Ngày 14/11/2012                    | <b>Mẫu số 01 –VT</b>                                                  |                     |            |                   |            |               |
| phận:                                                                                                         |                                    | (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC) |                     |            |                   |            |               |
| Nhận của: <b>Công ty cao su INOUE</b>                                                                         |                                    |                                                                       |                     |            |                   |            |               |
| Theo số: <b>HĐ 11979</b> ngày 13 tháng 11 năm 2012                                                            |                                    |                                                                       |                     |            |                   |            |               |
| Biên bản kiểm nghiệm số:            ngày...tháng...năm...                                                     |                                    |                                                                       |                     |            |                   |            |               |
| T<br>T                                                                                                        | Tên nhãn hiệu quy cách<br>hàng hóa | Đơn<br>vị tính                                                        | Số<br>lượng<br>hàng | Giá<br>mua | Thành tiền        | Giá<br>bán | Thành<br>tiền |
| 1                                                                                                             | Lốp 250- 17 NR30                   | Chiếc                                                                 | 99                  | 156,000    | 15,444,000        |            |               |
| 2                                                                                                             | Lốp 70/100-17 NR69                 | Chiếc                                                                 | 1                   | 182,000    | 182,000           |            |               |
| 3                                                                                                             | Lốp 80/90-17 NR69                  | Chiếc                                                                 | 98                  | 227,000    | 22,246,000        |            |               |
|                                                                                                               |                                    |                                                                       |                     |            |                   |            |               |
|                                                                                                               | <b>Cộng thành tiền</b>             |                                                                       |                     |            | <b>37,872,000</b> |            |               |
| Cộng thành tiền (Bằng chữ): <b>Ba mươi bảy triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng./.</b>                       |                                    |                                                                       |                     |            |                   |            |               |
| Thủ trưởng ĐV            PT cung tiêu            Người giao hàng            Thủ kho            Kế toán trưởng |                                    |                                                                       |                     |            |                   |            |               |

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

## BẢNG KÊ KHO HÀNG KINH DOANH

Tháng 11 năm 2012

| Tên kho     | Số dư ĐK             | Nhập trong kỳ     |           |                      |           | Cộng Nợ              | Xuất trong kỳ        |           |           |           |           | Cộng Có              | Dư cuối kỳ           |
|-------------|----------------------|-------------------|-----------|----------------------|-----------|----------------------|----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|----------------------|----------------------|
|             |                      | TK711             | TK<br>154 | TK331A               | TK<br>136 |                      | TK136QCTy            | TK<br>641 | TK<br>642 | TK<br>331 | TK<br>632 |                      |                      |
| Kim Khí     | 2,301,554,915        | <b>37,872,000</b> |           | 3,014,991,520        |           | 3,052,863,520        | 3,245,838,842        |           |           |           |           | 3,245,838,842        | 2,108,579,593        |
| Bách<br>Hóa | 1,184,934,778        | 9,291,481         |           | 760,517,202          |           | 769,808,683          | 893,095,469          |           |           |           |           | 893,095,469          | 1,061,647,992        |
| LiLaMa      | 804,545              | 117,013           |           | 266,537,001          |           | 266,654,014          | 266,654,014          |           |           |           |           | 266,654,014          | 804,545              |
| <b>Cộng</b> | <b>3,487,294,238</b> | <b>47,298,382</b> | <b>0</b>  | <b>4,042,027,835</b> | <b>0</b>  | <b>4,089,326,217</b> | <b>4,405,588,325</b> |           |           |           |           | <b>4,405,588,325</b> | <b>3,171,032,130</b> |

Ghi chú: Nhập TK 711 của INOUE, Rạng đông và các hàng hóa khác.

**Biểu 2.44 – Bảng kê kho hàng kinh doanh**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

## NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG.

Tháng 11 năm 2012

| TK đối ứng     |      | TK 353                 |                    | TK đối ứng            |     | TK 711            |                   |
|----------------|------|------------------------|--------------------|-----------------------|-----|-------------------|-------------------|
| Nợ             | Có   | Dư đầu kỳ: 381,438,152 |                    | Nợ                    | Có  | Dư đầu kỳ:        |                   |
|                |      | P/S Nợ                 | P/S Có             |                       |     | P/S Nợ            | P/S Có            |
| 421            |      |                        |                    | 1111                  |     |                   |                   |
| 112            |      |                        |                    | 1121                  |     |                   |                   |
|                | 1111 |                        |                    | 1561                  |     |                   | 47,298,382        |
|                |      |                        |                    | 331                   |     |                   | 2,952,061         |
|                |      |                        |                    |                       | 911 | 50,250,443        |                   |
|                |      |                        |                    |                       |     |                   |                   |
| <b>Cộng PS</b> |      | <b>0</b>               | <b>0</b>           | <b>Cộng phát sinh</b> |     | <b>50,250,443</b> | <b>50,250,443</b> |
| <b>Dư cuối</b> |      |                        | <b>381,438,152</b> | <b>Dư cuối</b>        |     |                   |                   |

**Biểu 2.45 – Nhật ký chứng từ chung (phần ghi cho các TK711, 353)**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: CÔNG TY CPTM MINH KHAI

Mẫu số S05-DN

Địa chỉ: Số 23 - Minh khai

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI (Dùng cho hình thức Nhật ký- Chứng từ)

Tài khoản: 711 – Doanh thu khác

Năm 2012

| Số dư đầu năm |    |
|---------------|----|
| Nợ            | Có |
|               |    |

| Ghi có các TK đối ứng, ghi nợ với TK này | T1  | ... | T10        | T11        | T12         | Cộng        |
|------------------------------------------|-----|-----|------------|------------|-------------|-------------|
| TK 911                                   | ... |     | 75,237,884 | 50,250,443 | 353,986,638 | 945,994,401 |
| Cộng phát sinh Nợ                        | ... |     | 75,237,884 | 50,250,443 | 353,986,638 | 945,994,401 |
| Cộng phát sinh Có                        | ... |     | 75,237,884 | 50,250,443 | 353,986,638 | 945,994,401 |
| SDCT {<br>Nợ<br>Có                       |     |     |            |            |             |             |
|                                          |     |     |            |            |             |             |

**Biểu 2.46 – Sổ cái Tài khoản 711**

## 2.2.7 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

### 2.2.7.1 Chứng từ sử dụng

Tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai, sau khi đã tổng hợp các số liệu từ các bảng kê hoặc sổ chi tiết kế toán lên các Nhật ký chứng từ chung (theo dõi cho các TK đầu 5,6,7), kế toán sẽ hạch toán luôn các bút toán kết chuyển vào Nhật ký chứng từ chung (là Nhật ký theo dõi chung cho TK 821,421,911).

### 2.2.7.2 Tài khoản sử dụng

- TK911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
- TK421: Lợi nhuận chưa phân phối

### 2.2.7.3 Quy trình hạch toán

- Cuối tháng, kế toán căn cứ vào số liệu trên Nhật ký chứng từ chung, phần ghi cho các tài khoản, cụ thể:

- Phần ghi cho các TK5111,5113,512,515 (Biểu 2.47);
- Phần ghi cho các TK632, 635, 641, 642 (Biểu 2.48);
- Phần ghi cho các TK711, 353 (Biểu 2.49).

Trên cơ sở trên, kế toán tiến hành hạch toán và ghi chép vào Nhật ký chứng từ chung (Phần ghi cho các TK821,421,911) (Biểu 2.50), từ đó vào các Sổ cái:

- Sổ cái TK 911 (Biểu 2.51);
- Sổ cái TK421;
- Sổ cái TK821.

- Cuối kỳ hạch toán, kế toán dựa trên Sổ cái hoặc Nhật ký chứng từ để lên các Báo cáo tài chính.

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Biểu 2.52);
- Bảng cân đối kế toán;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

## NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

Tháng 11 năm 2012

| TK đối ứng   |     | TK 5111-Dthu bán hàng |                | TK đối ứng   |     | TK 5121-Dthu nội bộ |           | TK đối ứng   |    | TK 5113DV |    | TK đối ứng  |     | TK 515    |           |
|--------------|-----|-----------------------|----------------|--------------|-----|---------------------|-----------|--------------|----|-----------|----|-------------|-----|-----------|-----------|
| Nợ           | Có  | Dư đầu kỳ:            |                | Nợ           | Có  | Dư đầu kỳ:          |           | Nợ           | Có | Dư ĐK:    |    | N           | C   | Dư ĐK     |           |
|              |     | P/S Nợ                | P/S Có         |              |     | P/S Nợ              | P/S Có    |              |    | Nợ        | Có |             |     | Nợ        | có        |
| 1111         |     |                       | 4,077,597,368  | 641          |     |                     | 5,057,933 |              |    |           |    | 1121        |     |           | 1,816,589 |
| 1121         |     |                       | 28,530,909     |              | 911 | 5,057,933           |           | 911          |    | 0         |    | 1122        |     |           | 3,063,239 |
| 131          |     |                       | 20,181,943,155 |              |     |                     |           |              |    |           |    |             | 911 | 4,879,828 |           |
|              | 911 | 24,288,071,432        |                |              |     |                     |           |              |    |           |    |             |     |           |           |
| <b>Cộng:</b> |     | 24,288,071,432        | 24,288,071,432 | <b>Cộng:</b> |     | 5,057,933           | 5,057,933 | <b>Cộng:</b> |    | 0         | 0  | <b>Cộng</b> |     | 4,879,828 | 4,879,828 |

**Biểu số 2.47 – Nhật ký chứng từ chung (phần ghi cho các TK5111,5113,512,515)**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

## NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

Tháng 11 năm 2012

| TK đối ứng   |      | TK 632         |                | TK đối ứng   |      | TK 635      |             | TK đối ứng   |      | TK 641      |             | TK đối ứng   |      | TK 642      |             |
|--------------|------|----------------|----------------|--------------|------|-------------|-------------|--------------|------|-------------|-------------|--------------|------|-------------|-------------|
| Nợ           | Có   | Dư đầu kỳ:     |                | Nợ           | Có   | Dư đầu kỳ:  |             | Nợ           | Có   | Dư ĐK:      |             | N            | C    | Dư ĐK       |             |
|              |      | P/S Nợ         | P/S Có         |              |      | P/S Nợ      | P/S Có      |              |      | Nợ          | Có          |              |      | Nợ          | Có          |
|              | 1561 | 21,395,260,547 |                |              | 1121 | 463,386,773 |             |              | 1111 | 210,367,588 |             |              | 1111 | 89,530,705  |             |
|              | 1562 | 521,733,356    |                |              | 1122 | 24,889,767  |             |              | 1121 | 147,934,509 |             |              | 2141 | 50,000,000  |             |
|              | 1111 |                |                |              | 335  | 7,000,000   |             |              | 1122 | 104,140     |             |              | 334  | 72,319,291  |             |
|              | 154  |                |                | 136          |      |             | 9,979,082   |              | 1388 | 78,000,000  |             |              | 3383 | 6,509,300   |             |
| 911          |      |                | 21,916,993,930 | 911          |      |             | 485,297,458 |              | 2141 | 70,000,000  |             |              | 3384 | 1,148,700   |             |
|              |      |                |                |              |      |             |             |              | ...  | .....       |             |              | 3389 | 382,900     |             |
|              |      |                |                |              |      |             |             | 1111         |      |             | 282,600     |              | ...  | .....       |             |
|              |      |                |                |              |      |             |             | 911          |      |             | 698,338,728 | 911          |      |             | 268,368,282 |
| <b>Cộng:</b> |      | 21,916,993,930 | 21,916,993,930 | <b>Cộng:</b> |      | 495,276,540 | 495,276,540 | <b>Cộng:</b> |      | 698,621,328 | 698,621,328 | <b>Cộng:</b> |      | 268,368,282 | 268,368,282 |

**Biểu số 2.48 – Nhật ký chứng từ chung (phần ghi cho các TK632,635,641,642)**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI

## NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG.

Tháng 11 năm 2012

| TK đối ứng |      | TK 353                 |             | TK đối ứng     |     | TK 711     |            |
|------------|------|------------------------|-------------|----------------|-----|------------|------------|
| Nợ         | Có   | Dư đầu kỳ: 381,438,152 |             | Nợ             | Có  | Dư đầu kỳ: |            |
|            |      | P/S Nợ                 | P/S Có      |                |     | P/S Nợ     | P/S Có     |
| 421        |      |                        |             | 1111           |     |            |            |
| 112        |      |                        |             | 1121           |     |            |            |
|            | 1111 |                        |             | 1561           |     |            | 47,298,382 |
|            |      |                        |             | 331            |     |            | 2,952,061  |
|            |      |                        |             |                | 911 | 50,250,443 |            |
|            |      |                        |             |                |     |            |            |
| Cộng PS    |      | 0                      | 0           | Cộng phát sinh |     | 50,250,443 | 50,250,443 |
| Dư cuối    |      |                        | 381,438,152 | Dư cuối        |     |            |            |

**Biểu 2.49 – Nhật ký chứng từ chung (phần ghi cho các TK711, 353)**



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## NHẬT KÝ CHỨNG TỪ CHUNG

Tháng 11 năm 2012

| TK ĐƯ          |      | TK 821     |          | TK ĐƯ          |     | TK 421               |                      | TK ĐƯ          |      | TK 911                |                       |
|----------------|------|------------|----------|----------------|-----|----------------------|----------------------|----------------|------|-----------------------|-----------------------|
| Nợ             | Có   | Dư đầu kỳ: |          | Nợ             | Có  | Dư đầu kỳ:           |                      | Nợ             | Có   | Dư đầu kỳ:            |                       |
|                |      | P/S Nợ     | P/S Có   |                |     | P/S Nợ               | P/S Có               |                |      | P/S Nợ                | P/S Có                |
|                | 3334 |            |          |                | 111 | 3,310,890,000        |                      | 5111           |      |                       | 24,288,071,432        |
| 911            |      |            |          | 911            |     |                      | 979,261,238          | 5121           |      |                       | 5,057,933             |
|                |      |            |          |                |     |                      |                      | 515            |      |                       | 4,879,828             |
|                |      |            |          |                |     |                      |                      | 711            |      |                       | 50,250,443            |
|                |      |            |          |                |     |                      |                      |                | 632  | 21,916,993,930        |                       |
|                |      |            |          |                |     |                      |                      |                | 635  | 485,297,458           |                       |
|                |      |            |          |                |     |                      |                      |                | 641  | 698,338,728           |                       |
|                |      |            |          |                |     |                      |                      |                | 642  | 268,368,282           |                       |
|                |      |            |          |                |     |                      |                      |                | 8211 |                       |                       |
|                |      |            |          |                |     |                      |                      |                | 421  | 979,261,238           |                       |
| <b>Cộng:</b>   |      | <b>0</b>   | <b>0</b> | <b>Cộng:</b>   |     | <b>3,310,890,000</b> | <b>979,261,238</b>   | <b>Cộng:</b>   |      | <b>24,348,259,636</b> | <b>24,348,259,636</b> |
| <b>Dư cuối</b> |      |            |          | <b>Dư cuối</b> |     |                      | <b>5,370,948,731</b> | <b>Dư cuối</b> |      |                       |                       |

**Biểu 2.50 – Nhật ký chứng từ chung (phần ghi cho các TK821,421,911)**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: CÔNG TY CPTM MINH KHAI

Mẫu số S05-DN

Địa chỉ: Số 23 - Minh khai

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006  
của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CÁI

(Dùng cho hình thức Nhật ký- Chứng từ)

Tài khoản: 911- Xác định kết quả kinh doanh.

Năm 2012

| Số dư đầu năm |    |
|---------------|----|
| Nợ            | Có |
|               |    |

| Ghi có các TK đối ứng,<br>ghi nợ với TK này | T1  | ... | T11            | T12            | Cộng            |
|---------------------------------------------|-----|-----|----------------|----------------|-----------------|
| TK 632                                      | ... |     | 21,916,993,930 | 19,736,466,620 | 255,536,825,428 |
| TK 635                                      | ... |     | 485,297,458    | -40,209,759    | 3.452,660,258   |
| TK 641                                      | ... |     | 698,338,728    | 1,537,192,511  | 9,806,659,751   |
| TK 642                                      | ... |     | 268,368,282    | 498,618,176    | 3,680,001,573   |
| TK 421                                      | ... |     | 979,261,238    | 207,646        | 8,682,046,377   |
| TK 8211                                     | ... |     |                | 1,519,358,116  | 1,519,358,116   |
| Cộng phát sinh Nợ                           | ... |     | 24,348,259,636 | 21,732,275,194 | 281,158,193,387 |
| Cộng phát sinh Có                           | ... |     | 24,348,259,636 | 21,732,275,194 | 281,158,193,387 |
| SDCT { Nợ<br>Có                             |     |     |                |                |                 |
|                                             |     |     |                |                |                 |

**Biểu 2.51: Sổ cái TK 911**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

CÔNG TY CPTM MINH KHAI

Mẫu số B02-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày  
20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2012

| Chỉ tiêu                                         | Mã số | Thuyết minh | Năm nay         | Năm trước       |
|--------------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| 1                                                | 2     | 3           | 4               | 5               |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ        | 01    | VI.25       | 279,984,493,395 | 230,553,772,243 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu                  | 02    | VI.26       | -               | -               |
| 3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ  | 10    | VI.27       | 279,984,493,395 | 230,553,772,243 |
| 4. Giá vốn hàng bán                              | 11    | VI.28       | 255,536,825,428 | 201,077,566,393 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20    |             | 24,447,667,967  | 29,476,205,850  |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính                 | 21    | VI.29       | 227,705,591     | 412,909,184     |
| 7. Chi phí tài chính                             | 22    | VI.30       | 3,452,660,258   | 5,704,899,458   |
| 8. Chi phí bán hàng                              | 24    |             | 9,806,659,751   | 9,052,338,725   |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp                  | 25    |             | 3,680,001,573   | 3,962,873,245   |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh      | 30    |             | 7,736,051,976   | 11,169,003,606  |
| 11. Thu nhập khác                                | 31    |             | 945,994,401     | 499,123,381     |
| 12. Chi phí khác                                 | 32    |             | -               | -               |
| 13. Lợi nhuận khác                               | 40    |             | 945,994,401     | 499,123,381     |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế            | 50    |             | 8,682,046,377   | 11,668,126,987  |
| 15. Chi phí thuế TNDN hiện hành                  | 51    | VI.31       | 1,519,358,116   | 2,041,922,223   |
| 16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại                   | 52    | VI.32       | -               | -               |
| 17. Lợi nhuận sau thuế TNDN                      | 60    |             | 7,162,688,261   | 9,626,204,764   |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu                     | 70    |             | 3,125           | 3,768           |

**Biểu 2.52: Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2012**

## CHƯƠNG 3

### **MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI**

#### **3.1 ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI.**

Qua thời gian thực tập tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty có những ưu điểm và hạn chế sau:

##### **3.1.1 Ưu điểm**

###### **☞ Về tổ chức bộ máy kế toán:**

Đề phù hợp với đặc điểm tổ chức và quy mô sản xuất kinh doanh, bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, toàn bộ công việc kế toán được tập trung tại phòng Kế toán – Tài vụ. Việc vận dụng hình thức này có ưu điểm là đảm bảo sự lãnh đạo tập trung, đảm bảo chức năng cung cấp thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức thống nhất từ kế toán trưởng xuống các nhân viên kế toán. Phòng kế toán có quy chế làm việc rõ ràng, mỗi kế toán viên đều có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn riêng. Thêm vào đó đội ngũ nhân viên phòng kế toán là những người có năng lực, có chuyên môn nghiệp vụ, có kiến thức thực tế và có tinh thần trách nhiệm cao.

###### **☞ Về công tác hạch toán kế toán:**

###### **▪ Về khâu tổ chức hạch toán kế toán ban đầu:**

- Các chứng từ được sử dụng trong quá trình hạch toán ban đầu đều phù hợp với yêu cầu nghiệp vụ kinh tế phát sinh và cơ sở pháp lý của nghiệp vụ.
- Các chứng từ đều được sử dụng đúng mẫu của bộ tài chính ban hành, những thông tin kinh tế và nội dung của các nghiệp vụ kinh tế phát sinh đều được ghi đầy đủ chính xác vào chứng từ.

- Các chứng từ đều được kiểm tra, giám sát chặt chẽ, hoàn chỉnh và xử lý kịp thời.
- Công ty có kế hoạch lưu chuyên chứng từ tương đối tốt, các chứng từ được phân loại, hệ thống hoá theo các nghiệp vụ, trình tự thời gian trước khi đi vào lưu trữ.

### ▪ Về công tác hạch toán tổng hợp:

Công ty đã áp dụng đầy đủ chế độ tài chính, kế toán của Bộ tài chính ban hành. Để phù hợp với tình hình và đặc điểm của Công ty, kế toán đã mở các tài khoản cấp 2 nhằm phản ánh một cách chi tiết, cụ thể hơn tình hình biến động của các loại tài sản của công ty và giúp cho kế toán thuận tiện hơn cho việc ghi chép một cách đơn giản, rõ ràng và mang tính thuyết phục, giảm nhẹ được phần nào khối lượng công việc kế toán, tránh được sự chồng chéo trong công việc ghi chép kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho là hợp lý, vì Công ty CP TM Minh Khai là công ty kinh doanh nhiều chủng loại hàng hoá khác nhau, các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan nhiều đến hàng hoá, do đó không thể định kỳ mới kiểm tra hạch toán được.

### 3.1.2 Hạn chế

#### ➤ Về việc ứng dụng công nghệ thông tin:

Hiện nay mặc dù phòng kế toán được trang bị đầy đủ máy vi tính, nhưng kế toán vẫn chưa áp dụng hệ thống phần mềm kế toán để quản lý. Vì vậy đôi lúc chưa xử lý nhanh được các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

#### ➤ Về hệ thống sổ sách tại Công ty:

##### ☞ Về hệ thống sổ chi tiết:

Tại Công ty CP TM Minh Khai, việc tập hợp và hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tương đối hoàn chỉnh, song công ty vẫn còn hạn chế trong việc chưa mở Sổ chi tiết các tài khoản. Điều này đã gây trở ngại cho việc theo dõi tại Công ty. Cụ thể đó là:

- Sổ chi tiết bán hàng: Việc mở Sổ chi tiết bán hàng sẽ giúp cho kế toán theo dõi chi tiết doanh thu của từng loại hàng hóa và tính toán được lãi gộp của

từng mặt hàng hóa. Công ty không mở Sổ chi tiết bán hàng vì vậy kế toán chỉ có thông tin về tổng doanh thu mà không có thông tin về doanh thu từng mặt hàng.

- **Sổ chi tiết giá vốn hàng bán:** Việc mở sổ này nhằm giúp cho kế toán theo dõi giá vốn từng mặt hàng bán ra vì Công ty có rất nhiều mặt hàng hóa khác nhau. Khi Công ty không mở Sổ chi tiết giá vốn hàng bán kế toán sẽ khó có thể theo dõi được giá vốn của từng mặt hàng để từ đó đưa ra được những quyết định cho việc đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm hàng hóa.

- **Sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp:** Trong tất cả các thông tin mà kế toán cung cấp thì chi phí là một trong các thông tin mà bất cứ Doanh nghiệp hoạt động trên các lĩnh vực(SX, thương mại, tư vấn, dịch vụ,...) đều cần để phục vụ cho công tác quản lý như định giá bán sản phẩm, dịch vụ; lập dự toán; kiểm soát chi phí. Thông tin kế toán chi phí càng chi tiết tỷ mỉ càng hữu hiệu cho doanh nghiệp. Vì vậy, khi công ty không mở sổ chi tiết theo dõi các khoản chi phí sẽ gây khó khăn cho các nhà quản lý công ty trong việc quản lý, hoạch định và kiểm soát chi phí tại doanh nghiệp.

☞ *Về hệ thống sổ tổng hợp:*

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh của Công ty CPTM Minh Khai, kế toán tại đây áp dụng hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, sổ sách theo hình thức này đã thay đổi về kết cấu và cách trình bày so với mẫu quy định. Điều này đã gây lên các khó khăn cho việc tiếp cận, đọc hiểu các bảng biểu tại Công ty.

☞ ***Về việc phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh***

Việc phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh giữ một vai trò quan trọng trong phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cung cấp những thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ, cung cấp những thông tin về tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước của doanh nghiệp. Từ sự phân tích các số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh mà nhà quản trị và các đối tượng sử dụng thông tin đánh giá được khả năng sinh lời của doanh nghiệp cũng như hiệu quả kinh doanh của

doanh nghiệp, xác định đầy đủ những nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng của các nhân tố, từ đó đưa ra các giải pháp hữu hiệu để phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh của Doanh nghiệp.

Tuy nhiên, tại Công ty CP TM Minh Khai, công tác lập và phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh mới chỉ dừng lại ở việc lập Báo cáo chứ chưa đi sâu vào việc phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.2 HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY CPTM MINH KHAI

#### 3.2.1 Nguyên tắc của sự hoàn thiện

Phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng muốn có tính khả thi cần đáp ứng những nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ tài chính và các chuẩn mực kế toán của Nhà nước nhưng không cứng nhắc mà linh hoạt. Nhà nước xây dựng và ban hành hệ thống kế toán, chế độ kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế nên việc hoàn thiện phải xem xét sao cho việc hoàn thiện không vi phạm chế độ.
- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm của doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện sản xuất kinh doanh hiệu quả, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách sáng tạo, phù hợp với đặc điểm kinh doanh của ngành mình.
- Hoàn thiện phải đáp ứng yêu cầu thông tin kịp thời, chính xác, phù hợp với yêu cầu quản lý vì chức năng của kế toán là cung cấp thông tin chính xác, cần thiết, kịp thời cho việc ra quyết định các phương án kinh doanh tối ưu cho doanh nghiệp.
- Việc xác định kết quả kinh doanh phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa thu nhập và chi phí, một yêu cầu cần thiết và luôn đúng trong mọi trường hợp đó là tiết kiệm và nâng cao hiệu quả sao cho chi phí bỏ ra là thấp nhất và lợi nhuận đạt được là cao nhất.

### 3.2.2 Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty CPTM Minh Khai

Dựa trên những mặt hạn chế đã nêu ra và thông qua những kiến thức đã được học em xin đưa ra một số biện pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai như sau:

#### 3.2.2.1 Hiện đại hóa công tác kế toán.

Hiện nay, việc áp dụng các phần mềm kế toán vào doanh nghiệp trở nên rất phổ biến. Các phần mềm kế toán thông dụng có thể kể tên như:

- Phần mềm kế toán Fast (Fast Accounting)
- Phần mềm kế toán Misa (MISA SME.NET 2012)
- Phần mềm kế toán ACMAN (ACMAN Accounting)
- Các phần mềm kế toán khác.

Sau đây là phần sơ lược về tính năng và giá cả của một số phần mềm thông dụng có thể áp dụng cho các doanh nghiệp thương mại:

#### ➤ Phần mềm kế toán Fast Accounting

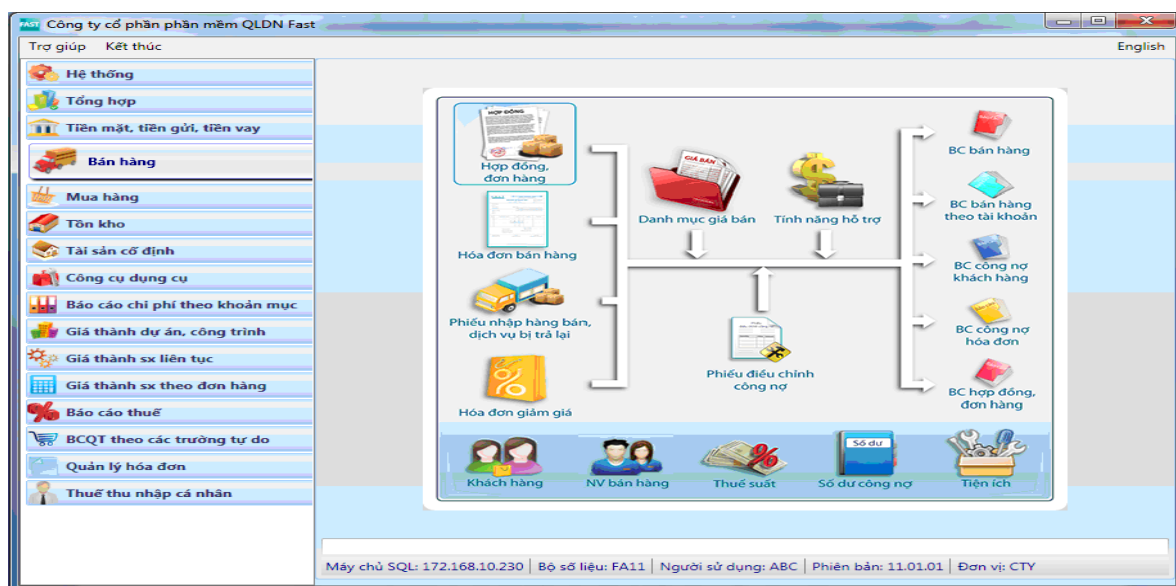
*Các tính năng chính*

- Khai báo năm tài chính, có thể khác với năm lịch hành chính thông thường. Khai báo kỳ bắt đầu nhập liệu vào phần mềm.
- Khai báo các thông tin ngầm định, một số quy tắc khi nhập liệu cho từng chứng từ. Khai báo các thông tin liên quan đến các quyền chứng từ. Với các quyền chứng từ khác nhau giúp người sử dụng có thể nhập đồng thời, độc lập các hóa đơn, các phiếu nhập xuất kho từ các quyền chứng từ khác nhau từ các máy làm việc khác nhau.
- Khai báo danh mục các loại tiền sử dụng, tỷ giá quy đổi ra đồng tiền hạch toán
- Khai báo danh mục các đơn vị cơ sở, cho phép quản lý số liệu riêng của từng đơn vị cấp dưới cũng như tổng hợp số liệu của toàn doanh nghiệp.



## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Khai báo các tham số hệ thống dùng chung cho toàn bộ phần mềm như mã đồng tiền hạch toán, loại sổ sách sử dụng... Khai báo các thông tin tùy chọn giúp người sử dụng làm việc với phần mềm được thuận tiện hơn.



Phần mềm kế toán Fast Accounting có 16 phân hệ: Hệ thống; Kế toán tổng hợp; Kế toán tiền mặt, tiền gửi, tiền vay; Kế toán bán hàng và công nợ phải thu; Kế toán mua hàng và công nợ phải trả; Kế toán hàng tồn kho; Kế toán TSCĐ; Kế toán CCLĐ; Báo cáo chi phí theo khoản mục; Kế toán giá thành dự án, công trình xây lắp;.....

Bảng giá phần mềm và dịch vụ đào tạo, tư vấn:

| Loại hình doanh nghiệp  | Giá phần mềm | Giá dịch vụ đào tạo, tư vấn | Số buổi (2,5 giờ/buổi) |
|-------------------------|--------------|-----------------------------|------------------------|
| Dịch vụ (12 phân hệ)    | 6,000,000 đ  | 2,000,000 đ                 | 4                      |
| Thương mại (13 phân hệ) | 8,000,000 đ  | 2,000,000 đ                 | 4                      |
| Xây lắp (14 phân hệ)    | 10,000,000 đ | 2,000,000 đ                 | 4                      |
| Sản xuất (16 phân hệ)   | 12,000,000 đ | 3,000,000 đ                 | 6                      |

### ➤ Phần mềm kế toán Misa (MISA SME.NET 2012)

Tính năng cơ bản:

- Quy trình hạch toán bằng hình ảnh thân thiện, dễ hiểu, dễ sử dụng với phim, sách hướng dẫn và trợ giúp trực tuyến.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Công cụ quản trị tài chính hiệu quả: Kiểm soát chặt chẽ tình hình tài chính, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Cập nhật các chế độ kế toán tài chính mới nhất: Luôn cập nhật các chế độ kế toán tài chính, các thông tư hướng dẫn thuế, bảo hiểm... mới nhất



Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012 có 13 phân hệ, bao gồm: Phân hệ Quỹ; Phân hệ Ngân hàng; Phân hệ Mua hàng; Phân hệ Bán hàng; Phân hệ Kho; Phân hệ Tài sản cố định; Phân hệ Tiền lương; Phân hệ giá thành; Phân hệ Thuế; Phân hệ Hợp đồng; Phân hệ Cổ đông; Phân hệ Ngân sách; Phân hệ Tổng hợp.

Bảng giá phần mềm MISA SME.NET 2012 và dịch vụ đào tạo, tư vấn:

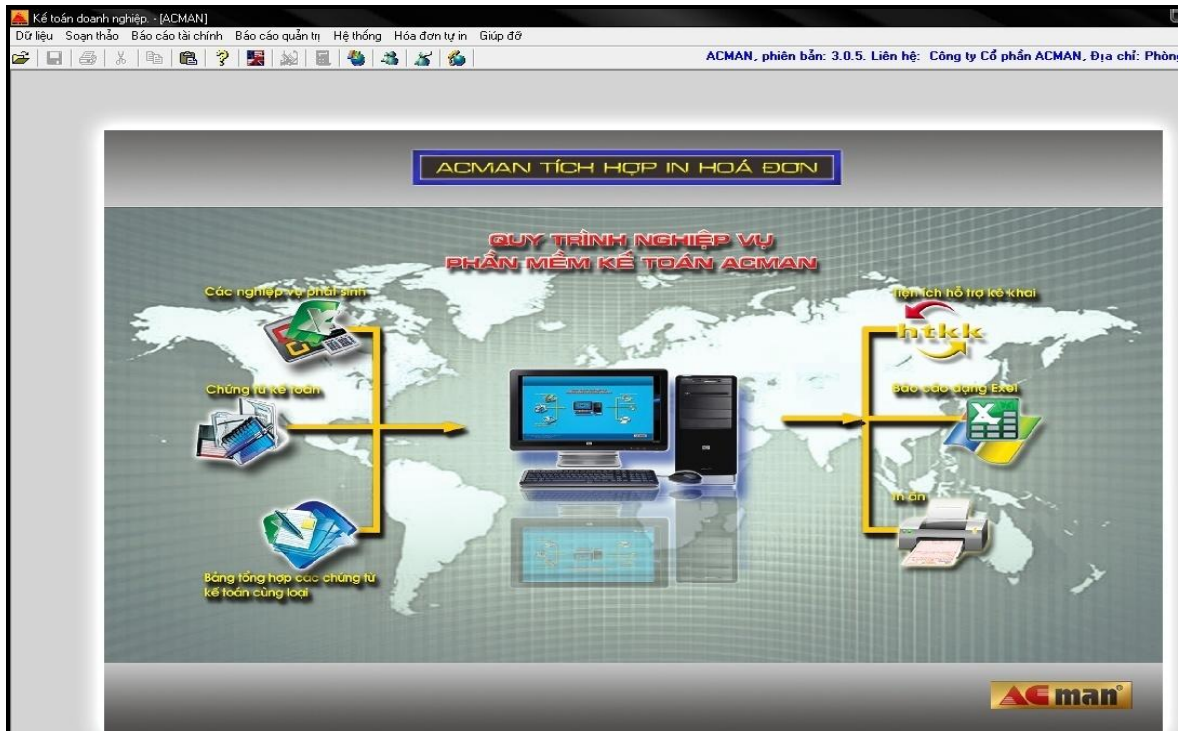
| Gói sản phẩm        | Mô tả                                                  | Đơn giá   | Giá dịch vụ đào tạo, tư vấn               |
|---------------------|--------------------------------------------------------|-----------|-------------------------------------------|
| <b>Leasing</b>      | Không hạn chế tính năng                                | 2.000.000 | - Đào tạo tập trung: 950.000 đ/ Ng/khóa   |
| <b>Standard</b>     | Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2012 - 07 phân hệ        | 6.450.000 | - Đào tạo t/tiếp tại ĐV: 3.950.000 đ/Khóa |
| <b>Professional</b> | Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2012 - 09 phân hệ        | 7.450.000 | - Thay đổi GPSD: 650.000 đ/GPSD/Lần       |
| <b>Enterprise</b>   | Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2012 - đầy đủ 13 phân hệ | 9.950.000 |                                           |

### ➔ Phần mềm kế toán ACMAN

Tích năng cơ bản:

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Chương trình chạy ổn định, đơn giản, dễ sử dụng
- Hệ thống sổ sách, báo cáo đầy đủ theo quy định
- Tính năng mở, áp dụng mọi loại hình doanh nghiệp
- Sử dụng nhiều doanh nghiệp trên một bản quyền
- Đáp ứng tối đa nhu cầu kế toán quản trị, kế toán thuế.



Giá sản phẩm: **Liên hệ.**

Tóm lại, khi áp dụng giải pháp này, doanh nghiệp sẽ thu được các lợi ích đáng kể như: việc xử lý các nghiệp vụ, thông tin kinh tế trở lên nhanh chóng; giảm bớt khối lượng của công việc kế toán. Điều này góp phần giúp cho việc quản lý Doanh nghiệp nói chung và quản lý doanh thu, chi phí nói riêng được hiệu quả hơn. Tuy nhiên, doanh nghiệp cũng cần phải tính toán và xem xét về khoản chi phí bỏ ra, các tính năng công dụng của phần mềm có phù hợp với Doanh nghiệp hay không (tức là xem xét tính khả thi của phương án). Đề xuất của em là Công ty nên áp dụng phần mềm kế toán (cụ thể là phần mềm kế toán MISA SME.NET 2012) vào trong việc hạch toán kế toán tại doanh nghiệp do những tiện lợi mà phần mềm đem lại, giá thành không cao. Ngoài ra phần mềm còn có phân hệ cổ đông thích hợp cho loại hình Công ty Cổ phần.

### 3.2.2.2 Hoàn thiện hệ thống sổ sách tại Công ty.

### ➤ Về hệ thống sổ chi tiết:

Công ty CP TM Minh Khai kinh doanh rất nhiều mặt hàng, doanh thu thu được hàng năm cũng đạt tới 12 con số. Tuy nhiên, các sổ sách về doanh thu và chi phí mà kế toán lập ra mới chỉ dừng lại là các sổ tổng hợp (Nhật ký chứng từ chung, Sổ cái các TK 511, 632,...) chứ chưa được hệ thống qua các sổ chi tiết (sổ chi tiết bán hàng theo từng mặt hàng, Sổ chi tiết giá vốn theo từng mặt hàng, sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí QLDN). Điều này gây khó khăn lớn cho việc theo dõi xác định lượng sản phẩm tiêu thụ, doanh thu, chi phí cũng như khó xác định được lợi nhuận mà từng mặt hàng đem lại.

Để giải quyết vấn đề này, Công ty nên bổ sung thêm các sổ chi tiết bán hàng theo từng mặt hàng, các sổ chi tiết giá vốn theo từng mặt hàng, sổ chi tiết chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Dưới đây là các mẫu sổ cần bổ sung và một số ví dụ minh họa:

- ☞ Sổ chi tiết bán hàng mẫu số S35 – DN (Biểu 3.1)
- ☞ Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mẫu số S36 – DN (Biểu 3.2)
- ☞ Ví dụ minh họa Sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn hàng bán tại Công ty: *Ngày 1/11/2012 Công ty xuất khẩu gạo 15% tấm ủy thác cho Công ty TNHH ITV- Tổng Cty Lương thực Miền Nam.*

Dựa trên Hóa đơn GTGT số 4308 (Biểu 3.3) và phiếu xuất kho số 1/11 (Biểu 2.4) để vào hạch toán Sổ chi tiết bán hàng gạo 15% tấm (Biểu 3.5), Sổ chi tiết giá vốn hàng bán gạo 15% tấm (Biểu 3.6)

- ☞ Ví dụ minh họa Sổ chi tiết chi phí bán hàng tại Công ty (Biểu 3.7)(sử dụng lại ví dụ của chương 2).

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị:.....

Mẫu số S35 – DN

Địa chỉ:.....

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):.....

Năm:.....

Quyển số:.....

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ |             | Diễn giải                                                                 | Tài khoản đối ứng | Doanh thu |         |            | Các khoản tính trừ |                      |
|--------------------|----------|-------------|---------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------|---------|------------|--------------------|----------------------|
|                    | Số hiệu  | Ngày, tháng |                                                                           |                   | Số lượng  | Đơn giá | Thành tiền | Thuế               | Khác (521, 531, 532) |
| A                  | B        | C           | D                                                                         | E                 | 1         | 2       | 3          | 4                  | 5                    |
|                    |          |             |                                                                           |                   |           |         |            |                    |                      |
|                    |          |             | Cộng số phát sinh<br>- Doanh thu thuần<br>- Giá vốn hàng bán<br>- Lãi gộp |                   |           |         |            |                    |                      |

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....

- Ngày mở sổ:.....

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.1 – Mẫu Sổ chi tiết bán hàng**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Đơn vị: Công ty CPTM Minh Khai

Mẫu số S36 – DN

Địa chỉ: Số 23 Minh Khai – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

(Dùng cho các TK:621,622,627,154,631,641,142,242,335,632)

- Tài khoản:.....
- Tên phân xưởng:.....
- Tên sản phẩm, dịch vụ:.....

| Ngày,<br>tháng<br>ghi sổ | Chứng từ   |               | Diễn giải                   | TK đối<br>ứng | Ghi Nợ tài khoản ... |         |     |     |     |     |     |     |      |
|--------------------------|------------|---------------|-----------------------------|---------------|----------------------|---------|-----|-----|-----|-----|-----|-----|------|
|                          | Số<br>hiệu | Ngày<br>tháng |                             |               | Tổng<br>số tiền      | Chia ra |     |     |     |     |     |     |      |
|                          |            |               |                             |               |                      | ...     | ... | ... | ... | ... | ... | ... | .... |
| A                        | B          | C             | D                           | E             | 1                    | 2       | 3   | 4   | 5   | 6   | 7   | 8   |      |
|                          |            |               | -Số dư đầu kỳ               |               |                      |         |     |     |     |     |     |     |      |
|                          |            |               | -Số phát sinh trong kỳ      |               |                      |         |     |     |     |     |     |     |      |
|                          |            |               | -Cộng số phát sinh trong kỳ |               |                      |         |     |     |     |     |     |     |      |
|                          |            |               | - Ghi Có TK...              |               |                      |         |     |     |     |     |     |     |      |
|                          |            |               | -Số dư cuối kỳ              |               |                      |         |     |     |     |     |     |     |      |

- Sổ này có.....trang, đánh số từ trang 01 đến trang.....
- Ngày mở sổ:.....

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.2 – Mẫu Sổ chi phí sản xuất kinh doanh**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Ví dụ minh họa

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                           |                                              |          |                                             |               |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------|---------------------------------------------|---------------|
| <b>HÓA ĐƠN</b><br><b>GIÁ TRỊ GIA TĂNG</b><br>Liên 3: Nội bộ<br>Ngày 01/11/2012                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | Mẫu số: 01GTKT3-3LL<br>Ký hiệu : AA/11P<br>Số HĐ: 0004038 |                                              |          |                                             |               |
| Đơn vị bán hàng: <b>CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI MINH KHAI</b><br>Mã số thuế: <table style="display: inline-table; border: 1px solid black; text-align: center; width: 15px; height: 20px;">0</table> <table style="display: inline-table; border: 1px solid black; text-align: center; width: 15px; height: 20px;">2</table> <table style="display: inline-table; border: 1px solid black; text-align: center; width: 15px; height: 20px;">0</table> <table style="display: inline-table; border: 1px solid black; text-align: center; width: 15px; height: 20px;">0</table> <table style="display: inline-table; border: 1px solid black; text-align: center; width: 15px; height: 20px;">5</table> <table style="display: inline-table; border: 1px solid black; text-align: center; width: 15px; height: 20px;">8</table> <table style="display: inline-table; border: 1px solid black; text-align: center; width: 15px; height: 20px;">9</table> <table style="display: inline-table; border: 1px solid black; text-align: center; width: 15px; height: 20px;">6</table> <table style="display: inline-table; border: 1px solid black; text-align: center; width: 15px; height: 20px;">7</table> <table style="display: inline-table; border: 1px solid black; text-align: center; width: 15px; height: 20px;">7</table> <table style="display: inline-table; border: 1px solid black; text-align: center; width: 15px; height: 20px;"></table> <table style="display: inline-table; border: 1px solid black; text-align: center; width: 15px; height: 20px;"></table> <table style="display: inline-table; border: 1px solid black; text-align: center; width: 15px; height: 20px;"></table> Địa chỉ: Số 23 Minh Khai - Hồng Bàng - Hải Phòng<br>Điện thoại: <b>0313.842346</b> Fax: <b>0313.842438</b> |                                                           |                                              |          |                                             |               |
| Họ tên người mua hàng:<br>Đơn vị: <b>Nhận ủy thác: Cty TNHH 1TV- Tổng Cty Lương thực Miền Nam</b><br>Địa chỉ: <b>Số 42 Chu Mạnh Minh- Quận I- TP. Hồ Chí Minh.</b><br>Hình thức thanh toán: <b>Chuyển khoản</b> MST: <b>03 00613198</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                           |                                              |          |                                             |               |
| STT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | TÊN HH, DỊCH VỤ                                           | ĐV TÍNH                                      | SỐ LƯỢNG | ĐƠN GIÁ                                     | THÀNH TIỀN    |
| A                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | B                                                         | C                                            | 1        | 2                                           | 3=1x2         |
| 1                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Gạo 15% tấm Xkhẩu                                         | Tấn                                          | 55.94    | 8,688,539                                   | 486,036,890.5 |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                           |                                              |          |                                             |               |
|                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                           |                                              |          |                                             |               |
| Cộng tiền hàng:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |                                                           |                                              |          |                                             | 486,036,890.5 |
| Thuế suất GTGT: 5%                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          |                                                           |                                              |          | Tiền thuế GTGT:                             | 24,301,844.5  |
| Tổng cộng tiền thanh toán:                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                           |                                              |          |                                             | 510,338,735   |
| Số tiền viết bằng chữ: <b>Năm trăm mười triệu ba trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm ba mươi năm đồng./.</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |                                                           |                                              |          |                                             |               |
| <b>Người mua hàng</b><br><i>(ký, họ tên)</i>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |                                                           | <b>Người bán hàng</b><br><i>(ký, họ tên)</i> |          | <b>Thủ trưởng ĐV</b><br><i>(ký, họ tên)</i> |               |

**Biểu số 3.3 – Hóa đơn GTGT số 4038**



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Ví dụ minh họa:

|                                                                    |                               |                 |             |               |             |            |
|--------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------|-------------|---------------|-------------|------------|
| Đơn vị:CTCPTM                                                      | <b>PHIẾU XUẤT KHO</b> Số 1/11 | Mẫu số: 02 - VT |             |               |             |            |
| Minh Khai.                                                         | Ngày 01 tháng 11 năm 2012     | QĐ 15/2006 BTC  |             |               |             |            |
| Địa chỉ:23-Minh Khai                                               |                               |                 |             |               |             |            |
| Tên đơn vị nhận: <b>Cty TNHH 1TV- Tổng Cty Lương thực Miền Nam</b> |                               |                 |             |               |             |            |
| Lý do xuất kho: <b>Xuất ủy thác</b>                                |                               |                 |             |               |             |            |
| Xuất tại kho:                                                      |                               |                 |             |               |             |            |
| TT                                                                 | TÊN HÀNG                      | ĐV<br>tính      | Số<br>lượng | Giá đơn<br>vị | Thành tiền  | Ghi<br>chú |
| 1                                                                  | <b>Gạo 15 % tằm</b>           | Tấn             | 55.94       | 7,932,751     | 443,758,108 |            |
|                                                                    |                               |                 |             |               |             |            |
|                                                                    |                               |                 |             |               |             |            |
|                                                                    |                               |                 |             |               |             |            |
|                                                                    |                               |                 |             |               |             |            |
|                                                                    |                               |                 |             |               |             |            |
|                                                                    |                               |                 |             |               |             |            |
|                                                                    | <b>Cộng</b>                   |                 | 55.94       | 7,932,751     | 443,758,108 |            |

Cộng thành tiền: Bốn trăm bốn mươi ba triệu bảy trăm năm mươi tám ngàn một trăm lẻ tám đồng./.

|            |         |            |               |               |
|------------|---------|------------|---------------|---------------|
| K.T trưởng | Thủ kho | Người nhận | P.T cung tiêu | Thủ trưởng ĐV |
|------------|---------|------------|---------------|---------------|

**Biểu 3.4 –Phiếu xuất kho số 1/11**



# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Ví dụ minh họa

**Đơn vị:** Công ty CPTM Minh Khai

**Mẫu số** S35 – DN

**Địa chỉ:** Số 23 Minh Khai – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

**Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư):** Gạo 15 % tằm

**Tháng 11 năm 2012**

| Ngày, tháng ghi sổ | Chứng từ |             | Diễn giải                             | Tài khoản đối ứng | Doanh thu      |                    |                   | Các khoản tính trừ |                      |
|--------------------|----------|-------------|---------------------------------------|-------------------|----------------|--------------------|-------------------|--------------------|----------------------|
|                    | Số hiệu  | Ngày, tháng |                                       |                   | Số lượng (Tấn) | Đơn giá (Đồng/tấn) | Thành tiền (Đồng) | Thuế               | Khác (521, 531, 532) |
| 1/11               | HĐ4038   | 1/11        | Xkhẩu gạo ủy thác cho Cty LT Miền Nam | 131               | 55.94          | 9,122,966          | 510,338,735       |                    |                      |
| .....              | .....    | .....       | .....                                 | ...               | .....          | .....              | .....             |                    |                      |
|                    |          |             | <b>Cộng số phát sinh</b>              |                   |                |                    |                   |                    |                      |
|                    |          |             | - <b>Doanh thu thuần</b>              |                   |                |                    |                   |                    |                      |
|                    |          |             | - <b>Giá vốn hàng bán</b>             |                   |                |                    |                   |                    |                      |
|                    |          |             | - <b>Lãi gộp</b>                      |                   |                |                    |                   |                    |                      |

**Người ghi sổ**  
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

**Biểu số 3.5 – Sổ chi tiết bán hàng gạo 15% tằm**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Ví dụ minh họa:

**Đơn vị:** Công ty CPTM Minh Khai

**Địa chỉ:** Số 23 Minh Khai – Hải Phòng

**Mẫu số S36 – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

**Tài khoản: 632**

**Tên sản phẩm, dịch vụ: Gạo 15 % tằm**

**Tháng 11 năm 2012**

| Ngày<br>ghi sổ | Chứng từ |      | Diễn giải                               | TK đối<br>ứng | Ghi Nợ TK 632 |          |           |
|----------------|----------|------|-----------------------------------------|---------------|---------------|----------|-----------|
|                | Số hiệu  | Ngày |                                         |               | Tổng số tiền  | Số lượng | Đơn giá   |
|                |          |      | - Số phát sinh trong kỳ                 |               |               |          |           |
| 1/11           | PXK1/11  | 1/11 | Giá vốn gạo ủy thác cho Cty LT Miền Nam | 156           | 443,758,108   | 55.94    | 7,932,751 |
| ...            | .....    | ...  | .....                                   | ....          | .....         | .....    | .....     |
|                |          |      | - Cộng phát sinh trong kỳ               |               |               |          |           |
|                |          |      | - Ghi Có TK 632                         | <b>911</b>    |               |          |           |

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

### **Biểu 3.6 – Sổ chi tiết Giá vốn hàng bán**

# KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

## Ví dụ minh họa:

**Đơn vị:** Công ty CPTM Minh Khai

**Mẫu số S38 – DN**

**Địa chỉ:** Số 23 Minh Khai – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ – BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

## SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

**Tài khoản: 641 – Chi phí bán hàng**

**Tháng 11 năm 2012**

| Ngày,<br>tháng<br>ghi sổ | Chứng từ |               | Diễn giải               | TK đối<br>ứng | Ghi Nợ TK 641 |         |       |         |         |
|--------------------------|----------|---------------|-------------------------|---------------|---------------|---------|-------|---------|---------|
|                          | Số hiệu  | Ngày<br>tháng |                         |               | Tổng số tiền  | Chia ra |       |         |         |
|                          |          |               |                         |               |               | TK6411  | ...   | TK 6414 | TK 6418 |
|                          |          |               | - Số phát sinh trong kỳ |               |               |         |       |         |         |
| 2/11                     | PC3/11   | 2/11          | Chi phí giao nhận       | 1111          | 800,000       |         |       |         | 800,000 |
| .....                    | .....    | .....         | .....                   | ....          | .....         | .....   | ..... | .....   | .....   |
|                          |          |               | - Cộng PS trong kỳ      |               |               |         |       |         |         |
|                          |          |               | - Ghi Có TK 641         | 911           |               |         |       |         |         |

**Người ghi sổ**

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

### **Biểu 3.7 – Sổ chi tiết Chi phí bán hàng**

### ➤ *Về hệ thống sổ tổng hợp.*

Căn cứ vào đặc điểm tổ chức kinh doanh của Công ty CPTM Minh Khai, kế toán tại đây áp dụng hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ để hạch toán các nghiệp vụ phát sinh tại doanh nghiệp. Tuy nhiên, sổ sách theo hình thức này đã thay đổi về kết cấu và cách trình bày so với mẫu quy định. Điều này đã gây lên các khó khăn cho việc tiếp cận, đọc hiểu các bảng biểu tại Công ty. Vì vậy, để dễ dàng hơn cho các đối tượng ngoài doanh nghiệp khi tìm hiểu và tiếp cận với doanh nghiệp, Công ty nên thay đổi mẫu sổ theo đúng chế độ ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ tài chính và được sửa đổi, bổ sung theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 30/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài Chính.

### **3.2.2.3 Hoàn thiện về việc phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Việc phân tích Báo cáo kết quả kinh doanh giữ một vai trò quan trọng trong phân tích hoạt động tài chính doanh nghiệp. Báo cáo kết quả HĐKD cung cấp những thông tin về tình hình sản xuất kinh doanh trong kỳ, cung cấp những thông tin về tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước của doanh nghiệp. Từ sự phân tích các số liệu trên Báo cáo kết quả HĐKD mà nhà quản trị và các đối tượng sử dụng thông tin đánh giá được khả năng sinh lời của doanh nghiệp cũng như hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp, xác định đầy đủ những nguyên nhân, mức độ ảnh hưởng của các nhân tố, từ đó đưa ra các giải pháp hữu hiệu để phát triển hoạt động SXKD của Doanh nghiệp. Xuất phát từ tầm quan trọng đó, theo em Công ty nên sử dụng phương pháp phân tích này như là một công cụ hữu hiệu cho việc quản lý doanh nghiệp cũng như việc hoạch định các chiến lược kinh doanh trong các kỳ tiếp theo.

## KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Dưới đây là kết quả phân tích sơ bộ Báo cáo kết quả kinh doanh của năm 2012 so với năm 2011.

### Phân tích Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| STT | CHỈ TIÊU                                        | Năm 2011        | Năm 2012        | SO SÁNH 2011-2012 |           |
|-----|-------------------------------------------------|-----------------|-----------------|-------------------|-----------|
|     |                                                 |                 |                 | Tuyệt đối         | Tương đối |
| 1   | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ          | 230,553,772,243 | 279,984,493,395 | 49,430,721,152    | 21.44%    |
| 2   | Các khoản giảm trừ                              | -               | -               | -                 | 0.00%     |
| 3   | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 230,553,772,243 | 279,984,493,395 | 49,430,721,152    | 21.44%    |
| 4   | Giá vốn hàng bán                                | 201,077,566,393 | 255,536,825,428 | 54,459,259,035    | 27.08%    |
| 5   | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ   | 29,476,205,850  | 24,447,667,967  | (5,028,537,883)   | -17.06%   |
| 6   | Doanh thu hoạt động tài chính                   | 412,909,184     | 227,705,591     | (185,203,593)     | -44.85%   |
| 7   | Chi phí hoạt động tài chính                     | 5,704,899,458   | 3,452,660,258   | (2,252,239,200)   | -39.48%   |
| 8   | Chi phí bán hàng                                | 9,052,338,725   | 9,806,659,751   | 754,321,026       | 8.33%     |
| 9   | Chi phí quản lý doanh nghiệp                    | 3,962,873,245   | 3,680,001,573   | (282,871,672)     | -7.14%    |
| 10  | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh         | 11,169,003,606  | 7,736,051,976   | (3,432,951,630)   | -30.74%   |
| 11  | Thu nhập khác                                   | 499,123,381     | 945,994,401     | 446,871,020       | 89.53%    |
| 12  | Chi phí khác                                    | -               | -               | -                 | 0.00%     |
| 13  | Lợi nhuận khác                                  | 499,123,381     | 945,994,401     | 446,871,020       | 89.53%    |
| 14  | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế               | 11,668,126,987  | 8,682,046,377   | (2,986,080,610)   | -25.59%   |
| 15  | Chi phí thuế TNDN hiện hành                     | 2,041,922,223   | 1,519,358,116   | (522,564,107)     | -25.59%   |
| 16  | Chi phí thuế TNDN hoãn lại                      | -               | -               | -                 | 0.00%     |
| 17  | Lợi nhuận sau thuế TNDN                         | 9,626,204,764   | 7,162,688,261   | (2,463,516,503)   | -25.59%   |
| 18  | Lãi cơ bản trên cổ phiếu                        | 3,768           | 3,125           | (0,643)           | -0.17%    |

Qua bảng phân tích Báo cáo KQHĐKD năm 2011 và năm 2012, ta thấy doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2012 bằng 279,984,493,395 đồng tăng lên so với doanh thu năm 2011 là 49,430,721,152 đồng tương ứng với tốc độ tăng là 21.44%. Điều này thể hiện khả năng tiêu thụ hàng hóa của Công ty là tương đối tốt. Đây là một nhân tố giúp tăng hiệu quả kinh doanh.

Doanh thu thuần năm 2012 so với năm 2011 tăng 49,430,721,152 đồng tương ứng với tốc độ tăng là 21.44%.

Giá vốn hàng bán năm 2012 tăng lên so với năm 2011 là 54,459,259,035 đồng tương ứng với tốc độ tăng là 27.08%. Doanh thu bán hàng tăng thì đòi hỏi giá vốn hàng bán tăng. Đây là hoạt động bình thường của Công ty. Tuy nhiên, tốc độ tăng của giá vốn hàng bán lớn hơn tốc độ tăng của doanh thu bán hàng. Đây là một xu hướng không tốt, chứng tỏ trong năm đã có sự đột biến tăng giảm quá mức. Nguyên nhân dẫn đến tình trạng trên có thể là do lượng hàng hóa mua về đã nhập kho có sự biến động về giá khi các mặt hàng đó bán trên thị trường có xu hướng giảm giá bán nhưng giá mua về đang ở mức cao, Công ty chỉ có thể bán với giá cả bằng hoặc nhỏ hơn thị trường. Vậy nên, trong thời gian tới Công ty nên xây dựng cho mình các kế hoạch mua hàng dự trữ hợp lý và nên trích lập khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho để đảm bảo tính ổn định cho hoạt động kinh doanh của Công ty.

Chi phí bán hàng năm 2012 tăng 754,321,026 đồng so với năm 2011 tương ứng với tốc độ tăng là 8.33%. Như vậy, trong năm 2012 Công ty đã tiếp tục đẩy mạnh hoạt động đầu tư cho công tác bán hàng nhằm củng cố thương hiệu và đưa các mặt hàng mà công ty kinh doanh đến với khách hàng nhiều hơn. Năm 2012 với hệ quả của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới kèm theo sự cạnh tranh khốc liệt của các Doanh nghiệp khác buộc Công ty phải có một chiến lược bán hàng sâu rộng hơn.

Chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2012 giảm 282,871,672 đồng so với năm 2011 tương ứng với tốc độ giảm là 7.14%. Đây có thể được xem là thành tích của Doanh nghiệp trong công tác quản lý chi phí QLDN.

Như vậy. Hoạt động kinh doanh của Công ty đã có những giảm sút đáng kể. Điều đó thể hiện ở chỉ tiêu lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2012 giảm 3,432,951,630 đồng tương ứng với tốc độ giảm 30.74%.

### **Hoạt động tài chính:**

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty trong năm 2012 giảm đi 185,203,593 đồng tương đương với mức giảm 44.85% so với năm 2011. Điều này cho thấy nguồn thu từ hoạt động tài chính đã giảm đi đáng kể. Nguyên nhân của tình trạng này là do Công ty đang trong thời kỳ tập trung nguồn vốn đầu tư xây dựng nhà cho thuê, nâng cấp kho hàng,... Vậy nên, trong các năm tiếp theo khi mà hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành, Công ty nên dành thêm nguồn vốn cho hoạt động tài chính, để khoản thu nhập này chiếm tỷ trọng cao hơn và góp phần mang lại nguồn lợi cho Công ty.

Chi phí tài chính giảm một lượng là 2,252,239,200 đồng tương ứng với tốc độ giảm 39.48%. Điều này cho thấy chi phí tài chính của Công ty có xu hướng giảm mạnh. Nguyên nhân của sự giảm mạnh chi phí hoạt động tài chính là do tại thời điểm năm 2012, lãi suất cho vay ngắn hạn của các Ngân hàng ở mức cao đã khiến cho Công ty có quyết định giảm hoạt động đi vay, đồng thời huy động thêm nguồn vốn của các cổ đông làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu.

Như vậy, hoạt động tài chính năm 2012 đã làm giảm lợi nhuận của Công ty một lượng 3,224,954,667 đồng, giảm 2,067,035,607 đồng so với năm 2011 tương ứng với tốc độ giảm là 39.06%. Trong thời gian tới, Công ty cần tìm cho mình những giải pháp hợp lý để khắc phục được tình trạng trên.

### **Hoạt động khác:**

Thu nhập từ hoạt động khác năm 2012 so với năm 2011 có sự tăng trưởng mạnh, tăng 89.53% với giá trị tăng thêm là 446,871,020 đồng. Nguyên nhân là do trong năm 2012 Công ty được nhà cung cấp cho hưởng nhiều đợt khuyến mại khi mua hàng với số lượng lớn.

Công ty không có khoản chi phí khác.

Như vậy, Hoạt động khác năm 2012 đã mang lại lợi nhuận là 945,994,401 đồng, tăng 446,871,020 đồng so với năm 2011 tương ứng với tốc độ tăng là 89.53%. Hoạt động khác đã mang lại hiệu quả cho Công ty.

### **Kết luận:**

Sau khi tổng hợp số liệu toàn doanh nghiệp, ta thấy tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2012 nhỏ hơn so với năm 2011 là 2,986,080,610 đồng tương ứng với tốc độ giảm 25.59%. Đây có thể xem là khuyết điểm của doanh nghiệp trong hoạt động kinh doanh, đặc biệt là trong công tác quản lý Giá vốn hàng bán. Vì vậy, trong thời gian tới, Công ty cần xây dựng các biện pháp để khắc phục các hạn chế kể trên.

#### **3.2.2.4 Một số giải pháp khác.**

##### **➤ Về chính sách ưu đãi trong tiêu thụ hàng hóa:**

Hiện nay, tại Công ty cổ phần thương mại Minh Khai, các kênh ưu đãi dành cho khách hàng như chính sách chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán thường ít được sử dụng đến. Điều này khiến cho việc các khách hàng mới sau khi mua hàng tại doanh nghiệp thường tìm đến các doanh nghiệp khác có áp dụng chính sách ưu đãi thường xuyên hơn. Do vậy, để thu hút được nhiều khách hàng mới mà vẫn giữ được khách hàng lâu năm, Công ty nên có chính sách khuyến khích người mua bằng cách đẩy mạnh việc sử dụng các chính sách ưu đãi nói trên.

##### **➤ Về việc tổ chức kế toán quản trị trong Công ty**

Kế toán quản trị là một bộ phận quan trọng trong hệ thống thông tin của doanh nghiệp. Nó cung cấp các thông tin cần thiết để giúp các nhà quản lý điều hành và kiểm soát các hoạt động trong doanh nghiệp. Tuy nhiên, trong thời gian thực tập tại Công ty em nhận thấy công tác kế toán quản trị chưa được chú trọng. Công tác kế toán ở Công ty thiên về kế toán tài chính, các thông tin cung cấp mới chỉ phục vụ chủ yếu cho các đối tượng bên ngoài Doanh nghiệp. Vì vậy, Công ty nên đẩy mạnh công tác kế toán quản trị như là một công cụ hữu hiệu giúp doanh nghiệp có thể phát triển bền vững hơn trên nền tảng mà doanh nghiệp hiện có.



## KẾT LUẬN

Hiện nay, trong điều kiện nền kinh tế có nhiều diễn biến không thuận, mỗi doanh nghiệp không những phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường mà còn là sự giảm mạnh của nhu cầu tiêu dùng hàng hóa. Kết quả kinh doanh của mỗi doanh nghiệp có tính chất quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đó. Vì vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh càng phải được tổ chức tốt, đảm bảo phản ánh, ghi chép một cách đầy đủ, chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp nhằm nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Qua quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty thực hiện khá đầy đủ và đảm bảo đúng chế độ tài chính kế toán do Nhà nước quy định. Tuy nhiên công tác vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế nhất định. Để kế toán thực sự là công cụ quản lý không thể thiếu, Công ty nên tiếp tục hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Vì thời gian và kiến thức có hạn nên bài viết của em chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô và các bạn để bài viết được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa cho em được bày tỏ lòng biết ơn Ban lãnh đạo cùng các bác, các cô và các chị trong phòng Kế toán của Công ty và cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của giáo viên hướng dẫn – Thạc sỹ Nguyễn Thị Mai Linh đã giúp đỡ em rất nhiều để hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

*Hải Phòng, ngày 15 tháng 06 năm 2013*

**Sinh viên**

***Nguyễn Hằng Nga***

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

**1. Chế độ kế toán doanh nghiệp**

*(Ban hành theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính)*

**2. Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam**

**3. Các chứng từ, sổ sách năm 2012 tại Công ty Cổ phần thương mại Minh Khai**

**4. “Kế toán doanh nghiệp”**

*Chủ biên PGS.TS Nguyễn Văn Công*

**5. “Kinh tế và phân tích hoạt động kinh doanh”**

*Chủ biên PGS.TS Phạm Văn Kế*

**6. Chuẩn mực kế toán Việt Nam**

a. Websise: [www.google.com.vn](http://www.google.com.vn)

b. Websise: [www.Ketoanvietnam.com](http://www.Ketoanvietnam.com)

**7. Website của các công ty phần mềm kế toán như:**

a. [www.fast.com.vn](http://www.fast.com.vn)

b. [www.misa.com.vn](http://www.misa.com.vn)

c. [www.acman.com.vn](http://www.acman.com.vn)

**8. “Kế toán quản trị áp dụng cho các doanh nghiệp Việt Nam”**

*Biên soạn: PGS.TS. Đào Văn Tài - TS. Võ Văn Nhị - TS.Trần Anh Hoa*